

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP



TÍN TỨC PHẬT SỰ



VĂN HỌC PHẬT GIÁO



YO SĀRO SO TITTHATI

"Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài"

11

THÁNG 10.2012



SỐ 11

THÁNG 10.2012

Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: **803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A.** — Tel.: **(714) 571-0473** | Email: **info@chanhphap.us**

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Chúc Thiên
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình ảnh: **Buddhaphoto.net**

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THÔNG TƯ VỀ LỄ TƯỜNG NIỆM ĐLHT THÍCH MINH CHÂU** (GHPGVNTNHNK), tr. 8
- ♦ **TUNG CÁN VƯỢT NGÀN ĐẠI MỘNG** (thơ Tuệ Như - Mặc Phương Từ), trang 9
- ♦ **GIÁ TRỊ HẠNH PHÚC QUA ĐẠI KINH VÍ DỤ LỜI CÂY** (HT. Thích Minh Châu), trang 10
- ♦ **TƯỜNG NHỚ MỘT NGƯỜI THẦY TRONG ĐẠO: TK. THÍCH MINH CHÂU** (Gs. Trần Ngọc Ninh), trang 12
- ♦ **SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TLHT THÍCH MINH CHÂU** (GHPGVNTNHNK), trang 16
- ♦ **NHÂN DUYÊN VỚI HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU** (ĐNT. Tín Nghĩa), trang 18
- ♦ **ÁNG MÂY GIỮA TRỜI** (thơ Nguyễn Siêu), trang 20
- ♦ **VÀI SUY NGHĨ NHÂN ĐỌC TẠNG KINH NIKĀYA TIẾNG VIỆT** (Chúc Phú), tr. 20
- ♦ **TỰ VẤN** (thơ Sơn Cư - Thích Tịnh Từ), tr. 23
- ♦ **HÌNH ẢNH LỄ NHẬP THÁP ĐLHT THÍCH MINH CHÂU** (Nguyễn Lạc - Đăng Huy), tr. 24
- ♦ **HÌNH ẢNH PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG TẠI PEEK FAMILY** (Dzũng Nguyễn), trang 25
- ♦ **TƯỜNG NIỆM HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU, NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC CỦA PGVN** (Huỳnh Kim Quang), trang 26
- ♦ **HÒN BAY GIỮA CUỘC LỪNG LÖ** (thơ Hàn Long An), trang 28
- ♦ **MỘT ĐÓA TƯỜNG VÂN / TÂM TÍNH AN NHIÊN / NỤ CƯỜI ĐỂ LẠI** (thơ Thích Nhật Trí / Quảng Pháp / Tâm Thường Định), tr. 29
- ♦ **TÁM NGỌN GIÓ ĐỜI** (Tâm Lương - Đào Mạnh Xuân), trang 30
- ♦ **TỰ TẠI ĐƯỜNG MÂY** (thơ Vĩnh Hào), tr. 31
- ♦ **GIẢI THƯỜNG TRẦN NHÂN TỔNG NĂM 2012 VỀ HÒA GIẢI VÀ THƯƠNG YÊU** (Lan Anh), trang 32
- ♦ **THƯ CỦA THIÊN SỰ NHẤT HẠNH CHÚC MỪNG ÔNG THEIN SEIN VÀ BÀ AUNG SAN SUU KYI**, trang 33
- ♦ **TÌM QUẢ DẮNG PHẬT - SỰ PHẢN CHIẾU** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 35
- ♦ **NGƯỜI ĐIÊN THƠ MỘNG** (Hạnh Chi), tr. 36
- ♦ **NGƯỜI ĐIÊN UỐNG RƯỢU** (thơ Bùi Giáng), trang 37
- ♦ **ĐỌC THƠ BÙI GIÁNG** (Vĩnh Hào), trang 38
- ♦ **LỜI NGƯỜI ĐIÊN, GIÒNG SÔNG, MƯƠI HAI CON MẮT...** (thơ Bùi Giáng), trang 39
- ♦ **PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG TẠI NHÀ QUẦN PEEK FAMILY...** (Thích Minh Tuệ), trang 40
- ♦ **LÀM LỢI ĐẠO ÍCH ĐỜI, ĐẸP LÒNG CHA MẸ** (thơ và đối của Trần Trọng Khoái & Trần thị Kim Quế), trang 41
- ♦ **THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH** (Tổng vụ Truyền Thông GHPGVNTNHNK), trang 42
- ♦ **TÔI YÊU MÀU LAM** (Hạnh Tuấn), trang 47
- ♦ **CHÚT HOÀI NIỆM VỚI VU LAN** (Thích Hạnh Thông), trang 49
- ♦ **NĂM ĐIỀU LUẬT** (GDPTVN Hoa Kỳ), tr. 50
- ♦ **HÔI HAY ĐÁP ĐÚNG - song ngữ** (Thích Nguyễn Tạng dịch), trang 52
- ♦ **VẠN PHÁP / ALL PHENOMENA** (Nguyễn Giác dịch và bình), trang 54
- ♦ **NÔI BUỒN NHỚ MẸ** (TN. Hạnh Thanh), trang 55
- ♦ **NAU CHAY: BÚN TÀU KHO TƯƠNG** (Diệu An), trang 57
- ♦ **ĐỊNH NGHĨA "ĂN CHAY" VÀ CÁC KIỂU ĂN CHAY THEO TÂY VÀ ĐÔNG PHƯƠNG** (Bs. Đỗ Minh Hạnh), trang 59
- ♦ **MẶT TRỜI, MẶT TRĂNG CỦA TÔI** (Thảo Lữ), trang 61
- ♦ **SA MÔN XÔNG GIỚI ĐỨC HƯƠNG...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 62
- ♦ **GIẢI CỨU ĐUA CON CỦA LONG VƯƠNG - song ngữ** (HT. Thích Trí Chơn dịch), tr. 63
- ♦ **PHÁP PHÁP CHO TRẺ EM - 5. BUDDHIST STORY / CHUYỆN PHẬT GIÁO** (Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch), trang 64
- ♦ **ĐÊM Ồ NUI** (thơ Tuệ Thiền - Lê Bá Bôn), trang 65
- ♦ **TRÍ TUỆ: SINH MỆNH CỦA ĐẠO PHẬT** (Đào Văn Bình), trang 66
- ♦ **GIAO MÙA, SỜM THU** (thơ Nguyễn thị Minh Thủy), trang 70
- ♦ **TÂM BÌNH, CÀNH NGÔ CHIM PHƯỢNG, BÙN VÀ SEN** (thơ Lam Nguyễn), trang 71
- ♦ **HÌNH ẢNH PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG - tiếp theo** (Dzũng Nguyễn), trang 72
- ♦ **PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG** (TN. Giới Định), tr. 74
- ♦ **MẸ TÔI** (Diệu Nga), trang 76
- ♦ **NIỆM NAM MÔ** (Thanh Nhân), trang 78
- ♦ **THƯ VỀ VU LAN ĐẾN / GẶP BẠN TRONG MƠ / MẮT ANH** (thơ Trí Bảo / Nguyễn Thân / Quảng Nguyễn), trang 79
- ♦ **TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí), trang 80



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 11, tháng 10 năm 2012, do Tổ Đình Từ Đàm (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ân phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

Mục đích tối hậu của người học Phật là để tìm về bản lai diện mục của mình, tức là tìm cách quay về, nắm bắt lại điều cốt tủy mà mình đã có sẵn. Đây là một nghịch lý. Có sẵn thì cần gì phải tìm! Đã là bản lai thì cần gì phải quay về!

Là bởi tuy có sẵn, mà không nhìn thấy, không dùng được; sờ sờ ra đó nhưng lại cách xa nghìn trùng, như kho tàng châu báu trong chéo áo gã cùng tử. Cho nên, phải tìm thì mới thấy, thấy rồi thì mới nắm được, dùng được. Nắm được, dùng được rồi, lại thêm một nghịch lý khác: đã có sẵn, đã là của mình, thì làm gì có sự mất đi, làm gì có cái gọi đã tìm được!

Nghịch lý trên được đức Phật làm sáng tỏ trong “Đại kinh Ví dụ Lỗi cây” (Trung bộ), rằng người thực hành chánh pháp không nên tự mãn với những thành tựu của mình. Nghĩa là phải vượt qua những điều gọi là thành công, thành tài, thành danh, thành tích, thành tựu... vượt qua những điều gọi là sở đắc, sở chứng. Nói theo tinh thần Bát-nhã thì phải thành tựu ba-la-mật, tức là vượt qua một cách rốt ráo, đến chỗ không còn gì để vượt qua, không còn gì để chứng đắc. “Bởi vì ở trong Không tánh ấy, chẳng có cái gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có cái gọi là nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... cho đến... không có cái gọi là vô minh hay chấm dứt vô minh; không có già-chết, cũng không có cái gọi là chấm dứt già-chết;... không có cái gì gọi là tuệ giác, cũng chẳng gì gọi là chứng đắc...” (Bát-nhã Tâm kinh). Để tìm được lỗi cây, phải vượt qua cành lá, vỏ cây, giác cây; có được lỗi cây rồi thì lỗi cây cũng phải vượt qua. Ở đây, có thể nói theo thể điệu ngôn ngữ của kinh Kim Cang: lỗi cây không phải là lỗi cây, mới chính là lỗi cây.

Chúng ta, kẻ phàm phu, suốt đời lăng xăng, xông xáo chạy theo lợi dưỡng, danh vọng, địa vị... không ý thức được tất cả những thứ ấy đều hão huyền. Chỉ một cơn gió nhẹ của vô thường thoảng qua, những gì chúng ta gom góp tích lũy một đời, đều rơi rụng hết. Chúng ta vô minh, tạo khổ đau cho mình, cho người, từ kiếp này sang kiếp khác; để rồi cứ triền miên quờ quạng trong nẻo sinh tử, chẳng thấy đâu là giá trị, là cốt lõi, là gia tài sẵn có của mình. Có khi được nhân duyên tốt học đạo, thấy được lẽ chân, lại không thực hành sự vượt qua, không có được tâm giải thoát bất động, cứ đắm nhiễm, tự mãn trong những thành tựu nhỏ nhoi, tiếp tục làm người vô trí.

Bậc hiền trí, không như vậy. Lưng thường đến, lưng lưng đi. Nhẫn nhục như đất. Bao dung như trời. Làm tất cả những điều lợi ích cho kẻ khác rồi phui tay, chẳng cần giữ lại gì. Độc hành đi vào nơi thâm áo kỳ tuyệt, vượt qua những chặng đường và nơi chốn dừng chân; từ nơi cao thăm, gửi lại nụ cười nhẹ tênh...



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Triển lãm Tranh Phật giáo Trung Hoa

Từ ngày 1-9-2012 đến 24-2-2013, Phòng triển lãm Nghệ thuật Freer của Viện Smithsonian (Washington D.C) sẽ giới thiệu một cuộc triển lãm có tựa đề "Chúng sanh Giác ngộ: Phật giáo trong Tranh Trung hoa".

Gồm 27 tác phẩm, triển lãm sẽ trưng bày những tranh có niên đại từ thế kỷ thứ 11 đến 19.

Triển lãm tập trung vào 4 loại chính của hữu thể giác ngộ: Đức Phật, chư bồ tát, chư la hán, và những thiên tăng có quái cùng những bậc chân sư.

14 trong số 27 tác phẩm được trưng bày có niên đại vào thời nhà Tống, Nguyên và Minh sơ (1.000-1.400 sau Công nguyên), và những tranh còn lại có từ thế kỷ thứ 15 đến 19 (vào thời nhà Minh và nhà Thanh).

(Shambala Sun - September 1, 2012)



Sân trong của Phòng triển lãm Nghệ thuật Freer - Photo: Shambala Sun

BHUTAN: Lễ hội Paro 2013

Ngành Du lịch Bhutan thông báo về Lễ hội Paro 2013 được tổ chức từ ngày 23 đến 27-3-2013.

Lễ hội Paro được nhiều du khách tham dự vì qua sự kiện

này người ta hiểu được lối sống của người Bhutan. Lễ hội được tổ chức để vinh danh Guru Rinpoche, người đã đưa Phật giáo Mật tông vào đất nước này.

Người Bhutan từ khắp nơi đến dự lễ hội Paro trong trang phục đẹp nhất của họ.

Những vũ điệu khác nhau được trình diễn trong suốt lễ hội để khẩn cầu chư thần quét sạch những bất hạnh, cũng như ban thêm may mắn và phúc đức. Các điệu múa của lễ hội Paro là để chúc phúc cho người xem và dạy họ về lối sống Phật giáo.

(Bignews Network - September 1, 2012)



Một vũ điệu của Lễ hội Paro - Photo: Bignews Network

NAM HÀN: 7 tu viện Phật giáo được xét để xin xếp hạng Di sản Thế giới UNESCO

Seoul, Nam Hàn - Hội đồng Bộ trưởng về Danh hiệu Quốc gia đã bắt đầu việc nghiên cứu và xem xét về đơn xin xếp hạng là Di sản Thế giới UNESCO tại 7 tu viện ở Hàn quốc.

Trong khuôn viên của 7 tu viện có lịch sử hơn 1.000 năm tuổi này đều có những tài sản lịch sử và văn hóa quan trọng khác nhau.

Hội đồng đã họp vào ngày

10-8-2012 tại Bộ Tài sản Văn hóa để xem xét các chiến lược về việc xin xếp hạng Di sản Thế giới UNESCO tại 7 tu viện nói trên.

Sẽ có một Diễn đàn học thuật để thông tin thêm về những bảo vật quốc gia, tài sản văn hóa và tài sản Phật giáo của 7 tu viện này, và về tầm quan trọng lịch sử, văn hóa và Phật giáo để được UNESCO công nhận vào tháng 12-2012.

(Buddhist Door - September 3, 2012)



Tu viện Tongdosa, một trong 7 tu viện được xét để xếp hạng là Di sản Thế giới UNESCO - Photo: E. H. Hayakawa

ÚC ĐẠI LỢI: Chuyên gia dùng Phật giáo để chống bắt nạt

Tiến sĩ Tamara Ditrich, một chuyên gia về thiền định, sẽ dùng giáo lý Phật giáo để giúp các giáo viên trong khu công nghiệp Berkeley (phía nam thành phố Wollongong) đối phó với các vấn đề thời này như bắt nạt và không lưu tâm.

Tiến sĩ Ditrich đã tham gia Học viện Nam Thiên (NTI) ở Berkeley vào tháng 9 này, và như một phần của nhiệm kỳ 2 năm, bà sẽ phát triển khóa học mà mình đã thử nghiệm thành công tại các trường ở châu Âu.

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

"Sẽ không có thiên vị về tôn giáo trong khóa học, nó sẽ chỉ giúp các giáo viên nào muốn thử các kỹ thuật Phật giáo như thiền định để đối phó với các vấn đề ở trường của họ", bà nói.

"Tôi đã giúp các giáo viên những kỹ thuật này để chế ngự học sinh và giúp các em tập trung, và điều này thật sự đã giúp đối phó với các vấn đề như tức giận, bắt nạt, thiếu quan tâm và cạnh tranh quá mức".

Tiến sĩ Ditrich có hơn 35 năm kinh nghiệm về Phật giáo và Phật thiền, học theo các thiền sư ở Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan và Ấn Độ.

Bà đã dạy tại một số trường Đại học ở châu Âu và Úc, gần đây nhất là trường Đại học Queensland – nơi bà lập ra Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo.

(Buddhist Door – September 3, 2012)



Tiến sĩ Tamara Ditrich tại Chùa Nam Thiền, Úc Đại Lợi - Photo: Andy Zakeli

ẤN ĐỘ: Khai quật tượng Phật cổ và tu viện thế kỷ thứ 8

Ngày 3-9-2012 tại làng Kesharapur-Hatikhol (bang Orissa), các thợ đào rãnh thoát nước đã tình cờ khai quật một tượng Phật và một tu viện Phật giáo. Pho tượng được cho là thuộc giai đoạn hậu-Gupta (500-750 sau Công nguyên), và tu viện có thể có niên đại từ thế kỷ thứ 8. Các phát hiện này chắc chắn sẽ được các nhà khảo cổ học quan tâm.

Ông Harischandra Prusty, nhà sử học địa phương và là nhà nghiên cứu Phật giáo, nói rằng tu viện có mỗi cạnh khoảng 30 m, được xây bằng những tảng đá lớn, gồm 4 phòng. "Tu viện Phật giáo này có thể được xây vào thế kỷ

thứ 8, dưới sự bảo trợ và truyền bá của một vị vua thuộc triều đại Bhaumakara vốn hưng thịnh vào thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 11 tại bang này", ông nói.

(shambalasun.com – September 7, 2012)

HOA KỲ: Triển lãm "Thiền Phật và Nghệ thuật Nhật Bản"

Cuộc triển lãm "Thiền Phật và Nghệ thuật Nhật Bản" được tổ chức tại nhà bảo tàng Frank H. Mc Chung của trường Đại học Tennessee, từ ngày 15-9 đến 31-12-2012.

Triển lãm bao gồm các hiện vật như chén trà, áo choàng, bảng tường niệm bằng đồng và tác phẩm điêu khắc gỗ. "Thiền Phật" còn trưng bày hơn 40 tranh cuộn treo do các Thiền Sư sáng tác qua tranh và thư pháp từ năm 1.600 đến 1.868.

Bảo tàng cũng đã xây một thạch thiền viên nhỏ cho triển lãm này, và sẽ tổ chức các sự kiện đặc biệt khác kết hợp với cuộc triển lãm, như thuyết trình về Thiền, trình bày cắm hoa Nhật Bản và Trà đạo.

(Knoxnews – September 8, 2012)

Hai trong số các hiện vật được trưng bày tại triển lãm "Thiền Phật" ở Bảo tàng Frank H. Mc Chung:



Thiên vương Fudo Myoo, tượng gỗ cao 35 inches



Chén trà bằng đá thời nhà Tống Trung Hoa, có màu dịu dành cho trà đạo, được sản xuất chủ yếu để xuất khẩu sang Nhật Bản

ẤN ĐỘ: Lễ hội Quốc tế về Di sản Phật giáo của Ladakh

Leh, Ladakh – Từ ngày 4-9-2012, Trung tâm Thiền Quốc tế Đại Bồ đề (MIMC), Leh-Ladakh, tổ chức lễ hội Quốc tế về Di sản Phật giáo Ladakh kéo dài một tuần.

Các hình thức nghệ thuật khác nhau - như khắc gỗ, dệt vải len, tranh vẽ và món ăn truyền thống - là một phần của lễ hội trưng bày di sản Phật giáo này.

Với sự tham dự của du khách từ khắp Ấn Độ và thế giới, khu vực miền núi thưa thớt dân cư Leh bây giờ là trung tâm của sự chú ý về nghệ thuật.

Konchok Chospel, một nghệ sĩ và giáo viên về khắc gỗ, cho biết rằng phải mất nhiều năm để học tập những nghệ thuật truyền thống này. "Phật Học Viện Trung ương của chúng tôi là nơi duy nhất ở Ấn Độ dạy các loại hình nghệ thuật truyền thống, nơi học viên sau khi học lớp 10 có thể chọn một khóa học 6 năm", ông nói.

Sư Sanghasena, người sáng lập và là chủ tịch MIMC Leh có kế hoạch tổ chức sự kiện này ở qui mô lớn hơn vào năm sau, "để giúp khôi phục nền văn hóa cổ của Ladakh".

(Hindustan Times – September 8, 2012)



Một phụ nữ Ladakh tại Lễ hội Di sản Phật giáo - Photo: HT

NHẬT BẢN: Đội bóng Phật tử của trường Đại học Komazawa

Đội bóng đá Chim Ác là Úc Komazawa có những mối gắn bó với Phật giáo, vì tất cả cầu thủ của đội đều là sinh viên hiện đang học hoặc đã tốt nghiệp trường Đại học Komazawa ở Tokyo này.

Trường Đại học Komazawa là một trong những trường Đại học cổ xưa nhất tại Nhật, được thành lập vào năm 1592 như là một tu viện và là trung tâm học tập cho tăng sĩ trẻ của phái Soto, một trong 2 truyền thống Thiền Phật chính tại Nhật.

Trường có khoảng 1.600 sinh viên, và Nghiên cứu Phật giáo là một trong các khoa và bộ môn của chương trình giảng dạy. Các cựu sinh viên nổi tiếng bao gồm các Thiền Sư, cầu thủ bóng đá quốc gia, họa sĩ tranh manga, một ca sĩ nhạc pop và một số cầu thủ bóng chày chuyên nghiệp.

(japanese-buddhism.com - September 9, 2012)

THÁI LAN: Quả lưu niệm đặc biệt của Chùa Sampa Siw

Suphan Buri, Thái Lan - Ngôi chùa Sampa Siw 700 năm tuổi tại quận Muang của Suphan Buri đã phát hành những bùa hộ mệnh có hình một vị thần cầm một iPad, và hình Mèo máy Đôremon (Doraemon) - nhân vật hoạt hình nổi tiếng của Nhật - đội khăn trùm đầu của người Thái. Khách viếng được chùa phát tặng bùa hộ mệnh như một vật lưu niệm.

Chùa đã mời 9 tăng sĩ nổi tiếng để niệm chú cho những bùa này.

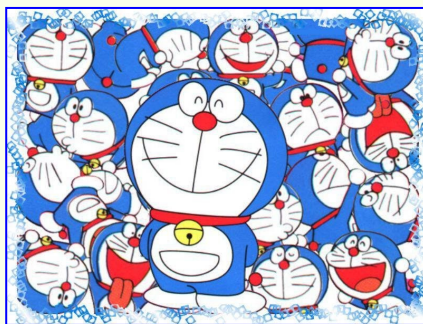
TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Một nhà sư ở chùa Sampa Siw nói rằng bùa và vật trang sức được tặng cho khách tham quan chùa làm kỷ vật, cũng như tặng cho trẻ em như phần thưởng cho việc thể hiện sự quan tâm của các em đối với Phật giáo.

(japanese-buddhism.com - September 11, 2012)



Bùa hộ mệnh có hình Mèo máy Đôremon - Photo: Bangkok Post



Đôremon nguyên bản - Photo: tokyomango.com

CAM BỐT: Phát hiện những hài cốt tại một ngôi chùa ở Siem Reap

Các công nhân xây dựng tại Chùa Kesarasam ở thành phố Siem Reap đã khai quật những hài cốt mà các quan chức nói có thể là của những nạn nhân của Khmer Đỏ.

Có 18 hộp sọ bị vỡ, và những xương cánh tay bị trối với nhau bằng dây thừng, những xương chân bị cùm chung bằng các còng sắt.

Một công nhân xây dựng nói xương người được phát hiện vào tuần trước. Và tuần này, khi đào đất để xây khu nhà ở cho chư tăng, họ đã tìm thấy nhiều hộp sọ và xương chỉ vài feet dưới mặt đất.

Sư trưởng Sambath Ly Ye nói rằng ngôi chùa đã được xây trên một địa điểm hành hình của Khmer Đỏ trước đây.

Ông nói trong vài năm qua, xương người đã được phát hiện tại chùa và đã được lưu giữ tại một nhà nhỏ sau chùa.

(UPI - September 12, 2012)

HOA KỲ: Phật tử Nhật Bản làm lễ kỷ niệm 100 năm tại Utah

Salt Lake, Utah - Ngày 15-9-2012, hội viên của cộng đồng Phật giáo Utah đã tập trung để mừng lễ kỷ niệm năm thứ 100 của tín ngưỡng họ tại Utah.

Đây là một cột mốc quan trọng được họ tôn kính đón mừng.

Hàng trăm người dân Utah theo phái Jodo Shinshu, tông phái lớn nhất trong Phật giáo Nhật Bản, đã tập trung lại cho cuộc diễn hành kỷ niệm 100 năm này.

Tại bang Utah có 3 ngôi chùa của tông phái Jodo Shinshu tọa lạc tại thành phố Salt Lake, Honeyville và Ogden.

Năm 1912, một tu sĩ Phật giáo từ San Francisco đã tiến hành lễ tưởng niệm đầu tiên cho tất cả những người Nhật tiên phong đã chết. Những người này đến Utah để làm việc cho các tuyến đường sắt và trong các mỏ.

(Bignews Network - September 17, 2012)



Ảnh giáo hội chụp bên ngoài Phật tử Salt Lake, nơi tập trung đầu tiên của người Mỹ gốc Nhật vào năm 1937 - Photo: Matthew Brown

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

MÃ LAI: Lâm tăng tại Thái Lan qua triển lãm nhiếp ảnh

Ipoh, Mã Lai – Những ảnh chụp các lâm tăng hành cước qua những rừng già của Thái Lan đã được trưng bày tại một cuộc triển lãm ở thành phố Ipoh trong thời gian gần đây.

Ajahn Cagino, một nhà nhiếp ảnh đã xuất gia, là tác giả của khoảng 90 tấm ảnh về cuộc sống khổ hạnh của các nhà sư theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Thái này.

Sinh tại thành phố Seremban, Mã Lai, và tốt nghiệp từ Viện Nghệ thuật Mã Lai ở Kuala Lumpur, Cagino từng là một nhiếp ảnh gia đoạt giải thưởng trước khi đi tu vào năm 27 tuổi.

Ảnh triển lãm của ông được chụp trong thời gian 14 năm, khi ông hành cước qua khoảng 4.000 km như một lâm tăng.

Cuộc triển lãm kéo dài 2 ngày này, được tổ chức bởi Hội Phật giáo Mã Lai, cũng nhằm mục đích gây quỹ Dhammagiri của Cagino dành cho một trại mồ côi tại Mae Hong Son, bắc Thái Lan.

(News Straits Times – September 18, 2012)

Một số ảnh triển lãm của A. Cagino với chủ đề Lâm tăng tại Thái Lan:

Photos: A. Cagino



Các lâm tăng tham thiền trên những bè tre

*Tham thiền nơi thác nước
—>*



Bữa ăn của chư lâm tăng sau khi đi khất thực



Nhập định bên dòng suối trong rừng già



Dân làng cúng dường vật phẩm cho các lâm tăng





Tham thiền trong hang động



Các sa di đi thuyền qua sông

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

MÃ LAI: Các thành viên Hội đồng đa tín ngưỡng đến thăm bệnh nhi tại bệnh viện

Ipoh, Mã Lai – 15 thành viên Hội đồng Tư vấn của Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, đạo Sikh và Đạo giáo (MCCBCHST) đã đến thăm trẻ em đang được điều trị tại bệnh viện nhi đồng Raja Permaisuri Bainun ở Ipoh.

Ông Harchan Singh Bedi, chủ tịch MCCBHST, là người dẫn đầu nhóm này, đã tặng các túi bánh kẹo cho 24 bệnh nhi.

Ông Harchan Singh nói rằng đây là sự kiện được tổ chức kết hợp với Ngày Mã Lai, và nhằm mục đích thúc đẩy sự hiểu biết và tôn trọng giữa những người thuộc các tôn giáo khác nhau. “Hội đồng sẽ tổ chức những sự kiện như : một chiến dịch đa quốc gia vào tháng tới, Ngày Cầu nguyện cho Hòa bình (vào tháng 11) và cam kết hiến máu cũng như bộ phận cơ thể (vào tháng 12)”.

(nst.com.my – September 20, 2012)

BA LAN: Khóa tu Chứng kiến năm thứ 17 tại Auschwitz-Birkenau

Các Thiền sư Hòa bình sẽ trở lại Auschwitz-Birkenau ở Oswiecim, Ba Lan, nơi từng là khu trại tập trung người Do Thái vào thế chiến thứ II. Đây sẽ là khóa tu Chứng kiến lần thứ 17, diễn ra từ ngày 5 đến ngày 9-11-2012.

Trong phần lớn khóa tu 5-ngày này, họ sẽ ngồi gần đường xe lửa ở Birkenau và thăm đọc tên những người đã chết. Họ cũng sẽ đi bộ quanh các trại và tổ chức các buổi cầu nguyện bên trong các doanh trại. Hàng ngày, những người tham gia sẽ họp theo nhóm nhỏ để chia sẻ những trải nghiệm của mình trong một không gian an toàn, và toàn đoàn sẽ họp vào mỗi buổi tối.

Các khóa tu Chứng kiến đã diễn ra tại Auschwitz kể từ năm 1996. Tuy khác nhau về tín ngưỡng và quốc gia, nhưng họ cùng có sự tập trung mạnh mẽ theo 3 nguyên lý của Thiền sư Hòa bình: Bất giác, Chứng kiến

và Thương yêu.

(Buddha Dharma – September 19, 2012)



Đường xe lửa ở Birkenau, nơi các Thiền sư Hòa bình sẽ tưởng niệm nạn nhân của khu trại tập trung Auschwitz - Photo: Shambala Sun

ẤN ĐỘ: Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Bhutan sẽ được thành lập tại Sanchi

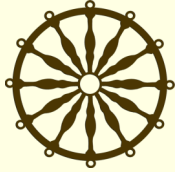
Bhopal, Madhya Pradesh – Trong cuộc thảo luận với Thống đốc Shivraj Singh Chouhan của bang Madhya Pradesh vào ngày 20-9-2012, Thủ tướng Bhutan Jigme Y Thinley đã mô tả trường Đại học Nghiên cứu Phật giáo và Ấn Độ được đề xuất tại Sanchi là một bước rất tốt đẹp .

“Bhutan sẽ mở rộng mọi sự hỗ trợ khả thi cho việc này. Trường Đại học Phật giáo được thành lập tại Sanchi sẽ tạo cơ hội tương tác chi sinh viên Bhutan”, ông Thinley nói.

Ông đã đồng ý về việc thành lập một trung tâm văn hóa với sự hỗ trợ của Bhutan tại Sanchi, và theo đó chính quyền bang Madhya Pradesh sẽ cấp đất để xây trung tâm này.

Thống đốc Choham cho biết sự hợp tác như vậy cũng sẽ được tiến hành nếu các nước như Thái Lan, Miến Điện và Cam Bốt thành lập các trung tâm nghiên cứu của họ tại Sanchi.

(UNI – September 20, 2012)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2556

Số 15/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư sĩ thành viên, các cơ sở tự viện thuộc GHPGVNTNKH, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trích yếu: V/v tổ chức Lễ Tưởng Niệm ĐLHT Thích Minh Châu

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH vừa nhận được tin **Đại Lão Hòa Thượng THÍCH MINH CHÂU**, húy thượng **TÂM** hạ **TRÍ**, hiệu **VIÊN DUNG**, trụ trì Tổ đình Tường Vân – Huế, Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo Dục GHPGVNTN, nguyên Viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, nguyên thành viên sáng lập Gia đình Phật hóa Phổ (tiền thân của Gia Đình Phật Tử Việt Nam); đã an nhiên thân thần thị tịch vào lúc 09 giờ sáng ngày 01 tháng 9 năm 2012 (nhằm 16 tháng 7 năm Nhâm Thìn) tại Thiền viện Vạn Hạnh, Sài-gòn, Việt Nam, trụ thế 95 năm, 64 hạ lập.

Đại lão Hòa thượng là bậc long tượng kỳ túc của Phật giáo Việt Nam, đã một đời tận tụy phiên dịch toàn bộ Kinh tạng Pàli sang Việt ngữ, đồng sáng lập Viện Cao Đẳng Phật học Sài-gòn (1964-1965), thành lập và làm Viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh (1965-1975), đồng sáng lập hệ thống trường trung và tiểu học Bồ Đề của GHPGVNTN. Là một nhà văn hóa lớn, có viễn kiến, Ngài đã kiên trì theo đuổi con đường giáo dục dù ở bất kỳ hoàn cảnh, thời đại nào; nhờ vậy trong suốt nửa thế kỷ qua, hệ thống giáo dục cấp cao đẳng, đại học do Ngài chủ xướng, điều hành, đã đào tạo hàng trăm ngàn sinh viên ưu tú cho đất nước và Phật giáo Việt Nam; trong đó, nhiều vị đã thành danh và có những đóng góp đáng kể cho quốc gia – nhân loại nói chung, cho Phật giáo nói riêng. Đặc biệt công trình phiên dịch Kinh tạng Pàli sang Việt ngữ của Ngài là một cống hiến vĩ đại và vạn đại cho công cuộc hoằng dương Chánh Pháp cũng như cho nền văn học Phật giáo Việt Nam.

Tri ân và kính tiếc bậc Thầy kỳ vĩ của nhiều thế hệ Tăng Ni Việt Nam, toàn thể thành viên GHPGVNTNKH, nhất tâm đánh lễ Giác Linh Cổ Đại Lão Hòa Thượng, và xin thành kính phân ưu cùng chư tôn đức môn đồ pháp quyến.

Giáo Hội kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức lớn lao mà Cổ Đại Lão Hòa Thượng đã một đời cống hiến cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,

California, ngày 02 tháng 9 năm 2012,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH

Chủ tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:

- Chư tôn túc trưởng lão Hòa Thượng Chứng Minh để “kính thắm tường,”
- Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH để “kính tường,”
- Chư tôn đức Tăng, Ni và quý Cư sĩ thành viên các Hội Đồng, các Tổng Vụ để “tri hành,”
- Hồ sơ lưu.

Tung cánh vượt ngàn đại mộng ()*

Kính viếng Đại Lão Hòa Thượng thượng MINH hạ CHÂU

*Có những cánh chim
Bay vào chân trời Đông Phương
Gieo hạt
Mầm xanh lên phương đại thụ
Kết nụ tim hồng trời quê hương.*

*Người đến
Mở trang huyền ký
Lóng lánh sắc màu tòa diệu lý
Trăm năm
Vận nước Tiên Rồng
Sa mạc hoang vu bao thế kỷ
Châu ngọc kinh truyền
Hương về Phương Đông.*

*Mây trôi từ bến phiêu bồng
Nghìn thu lặng giọt sương trong bên thềm.
Dấu chân
Đi qua hôn cát bụi
Cánh chim
Bay qua dòng sông xanh
Gió và nắng
Đi qua bóng chiều nông nổi
Vẫn rặng rờ đường về
Hoa cỏ bước thanh tân.*

*Tung cánh vượt ngàn đại mộng
Mấy tầng khí quyển
Trăm hừng thanh âm
Ba ngàn thế giới tinh cầu chuyển
Gieo hạt bình minh cuộc sống
Lời kinh thơm trắng trời thậm thâm.*

*Vườn xưa
Thách trận mưa dầm
Tròn gương nguyệt tịnh trần tâm sạch lầu.
Vỡ rồi bọt sóng chiêm bao
Hải âu tung cánh xanh màu trùng dương.*

thơ



*Chân khóa dòng nhân ảnh
Mắt trông đời Thực Hư
Tiếng chim hót lời đại mộng
Rụng xuống nỗi niềm xưa
Nước mây vẫn nghìn thu in bóng
Nghìn thu tròn gương nguyệt Phật Thừa.*

*Giờ đây
Giờ của giao mùa
Câu kinh KHÔNG-SẮC - gió lùa qua non.*

Long Xuyên, 2.09.2012 (17.07 Nhâm Thìn)

**TUỆ NHƯ'
(MẠC PHƯƠNG TỬ)**

(*) tựa đề do BBT tạm đặt theo ý và lời thơ của tác giả.

GIÁ TRỊ HẠNH PHÚC QUA ĐẠI KINH VÍ DỤ LỖI CÂY

H.T. Thích Minh Châu

Từ khi còn là một Thái tử cho đến khi thành tựu đạo Vô thượng Bồ đề, đức Phật đã trải qua đủ mọi lạc thú ở thế gian, kể cả những lạc thú cao cấp trong Thiền định như Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nhưng tất cả những lạc thú đó cuối cùng để lại cho Ngài một ưu tư lớn về tính chất vô thường, và không thể nào tìm thấy hạnh phúc chân thật trong các lạc thú đó. Và thật sự có một hạnh phúc chân thật không bị quy luật vô thường chi phối được, Ngài tìm thấy ngay sau khi giác ngộ, đó là Giải thoát bất động. Nhờ kinh nghiệm tự thân và kinh nghiệm chứng ngộ ấy, đức Phật đã trình bày năm hạng người điển hình đang tìm cầu hạnh phúc qua "Đại kinh Ví dụ Lỗi cây".

Qua bài kinh này, người học Phật có thể nhận thức được đâu là chân giá trị hạnh phúc và đâu là hạnh phúc vô thường tạm bợ. Nếu không có được nhận thức như thế thì chúng ta khó có thể đạt đến mục đích mong muốn, khó có thể đạt được hạnh phúc chân thật của sự giải thoát và giác ngộ. Năm hạng người này được đức Phật trình bày trong bài Kinh này đều có cùng ước muốn là đi tìm cầu hạnh phúc, họ sống phạm hạnh để mong giải thoát mọi khổ đau ở cuộc đời: "Ở đây, có Thiện nam tử do lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: 'Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Rất có thể toàn bộ khổ uẩn này có thể chấm dứt'."

Tuy nhiên, việc thành đạt mục đích giải thoát mọi đau khổ hay không là hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức của chính mỗi người qua các giai đoạn thành đạt trong việc tu tập của người ấy. Thông thường, các giai đoạn thành đạt ấy đem lại sự hỷ lạc cho vị hành giả, và nếu say mê, tham đắm, tự mãn đối với sự thành đạt này thì vị ấy sẽ bị dừng lại ở đó, khó có thể đạt đến cứu cánh giải thoát. Các hỷ lạc trong lộ trình tu tập giải thoát của vị hành giả được đức Phật phân ra như là năm hạng người, và cũng chính là năm trạng thái hạnh phúc từ phạm tục cho đến giải thoát hoàn toàn:

1. Có người được lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Do lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, vị ấy khen mình, chê người: "Ta được lợi dưỡng như vậy, được tôn kính như vậy, được danh vọng như vậy. Còn các Tỷ kheo khác ít ai được biết đến, ít có uy quyền". Vì vậy, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ.

2. Có người do không tự mãn với lợi dưỡng, danh vọng nên thành tựu Giới đức. Do thành tựu Giới đức này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn và khen mình, chê người: "Ta là người trì giới, theo thiện pháp. Các Tỷ kheo khác phá giới, theo ác pháp". Do thành tựu

Giới đức này, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ.

3. Có người do không tự mãn với lợi dưỡng, danh vọng, không tự mãn với Giới đức nên thành tựu Thiền định. Do thành tựu Thiền định này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn và khen mình, chê người: "Ta có Thiền định nhất tâm, các Tỷ kheo không có Thiền định, tâm bị phân tán". Do vậy, vị ấy trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do sống phóng dật, vị ấy bị đau khổ.

4. Có người không tự mãn với lợi dưỡng, danh vọng, không tự mãn với Giới đức, không tự mãn với Thiền định nên thành tựu Tri kiến. Vì tri kiến này, vị ấy hoan hỷ, tự mãn và khen mình, chê người: "Ta sống thấy và biết; các Tỷ kheo khác sống, không thấy và biết". Vị ấy do Tri kiến này, trở thành mê say, tham đắm, phóng dật. Do phóng dật, vị ấy bị đau khổ.

5. Có người do không tự mãn với lợi dưỡng, danh vọng, không tự mãn với Giới đức, không tự mãn với Thiền định, không tự mãn với Tri kiến nên thành tựu thời và phi thời giải thoát, và vị ấy có thể từ bỏ thời và phi thời giải thoát. Như vậy, phạm hạnh này không phải vì lợi ích lợi dưỡng, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu Giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu Thiền định, không phải vì lợi ích thành tựu Tri kiến, mà tâm Giải thoát bất động chính là mục đích của phạm hạnh này, là lỗi cây, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh.

Như vậy, tâm Giải thoát bất động là mục đích của phạm hạnh, là lỗi cây, là hạnh phúc chân thật không hề có sự khổ đau; còn lợi dưỡng, danh vọng, Giới đức, thiền định, Tri kiến đều không phải mục đích của phạm hạnh, không phải lỗi cây, là hạnh phúc tạm thời của thế giới vật chất vô thường.

Thế nhưng lòng tham muốn khiến con người chỉ tìm kiếm và chấp nhận chút hạnh phúc tạm bợ mong manh mà không biết thú vui đó là nguyên nhân của khổ. Hạnh phúc ấy luôn bị phụ thuộc vào sự đối đãi của tăng số tăng giảm về lạc thú. Hôm nay ta ăn cơm với xì dầu sướng hơn ngày hôm trước, không có xì dầu mà ăn; nhưng xì dầu lại là sự chán bỏ đối với những món ăn khác ngon hơn. Phương tiện xe đạp là một lạc thú so với đi bộ, nhưng lại là sự chán bỏ đối với xe máy; và xe máy là sự chán bỏ đối với xe gắn máy đời mới hơn v.v... Vì thế, đức Phật dạy hạnh phúc con người thường thọ hưởng không ngoài sự tham muốn và tưởng nhớ các dục. Kinh Xà Dụ (Trung bộ số 29) ghi: "*Người ta thọ dụng các dục không ngoài các dục, không ngoài các dục tưởng, không ngoài các dục tầm*". Thọ dụng các dục nghĩa là thọ hưởng hạnh phúc do thỏa mãn lòng tham muốn khi các giác quan tiếp xúc với các trần cảnh; thọ dụng

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

các dục tưởng là thọ hưởng hạnh phúc do tưởng nhớ những cảm thọ trong quá khứ; thọ dụng các dục tầm là thọ hưởng hạnh phúc do ước mong về tương lai. "Quá khứ đã đoạn tận, còn tương lai thì chưa đến", nên hạnh phúc của dục tưởng và dục tầm là hạnh phúc do vọng tưởng tạo nên, không thật có. còn hạnh phúc do các giác quan đưa đến thì lại vô cùng phức tạp. Hạnh phúc này hoàn toàn phụ thuộc vào ý thích riêng của mỗi người, nó không tùy thuộc vào thế giới vật chất. Cái này là thứ vui thích của người này nhưng đồng thời là cái người kia bức bối, chán ghét. Một ly cà phê anh thích, còn tôi thì ghét.

Thích là hạnh phúc, ghét là khổ đau. Phải chăng một ly cà phê vô tri ấy mà lại chứa đựng cả hạnh phúc lẫn khổ đau? Thật ra, hạnh phúc hay khổ đau là chính thái độ của con người đối với đối tượng nhận thức, chứ không phải là đối tượng nhận thức. Vả lại đối tượng nhận thức thuộc thế giới khách quan, luôn luôn vận hành theo quy luật duyên sinh, vô thường, vô ngã, trong khi đó thì thú vui (hạnh phúc) mà con người thọ dụng thuộc chủ quan tự ngã. Sự mâu thuẫn giữa thế giới khách quan và tâm lý chủ quan đã tạo ra biết bao khổ đau trên cuộc đời. Thế nhưng, do ý thức chỉ muốn sống (hay kiết sanh thức) đã khiến cho loài hữu tình bất chấp mọi khổ đau để tìm kiếm chút hạnh phúc tạm bợ trong cuộc sống này. Vô minh là thế.

Do vậy, vấn đề nhận thức đúng đắn về bản chất và giá trị của hạnh phúc là vấn đề rất quan trọng. Đại kinh Ví dụ lõi cây cho chúng ta thấy rõ giá trị hạnh phúc qua năm phần của một cây đại thọ, gồm lõi cây, giác cây, vỏ trong, vỏ ngoài và cành lá.

Hạnh phúc cành lá là lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng; hạnh phúc vỏ ngoài là thành tựu Giới đức; hạnh phúc vỏ trong là thành tựu Thiền định; hạnh phúc giác cây là thành tựu Tri kiến; và hạnh phúc lõi cây là thành tựu **Giải thoát bất động**. Đối chiếu năm phần của một cây đại thọ như thế, chúng ta có thể dễ dàng thấy được giá trị hạnh phúc của lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, thấy được giá trị hạnh phúc của Giới đức, của Thiền định, của Tri kiến và của Giải thoát bất động; và qua đó chúng ta có thể biết được chúng ta đang sống và cảm thọ ở mức độ hạnh phúc nào, đồng thời biết định hướng cho mình một hướng đi đúng đắn.

Trong bài kinh này, đức Phật hướng dẫn cho chúng ta thấy rằng mục tiêu cuối cùng của phạm

hành là Giải thoát bất động. Tuy nhiên, trên chặng đường đi đến mục đích ấy, chúng ta không thể không trải qua bốn giai đoạn trước. Điều quan trọng ở đây là chúng ta không nên để cho lạc thú của các giai đoạn đó chi phối bước tiến của mình, không dừng lại và chấp thủ tự mãn những gì mình đã đạt được. Lời dạy của đức Phật trong *Đại kinh Ví dụ Lõi cây* thật là cao siêu. Những gì đức Phật dạy từ bỏ thì những thứ đó con người đang ngưỡng vọng và hướng đến. Thật vậy, chỉ cần thành tựu Giới đức thôi thì đã đến biệt giải thoát rồi, huống nữa là thành tựu Thiền định và thành tựu Tri kiến. Do đó, con đường đi đến

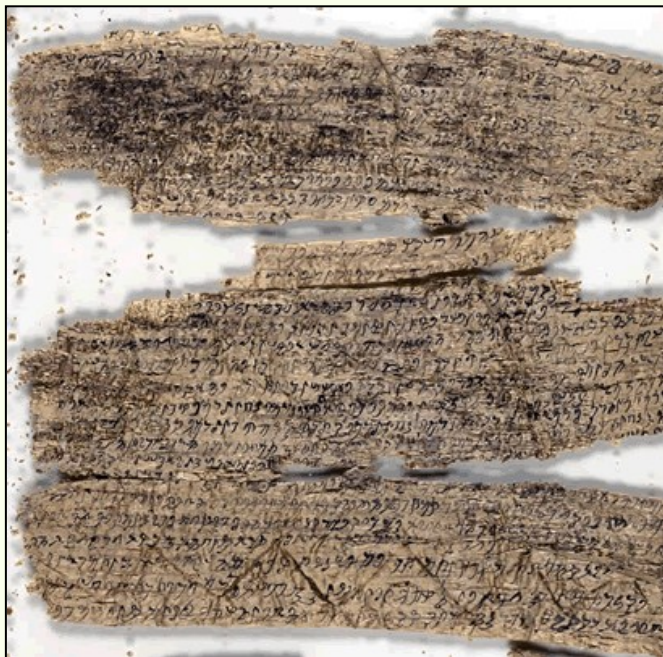
ở đây thật là dài, và lạc thú ở trong đó cũng không cũng không phải là ít, không khéo thì chúng ta khó có thể đạt được mục đích mà đức Phật mong muốn chúng ta thành tựu. Lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng, giới đức, thiền định, tri kiến rất cần thiết cho những ai chưa đạt đến, nhưng lại là mối nguy hiểm cho những ai tự mãn, say mê, tham đắm và dừng lại ở đó.

Giáo lý đức Phật trình bày trong kinh này không phải là một pháp môn tu tập cụ thể, mà ở đây Ngài mở ra cho chúng ta một Chánh tri kiến, một cách nhìn đúng đắn về lộ trình tu tập đưa đến giải thoát giác ngộ. Tuy được

hướng dẫn cho người xuất gia tu phạm hạnh, bài kinh vẫn có giá trị thiết thực cho bất cứ ai muốn tìm cầu hạnh phúc chân thật mà không sợ bị sai đường lạc lối, không sợ bị rơi vào tà kiến khổ đau. **Giải thoát bất động** là ngọn hải đăng soi sáng cho những con thuyền đang lênh đênh đi tìm bờ cập bến, đang đi tìm kiếm hạnh phúc chân thật. Có ngọn đèn, có con đường, đoàn lũ hành lượt sóng vượt qua mà không bị phong ba làm chướng ngại, không bị dòng tục luy cuốn trôi.

Hành giả tin chắc phía ngọn đèn là bờ, thấy được rằng vượt qua những hạnh phúc tầm thường không thật thì sẽ đạt đến hạnh phúc chân thật thanh cao, vượt qua được cành lá, vỏ cây, giác cây thì sẽ đạt đến lõi cây. Hãy tin rằng chỉ có lõi cây, chỉ có **Giải thoát bất động** mới là hạnh phúc vững bền và chắc thực, bởi "Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài" (Yo saro so titthati).

HT. Thích Minh Châu



Tưởng Nhớ Một Người Thầy Trong Đạo: TK. THÍCH MINH CHÂU

Giáo Sư Trần Ngọc Ninh

LGT: Giáo sư Trần Ngọc Ninh, Thạc-sĩ* Y-khoa Đại-học Pháp, nguyên Giáo-sư Văn-minh Đại-cương và Văn-hoá Việt-Nam tại Đại-học Vạn-Hạnh (Sài Gòn), nguyên Tổng-trưởng Văn-hoá Xã-hội và Đặc-trách Giáo-dục trong Chính-phủ VNCH; nguyên Viện Trưởng Viện Việt-Học (California), 3/2003-2/2008.

Tôi được biết tin Tì Kheo Thích Minh Châu đã viên tịch ở Việt Nam ngày 01 tháng 9 năm 2012, thọ 93 tuổi.

Tin báo đến không trực tiếp hay qua dây nói, mà từ hai người báo tin mà tôi coi như em trong lòng, đã không muốn làm rộn tôi những tháng năm mai danh ẩn tích cuối đời. Nhưng trong thực tế, cái nghiệp dạy học của tôi không dứt được. Tôi ngưng sự giảng dạy y khoa và bỏ nước, bỏ tất cả cái sự nghiệp nghiên cứu và truyền thụ y học vô tận khi được lệnh phải hạ thấp cái học và cái biết của các y sĩ tương lai xuống mức độ bệnh kiết-lị, bệnh sán lãi (mà người ta gọi là y tế nhân dân). Tôi rũ bỏ hết, chỉ đội một cái nón lá trên đầu mà xuống thuyền vì tôi nghĩ rằng nếu tôi đi tu thì phải tới được Chánh Đẳng Chánh Giác đầu có phải qua vạn kiếp khổ, nhưng bảo rằng ngưng thì không, không và không. Sự biết lòng là đầu mối của rất nhiều khổ đau.

Lúc ấy, tôi chỉ mới tu được có mười năm.

Mười năm trước là cái duyên gặp gỡ của tôi với Thượng Tọa Minh Châu.

Trước đó nữa, tôi chỉ được nghe nói rằng Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam ở chùa Ấn Quang, đường Sư Vạn Hạnh, Sài Gòn nơi mà anh tôi Trần Ngọc Lập, bút danh Trần Việt Sơn, có được mời tới giảng dạy, về pháp gì trong Đạo Phật tôi cũng không



biết; rằng ở trường có hai vị Thượng Tọa đã đậu Tiến Sĩ Phật Học ở tu viện Nalanda Ấn Độ, lúc ấy đang là giáo sư. Một trong hai vị này và là người đầu tiên trong thời nay đã đi chiêm bái, tu học và thỉnh kinh từ Thiên-Trúc về Việt Nam, là Thượng Tọa Minh Châu.

Đạo Phật đã sinh ra ở Ấn Độ, chính thức là do Đức Cồ Đàm (Gotama) mà ta tôn thờ là Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni (Sakya Muni) nhưng ngài chỉ xưng danh là Tathagatha Đức Như Lai, là "Đã Đến". Ngài là Đã Đến, là Như Lai, trước hết là vì trước Ngài, đã có hằng hà sa số Phật, mỗi Phật đã chỉ xuất hiện trong một chớp mắt ở một hạt bụi của vũ trụ (như trái đất), ở đó sự sống đã làm thành những sinh vật gọi chung là "Con Người" đã đạt được những khả năng đi vào đường Đạo mà thoát khỏi cái khổ phải bám vào những cơ cấu của vật chất để tưởng rằng mình có một cái "Tôi", một bản thể, một Être, một Sein, một Being, một không-tưởng vô thường. Đức Phật gọi "Cõi người ta" là cõi Ta-Bà (Samsara) nó chỉ chứa sự sống

cho tới khi nào mặt trời hết nguyên liệu để cho nổ liên tục những trái bom nhiệt hạch (Therma-nuclear bombs). Ở những Thế-giới khác, những Lokadhatu mà Ni I.B.Horner dịch là hệ thiên hà (galactic system) chứ không phải là hệ định tinh như hệ mặt trời (solar system), có thể trong một kiếp (kappa), một a tăng kì kiếp (asankheyya) một đại kiếp (Mahakaffa), tính bằng triệu, tỉ hay nghìn tỉ năm mặt trời của cõi Ta-bà, may mắn lắm thì có một Đẳng Toàn Giác xuất hiện thành Phật và dạy người đời để bước vào Chánh-Đạo. Kinh Buddavamsa (Phật-Phả) nói rằng trong khoảng bảy vô lượng kiếp này đã có Đức Difankara (Nhiên Đẳng) là Đức Phật thứ bốn; ngài đã thụ kí cho một thầy tu kín tên đời là Sumedha (Thiên Huệ) đã rời lều cỏ bay đến xoa tóc và nằm phục dưới chân Phật để cầu có thể đốt cháy được hết các chấp kiến không cho mình ngộ được Bồ đề Toàn-giác.

Qua đi một trăm ngàn kiếp và vô lượng kiếp với hai mươi ba đời Phật, Đức Sumedha đã thành một Bồ-Tát (Bodhisatta) có tên đời là Narada và đã từ cõi trời Đâu-Xuất Tusita xuống cõi trần đầu thai làm người với cái tên là Gotama, thành đạo, đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Anuttara Samyaksambodhi, A-nậu-đa-la Tam-miệu (muội) Tam bồ đề). Nhưng Bồ Tát vẫn giữ nguyên cái thân phận con người, bỏ thí tất cả cuộc đời còn lại của mình để dạy những ai muốn theo; hằng năm đi chân không từ Bắc Ấn xuống Nam Ấn rồi lại ngược lên trước mùa mưa gió, vào sâu trong các làng để khuyến giáo và khát thực trước khi ngồi thiền và giảng giáo lí cho các Tì Kheo và Tì Kheo Ni (nữ đệ tử) của Sangha (Tăng-già, Giáo Hội) mà ngài đã cho phép lập nên. Đức Phật còn tự xưng là Như

Lai; đã đến với các môn đồ vì một lí do nữa; là vì có những người đưa ra những nghi vấn về gốc nguồn, về thập thế, về sự tử sinh của Ngài, Phật là người hay là Pháp và có còn hay là mất khi thân hình đã tịch diệt? Như Lai đã đến thực và ngồi đó, nói đó, không phải hỏi đến cái đã qua và cái chưa tới trong cái Thời vô thủy vô chung không bao giờ hết Giáo Pháp.



Thời của Phật Giáo là cái vô hình tướng do các sát-na (Ksama) nối tiếp nhau, có từ trước vụ Nổ Bùng lớn "Big Bang", nên không gọi được là "thời gian" vì không có giới hạn như "không gian" (space) của vũ trụ hay "thế gian" (world) của người đời.

Tôi được gặp Thượng Tọa Thích Minh Châu lần đầu là trong một buổi lễ rất ngắn tại Bộ Quốc Gia Giáo Dục, đường Lê Thánh Tôn vào năm 1967. Tôi ghi lại theo cái trí nhớ đã đứt khúc trong tuổi già của tôi. Thượng Tọa, mặt tròn như trăng rằm, mình mặc một tấm áo cà sa vải vàng, đại diện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Tôi đại diện cho Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa trong tư cách Tổng-Ủy-Viên Văn Hóa Xã Hội kiêm Ủy Viên Giáo Dục, cùng với Ông Ngô Trọng Anh, Ủy Viên Công Chánh của Chính Phủ. Chúng tôi kí cái hợp đồng cho Giáo Hội thuê cái cơ sở mới xây bởi Bộ Công Chánh trong một thời hạn là 99 năm có thể tiếp diễn, với cái giá tượng trưng là một đồng bạc. Cái Hợp đồng hôm ấy là bản khai sinh của viện và trường Đại Học Vạn Hạnh.

Thượng Tọa cho tôi biết là trường Vạn Hạnh đầu tiên sẽ chỉ có hai phần khoa, là Phật Học mà Khoa-Trưởng là do chính Thượng Tọa giữ trọng trách, và khoa kinh tế xã hội hay khoa học nhân văn, sẽ nhờ Giáo-sư Tôn Thất Thiện làm khoa trưởng. Những bước đầu sẽ rất là khó khăn, tôi đồng ý nhưng không dám có một lời đóng

góp. Tuy đã có học về các Đại Học Âu-Châu từ thời Phục Hưng qua cách mệnh Pháp về những biến động của thời nay, lại đã trải qua công cuộc canh cải nền Giáo Dục Đại Học Y Khoa VN từ 1954 đến 1965. Khi chuyển từ ảnh hưởng Pháp trước Thế Chiến II sang Pháp luân của Hoa Kỳ sau Thế Chiến. Về tinh thần, triết lí, giáo pháp của Phật-giáo thì thực sự là khi ấy tôi mù tịt. Và lại, lúc đó, tôi cũng còn đang điên đầu về sự xây dựng lại cái hạ tầng cơ sở của nền Giáo dục Quốc Gia và việc nâng cao sự học trong nước để có thể cộng tác và cạnh tranh (hai mặt song song) với Quốc tế. Công việc ở bệnh viện và ở trường Y Khoa Sài Gòn tôi cũng không thể rời bỏ được nhưng nhờ có sự giúp đỡ của các Bác sĩ cộng tác viên lại có thêm GS. P. Petit, một thầy cũ của tôi, từ Paris sang dạy đỡ, nên tôi chỉ về bệnh viện những ngày chủ nhật khi Bộ Giáo Dục đóng cửa.

Nhưng ba tháng sau khi rút ra khỏi được Bộ Giáo Dục và Tổng Bộ Văn Hóa Xã Hội, thì một buổi sáng nọ có người cầm một bức thư của Thượng Tọa Viện Trưởng Đại Học Vạn Hạnh đến, mời tôi lại viện, có việc muốn tham khảo. Ông muốn tôi làm một giáo sư của viện. Môn gì, ông bảo để tùy tôi chọn. Nhưng tôi chưa từng đọc một câu kinh, nghe một câu kệ và cũng không bao giờ tự mình vào trong cái chùa nào để lạy (lễ) Phật. Mà từ chối mãi không tiện, tôi đành

phải nhận một giờ mỗi tuần với một đề tài mà tôi nghĩ rằng sẽ nói tự tâm vì không có sách, là "Khoa học với tôn giáo", nhưng tôi sẽ chỉ nói về "Tôn giáo trước khoa học". Nói cách khác, đây là vấn đề "Đạo Lí của khoa học".

Chuyện dạy học của tôi ở Đại Học Vạn Hạnh là một Đại Học Phật Giáo còn có lắm chuyện éo le hay là oái ăm nữa. Tôi không sợ sự tùy tâm

và không có sách, là vì từ tuổi nhỏ cho đến khi lớn, cha mẹ và các thầy không dạy mình cái gì thất đức; lúc đã thành người học y-khoa, lại thấy tận mắt sự tàn ác của những con người học lâm hay hiểu lắm những học thuyết và những khoa học văn minh, thì đã biết, tự biết. Mà "biết" là /bodh/ diễn thuật từ Sanskrit (Phạm Ngữ), căn của danh từ Buddha. Sự biết này không ở trong sách, không ở ngoài tâm. Khoa học của loài người đã lên cao lắm nhưng khoa học mà không có tâm là sự tàn phá của tinh thần.

Sau một năm dạy về khoa học và tôn giáo, tôi dạy về tôn giáo sơ khai và tôn giáo tiền sử, tức là một chương lớn của khoa học tôn giáo. Rồi tôi bị bệnh nặng, liệt giường gần hai tháng. Lúc hồi phục, phải dùng sách và viết bài, tôi dạy lịch sử Văn Minh (của loài người) rồi dạy Lịch Sử Văn Hóa Việt Nam khi tôi học về Ngữ-Lí Việt-Ngữ (Linguistique Vietnamienne). Chẳng có một may mắn là Đạo Phật. Vì khi ấy tôi đã bước vào Đường mà Đức Phật đã chỉ để tới Mặt Trăng. Và vượt Mặt Trăng.

Tì Kheo Thích Minh Châu là người đã đẩy tôi lên con đường mà từ đó tôi không ra khỏi.

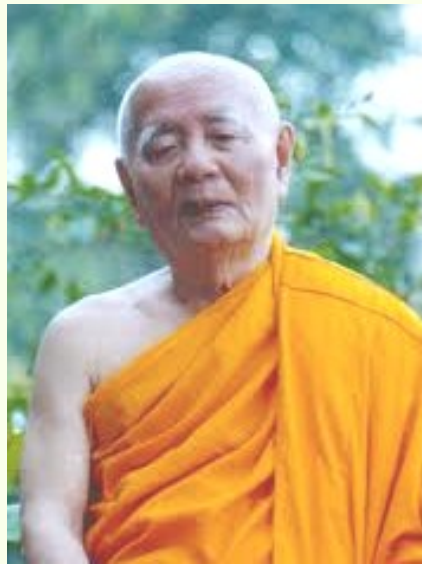
Hai tháng trước ngày Phật Đản, thượng tọa Viện Trưởng tìm tôi và thỉnh tôi diễn giảng về cốt tủy của Đạo Phật tại Đại Giảng Đường của Viện. Tôi được giải thích rằng đây là lễ Vesak, không phải là ngày Phật Đản sinh, mà là

gồm ba ngày một gần nhau là ngày đản sinh, ngày thành đạo và ngày nhập Bát-Niết-Bàn ngày quan trọng nhất của Đạo.

Càng quan trọng thì lại càng không đến cái thứ tôi. Bao nhiêu người giỏi trong viện cũng như ngoài viện, tại sao không thỉnh lại gọi đến một anh mù kinh. Tôi không biết gì cả, cái vỏ không có, biết gì đến cái lõi mà nói. Thượng tọa bảo tôi vào thư viện của trường, có khi Phật độ, thấy được chăng.

Nói đến thư viện thì tôi động lòng hiếu kì, muốn thấy tận mắt xem thư viện có được bao nhiêu quyển, so với tứ thư, ngũ kinh của khổng mạnh và Nho-gia thì được mấy phần, còn độ với thư viện Vatican thì chẳng cần nói cũng biết rằng chỉ là lửa đom đóm bên cạnh mặt trời. Tôi tìm đường vào thư viện, cửa mở không khóa. Ở trong, là một cái phòng lớn, đèn thấp sáng ngày đêm ở góc có một cái bàn nhỏ, có một cô đáng người mảnh mai, mình bận áo ni cô xám, đang ngồi đọc hay dịch kinh. Tôi bước lại, tự giới thiệu, và cô nói "*Dạ, thưa tôi biết. Giáo sư cần gì, tôi là Trí Hải, thủ thư của thư viện.*"

Tôi học ở Pháp và đã đến những thư viện lớn nhất của nhiều nước, ở nhiều tỉnh và biết rằng thủ thư của một thư viện thường là một học giả am tường rất nhiều điều trong các sách của thư viện. Tôi hỏi cô Trí Hải ở đâu tôi có thể tìm được những lời dạy quan trọng nhất trong Giáo pháp của Đức Phật mà không bị người đời sau trích dẫn hay dịch thuật sai đi. Cô Trí Hải cho tôi biết rằng Thượng Tọa Viện Trưởng đang dịch Kinh-tạng Pali, đã xong hai quyển đầu là *Trường bộ kinh* (Majjhima-Nikaya), và thư viện còn có những bản dịch Anh-văn, Đức-văn, Pháp-văn và nhiều ngôn ngữ khác (Hoa, Nhật, Hàn, Nga...) tôi là giáo sư thì có thể mượn sách về nhà để nghiên cứu, cô nói là "tụng niệm". Đột nhiên tôi nghĩ rằng trong một Giáo-lí thì không có một điểm nhỏ nào không hệ trọng, nhưng có một điểm nhỏ trọng đại nhất là điều cuối cùng mà Đức Phật nói ra với các môn đồ trước lúc Người rời cõi trần. Tôi hỏi cô Trí Hải có biết Kinh hay Sách nào nói về những ngày



tận cùng của Đức Phật không, thì cô nói ngay "*Kinh Đại Bát-Niết-Bàn viết rất rõ*", và cô lấy ra cho tôi cuối Trường Bộ Kinh đầu với bản dịch Anh-văn và bản dịch Pháp-văn, để tôi đem về và đối chiếu.

Tôi tìm thấy rằng Đức Phật đã bảo các học trò "*Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác.*" Và Ngài còn nói thêm "*Trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhút cũng đã chứng minh được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn sẽ hướng đến Chánh giác (Sambodhi).*"

Thực là những lời khuyến khích và an ủi mạnh mẽ và tươi mát nhất của Đấng Đại Từ Đại Bi cho tất cả các môn đồ đang buồn rầu và lo lắng vì bậc Đạo-sư tối cao sắp vĩnh viễn lìa trần mà bản thân mỗi người thì còn đang ngập lặn trong bể khổ không bờ. Tôi lúc đó, nhìn khắp nước Việt Nam, chỉ thấy những người quê mùa vô tội đang bị lột trần để quay trên lửa đỏ, nhìn ra ngoài thế giới cũng chỉ thấy những người lo lắng và bất lực trước sự đe dọa của một cuộc chiến tận thế. Còn chính mình thì mới chỉ được một giọt nước rất xuống từ một cành dương liễu mảnh mai. Những câu nói trên mà tôi thấy

trong kinh Đại Bát Niết Bàn của Trường Bộ Kinh, tôi mới chỉ hiểu một cách mập mờ và dịch ra tiếng ta đời nay, đại khái là "Tâm Trí của mỗi người, một khi đã được mở ra với Chánh Pháp, thì đã là một với Chánh Pháp, và là ngọn đèn chỉ con đường sáng, cứ vững lòng, tất cả mọi người đều sẽ tới nơi."

Thượng Tọa Viện Trưởng ngồi nghe tôi nói không thốt một câu. Nhưng rồi năm sau đến ngày Phật Đản, tôi lại có một lời yêu cầu nữa. Tôi đăng đàn và nói về Bát Chánh Đạo, con đường tu tám lần song song mà tôi ví với cỗ xe tám ngựa, nhưng cả tám con ngựa ấy để chỉ là ta: Nhìn thế nào, phóng thế nào, chạy thế nào, cân bằng thế nào, thở thế nào, thu thân thế nào, chú tâm thế nào, quyết chí thế nào, phải theo đúng lời dạy. Thượng Tọa tiến chân tôi chỉ nói rằng ít ai dám giảng Bát Chánh Đạo. Tôi nói rằng rồi chỉ mới học mà thôi.

Nhưng năm sau, cái đầu đề còn khó hơn nữa. Thượng Tọa muốn tôi nói về triết lí Cổ Ấn trong thời Đức Phật.

Buổi đầu tôi nói chuyện ở Viện Đại Học Vạn Hạnh, có chừng ba bốn chục người đến nghe, tất cả đều lễ phép, không ai bỏ ngang về. Buổi thứ nhì, được năm sáu mươi, với vài vị sư áo vàng. Buổi thứ ba, nói về triết học Cổ Ấn tôi rợn tóc gáy vì Đại Giảng Đường chật ních vào khoảng bảy trăm người, với một đề tài rất khô khan khắc khổ mà tôi làm thành một giáo trình cần trọng để cho chính tôi.

Thượng Tọa Viện Trưởng kiên nhẫn ngồi nghe với các thính giả và phê bình rằng bài giảng của tôi giống như một bài giảng của một vị thầy của Đại Học Nalanda, nơi Thượng Tọa học. Điều này không có gì lạ cả, là vì tuy các sách triết Ấn của GS. Dan Guita và của triết gia Rhadakrisnan chỉ nói rất sơ sài về tư tưởng Ấn thời Đức Phật, nhưng kinh Brahmajala, dịch là Phạm Võng, là cái lưới trời mà chính Đức Phật nói cho Tăng già, đã nói hết cả. Triết học trói buộc con người vào sự khổ đau vĩnh cửu.

Bài diễn giảng cuối cùng cho

ngày Vesak của tôi tại Đại Học Vạn Hạnh là về *"Tư Tưởng Xã Hội của Đức Phật"*. Khi nhận đề tài này, tôi ngỡ ngàng vì chưa hề nghe thấy một người nào hay đọc được trong một cuốn sách nào của Anh, Pháp, Đức, Ý, Nga về Đức Phật xã hội. Nhưng tôi được biết rằng sau khi đã bị tất các Đạo lớn từ chối, Tiến Sĩ Ambedkar đã được Phật-giáo, mới trở lại Ấn-độ, cho phép làm một buổi lễ lớn nhận một triệu người cùng định bị ruồng bỏ được quy y Phật, và chính ông cũng bỏ đạo cũ để thờ Đức Phật. Rằng Phó-thủ-tướng Anh và Chủ tịch Đảng Xã hội là Atla, sau khi đi dự Đại Hội của Đảng Xã Hội Miến (Myanmar, tức Burma), đã tuyên bố rằng có một đảng xã hội Á Châu đặt chủ thuyết trên lòng từ bi của Đức Phật và bỏ thuyết tranh đấu giai cấp, rằng chính sách kinh tế của Canada nói rằng chủ trương trung-đạo theo Giáo-pháp (Dharma) của Đức Thích Ca Mâu Ni. Thế nhưng để diễn giảng về tư tưởng Xã Hội của Đức Phật thì là một chuyện khác. Tôi lại về nhà và mỗi tối đọc cho hết năm bộ của Kinh-tạng để nhật ra những lời dạy của Phật Tổ về những chế độ và tập quán trong xã hội Bà La Môn Giáo. Và tôi sáng mắt lên những ý tưởng tân tiến của Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác hơn hai ngàn sáu trăm năm trước.

Bài giảng của tôi năm ấy đã được GS. Trần Văn Từ dịch ra Anh văn, rồi lại được Bà Celia Barclay, một nữ sĩ Anh dịch lại rồi lưu truyền trong Đạo Quaker là một

Giáo phái Thiên Chúa Giáo rất uy tín ở Anh Quốc. Tôi cũng dùng bài này làm nền móng cho một cuốn sách nhỏ của tôi, tựa đề là *"Đức Phật Giữa Chúng Ta."* Tôi nghĩ rằng thế giới hiện đại có thể được sáng hơn (enlightened) nếu được nghe lại những lời Phật dạy.

Trong những năm này, ngày đêm tôi học Phật và Đức Như Lai vẫn Như Lai với tôi ngoài những lúc tôi phải hành cái nghiệp trong y học và y khoa của tôi. Tôi không được học với Thầy Minh Châu một giờ một khắc nào, nhưng Thầy đã là người tiếp dẫn tôi đến chân Đức Phật, chỉ có năm bước đường và theo đúng lời dạy tối hậu của Người, *"Tự mình là ngọn đèn cho chính mình, dùng Chánh Pháp làm chỗ nương tựa."*

Nhưng những ước mong của tôi chỉ là vọng ảo. Hiệp định Paris là kế hoạch chót để làm vỡ Thế giới Đỏ và gây một chiến cuộc mới giữa răng và môi, đồng thời lại thoát thân ra khỏi một vũng lầy chưa bao giờ bị.

Tôi còn gặp lại vị Thầy cũ trong Đạo khi phải ở lại vì những xiềng xích của định mệnh. Năm 1977, Đại Học Vạn Hạnh đã bị giải thể, một buổi sáng chủ nhật tôi đang ngồi đọc truyện giải buồn thì Thầy Minh Châu được chở đến nhà tôi trên một chiếc Honda. Thầy kể rằng Thầy đã về ở Thiền Viện Vạn Hạnh tại Phú Nhuận, mỗi ngày thức giấc từ 5 giờ sáng, xuống vườn đi vòng quanh chừng một tiếng đồng hồ rồi trở về tắm gội, ngồi thiền, xong thì ngồi dịch Kinh cho đến tối. Việc dịch Kinh đã thuần thực lắm, chữ nghĩa đã thông thuộc, nhiều khi đọc một câu tiếng Phạn (Pali-ngữ) thì tay đã viết ngay câu tiếng Việt. Thầy đã dịch xong thêm một quyển *Tiểu-Bộ-Kinh* (Samyutta Nikaya) và muốn tôi đến giới thiệu tập kinh mới với các Phật Tử. Lúc

ấy, hằng ngày tôi phải đối đầu với những người của chế độ mới để bảo vệ sự học của các sinh viên y khoa và giữ gìn sự an ninh của các bệnh nhân của Bệnh Viện nên từ chối và nhắc Thầy rằng Viện Đại Học còn có những giáo sư lớn như Cụ Nguyễn Đăng Thục và GS Vũ Văn Mẫu, xin Thầy thỉnh các vị. Tuần sau, Thầy Minh Châu lại đến cùng với Thầy Hộ-Giác, cho tôi biết rằng Ủy ban Nhân-dân Thành-phố sẽ đến dự buổi ra mắt Bộ Kinh, và hai giáo sư Nguyễn và Vũ đều không đến, nên nhất định tôi phải có mặt.

Tôi đã đến và giảng về Trung Đạo, cái Đạo Giữa của Đức Phật, từ chối những Đường cực đoan. Sau bài giảng, tôi về thẳng nhà và hai tháng sau, bỏ lại hết mọi phiền trọc, cắt đứt mọi kiết sử, vượt biển tới Cù Lao (Pulau) Besar để chờ ngày đầu thai ở một cõi sống khác. Thầy Minh Châu vẫn gửi các Kinh sách của Thầy viết và Kinh-Tạng dịch từ Pali, bản luận án Tiến Sĩ về Trung Bộ-Kinh, cuốn tóm lược A-Tì-Đạt Ma (Abhidhamma), cuốn *Tiểu sử Huyền Trang*, cuốn *Đốt Đuốc Lên Mà Đi...* sách nào tôi cũng đọc hết, nhập tâm và quên đi.

Tôi tiếp tục đi trên con Đường đã dài hơn hai ngàn sáu trăm năm của Phật Pháp. Không còn Thầy, tôi vào *Trung-Luận* với Long Thọ (Nagarjuna), vào *Duy Thức* với Vô Trước (Asanga) và Thế Thân (Vasubandhu), vào *Thiền Hoa-Nhật* và *Mật Tông*, không quên các vị ngoại đạo là Lão tử, Trang Tử, Patanjali, Sankara như Thượng Tọa Minh Châu đã muốn tôi làm, và luôn luôn thấp sáng ngọn đuốc tâm mà Đức Phật đã nhóm lên cho mỗi môn đồ khi ngài nhập Đại Bát Niết Bàn.

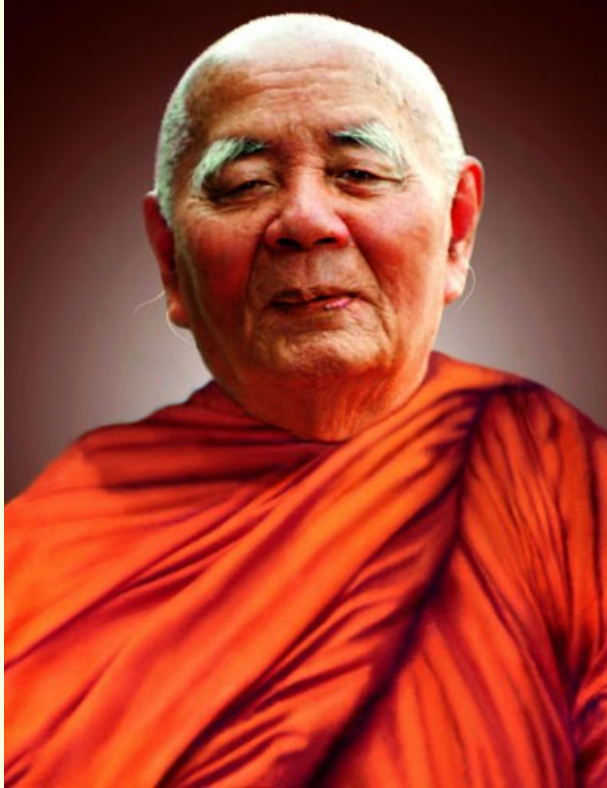
TRẦN NGỌC NINH, 9/2012
(Trích từ VB Online)

Ghi chú (*): Trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam, học vị *"Thạc sĩ"* là một học vị chuyên môn trên Tiến sĩ, dành cho những Tiến sĩ muốn làm giáo sư đại học (tiếng Pháp: *professeurs agrégés des universités*).



SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

(lược soạn từ nhiều nguồn)



(1918 – 2012)

Hòa thượng họ Đinh, húy Văn Nam, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1918 (Mậu Ngọ) tại làng Kim Thành (Quảng Nam); nguyên quán làng Kim Khê, Xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Thân phụ là cụ ông Đinh Văn Chấp và thân mẫu là cụ bà Lê Thị Đạt. Gia đình Hòa thượng có 11 người anh em, Hòa thượng là con trai thứ tư trong gia đình. Vốn sinh trưởng trong gia đình vọng tộc Nho gia, thân sinh của Hòa thượng đỗ tiến sĩ Hoàng Giáp năm 21 tuổi (khoa Quý Sửu 1913, niên hiệu Duy Tân thứ 7), nhờ ảnh hưởng sâu đậm nền giáo dục của cụ ông từ bé. Vì vậy, Hòa thượng rất cần mẫn đèn sách, chăm chỉ học hành, trí tuệ phát triển sớm.

Năm 1939, Hòa thượng đỗ bằng Cao đẳng Tiểu học Đông Dương; năm 1940 Hòa thượng đỗ Tú tài Toàn phần tại trường Khải Định - Huế (nay là trường Quốc Học); và cùng thời gian này, Ngài được bổ làm Thư ký tòa Khâm sứ, tỉnh Thừa Thiên. Sau một năm làm việc tại đây, Hòa thượng thấy nhiều bất công trong khâu xét h không xoay chuyển gì được nên đã xin thôi việc.

Từ đó, Hòa thượng tham gia tích cực vào các phong trào thanh niên Phật giáo, những mong góp tài sức cho việc xây dựng xã hội lành mạnh, cũng như phát huy chánh pháp mà ngài tin tưởng. Cuối thập niên 1930 đến đầu thập niên 1940, Hòa thượng là một trong những người sáng lập Đoàn Phật học Đức dục và Gia đình Phật hóa phổ (tên cũ của Tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam sau này).

Đến năm 1946, nhân duyên học đạo đầy đủ, Ngài cầu pháp với Hòa thượng húy thượng Trừng hạ Thông, tự Chơn Thường hiệu Tịnh Khiết (Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN) tại Tổ đình Tường Vân, thuộc làng Hạ I, xã Thủy Xuân, thành phố Huế và được Bốn sư ban cho pháp danh là Tâm Trí. Năm 1949 (Kỷ Sửu) Ngài được Hội đồng Thập sư đặc cách cho thọ Tam Đàn cụ túc và Hòa thượng Bốn sư ban cho pháp tự Minh Châu, pháp hiệu Viên Dung.

Sau khi đã nhập vào hàng Chúng trung tôn, Hòa thượng vẫn không ngừng sinh hoạt với Hội Phật học Trung phần, chuyên cần diễn giảng Phật pháp khắp các chùa Hội, hướng dẫn các thanh, thiếu niên của Gia đình Phật tử, đóng góp bài viết cho tạp chí Viên Âm, Từ Quang, Liên Hoa,... Chủ bút tạp chí Tư Tưởng Vạn Hạnh. Năm 1951, khi Hội thành lập trường Trung học Bồ Đề đầu tiên ở Huế thì Hòa thượng được mời giữ chức Hiệu trưởng.

Từ năm 1952 đến năm 1961, Hòa Thượng xuất dương du học và đậu bằng Tiến sĩ Pali và Phật Học tại Đại Học Phật Giáo Nalanda, Ấn Độ. Sau 14 năm du học ở nước ngoài, Hòa Thượng trở lại quê nhà và giữ chức vụ Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh từ năm 1964 đến năm 1975, chuyên lo sự nghiệp giáo dục và phiên dịch Kinh Tạng Pali, hầu đóng góp tích cực vào công cuộc đào tạo Tăng tài cho PGVN.

Khi Viện Đại Học Vạn Hạnh bị Nhà nước CSVN chiếm dụng năm 1975, Hòa Thượng sử dụng cơ sở Phân khoa Khoa Học Ứng Dụng tại Phú Nhuận thành lập Viện Phật Học Vạn Hạnh (1976). Những năm tiếp theo đó, Hòa thượng tham gia Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (năm 1981), tâm nguyện của Hòa thượng luôn đặt nơi việc giáo dục, đào tạo nhân tài cho PGVN, nên đã tuân tự thành lập và đảm nhận làm Hiệu trưởng, Viện trưởng các Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam (1981) cơ sở I tại Hà Nội; Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam, cơ sở II tại Sài-gòn (1984); Viện Nghiên Cứu Phật Học VN (1989) và Hội Đồng Phiên Dịch Đại Tạng Kinh VN (1991).

Dù bận rộn nhiều công tác Phật sự Giáo hội và giáo dục Tăng Ni, Hòa Thượng vẫn dành thời gian nhất định để dịch thuật và biên soạn kinh sách để

truyền bá lời Phật dạy. Tính đến nay có trên 30 tác phẩm do Hòa Thượng dịch và biên soạn, các tác phẩm và dịch phẩm chính gồm có:

***Những dịch phẩm, Kinh Tạng Pàli:**

- Kinh Trung Bộ
- Kinh Tăng Chi Bộ
- Kinh Tiểu Bộ
- Kinh Trường Bộ
- Kinh Tương Ưng Bộ
 - a. Kinh Pháp Cú
 - b. Kinh Phật Tự Thuyết
 - c. Kinh Phật Thuyết Như Vậy
 - d. Kinh Tập
 - e. Trường Lão Tăng Kệ
 - f. Trường Lão Ni Kệ
 - g. Bốn Sanh (2 tập)

*** Dịch từ Abhidhamma:**

- Thắng Pháp Tập Yếu Luận (Abhidhamma Atthasangaha)

*** Tác phẩm tiếng Anh của Hòa Thượng:**

1. *Hsuan T'sang, The Pilgrim and Scholar* (Huyền Trang nhà Chiêm bá và học giả - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)
2. *Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim* (Pháp Hiền nhà Chiêm bá khiêm tốn - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)
3. *Milindapannha And Ngasenabhikhustra* - A comparative study (Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan dịch ra Việt văn)
4. *The Chinaese Madhyama gama and The Pli Majjhima Nikaya (A comparative study)* - Luận án Tiến sĩ Phật học (NS Trí Hải dịch ra Việt văn)
Some Teachings Of Lord Buddha On Peace, Harmony And Humadignity

*** Sách viết bằng tiếng Việt:**

1. Phật pháp (đồng tác giả)
2. Đường về xứ Phật (đồng tác giả)
3. Những ngày và những lời dạy cuối cùng của đức Phật
4. Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa (dịch)
5. Sách dạy Pli
6. Dàn bài Kinh Trung bộ (chưa in)
7. Toát yếu Kinh Trường bộ (chưa in)
8. Toát yếu Kinh Trung bộ (chưa in)
9. Chữ Hiếu trong đạo Phật (đồng tác giả)
10. Hành thiền
11. Lịch sử đức Phật Thích ca
12. Hãy tự mình thấp xuống lên mà đi
13. Chánh pháp và hạnh phúc

14. Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người (2002)
15. Những mẫu chuyện đạo (2004)
16. Đức Phật nhà đại giáo dục (2004)
17. Đức Phật của chúng ta (2005)
18. Mở từ mở ra, khổ đau khép lại (2006)
19. Những gì đức Phật đã dạy (2007)
20. Hiếu và hành Chánh pháp (2008)
21. Chiến thắng ác ma (2009)

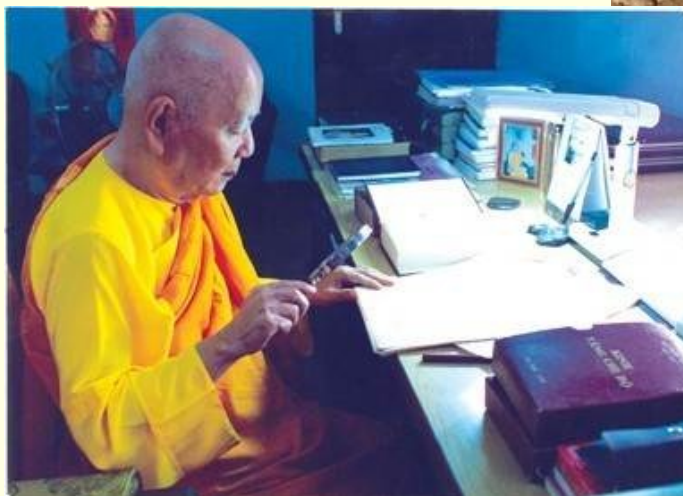
Trên đường phát triển nền Phật học VN, Hòa Thượng luôn chủ trương truyền bá tư tưởng Phật học của ba bộ phái Phật Giáo lớn: Thượng Tọa Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ và Đại Thừa, và thường nghĩ đến phần giáo lý Phật Giáo căn bản chung cho các bộ phái để thiết lập cơ sở thống nhất về mặt tư tưởng Phật học.

Vào lúc 9 giờ sáng ngày 01/9/2012, nhằm ngày 16/7 Nhâm Thìn, Ngài thân thể tịch diệt tại Thiền viện Vạn Hạnh, trụ thế 95 năm, với 64 hạ lạc.

Cuộc đời và Đạo nghiệp của Ngài là tấm gương sáng của một bậc Cao Tăng Thạc Đức, hi hiển trọn đời mình cho sự nghiệp giáo dục Phật Giáo, dịch Kinh, viết sách, góp sức cho Pháp Luân thường chuyển, hoằng pháp lợi sanh, cho nhân sanh được an lành, hạnh phúc, hướng thượng, giải thoát. Sự ra đi của Ngài để lại bao nhiêu niềm kính tiếc của Phật giáo đồ trong nước lẫn hải ngoại.

Thành kính cầu nguyện Giác Linh Cố Hòa Thượng cao đăng Phật quốc và sớm hồi nhập Ta Bà, để tiếp tục công cuộc hoằng pháp lợi sinh.

Nam mô Từ Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Tam thế, Xuân Kinh Trường Vân Tổ Đình Trúc Trí, Vạn Hạnh Thiền Viện Khai Sơn, húy thượng Tâm hạ Trí, tự Minh Châu, hiệu Viên Dung Trường Lão Hòa Thượng Giác Linh thủy từ chứng giám.



NHÂN DUYÊN VỚI HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Điều ngự tử Tín Nghĩa

Trước tiên, tôi xin tưởng nhớ và cảm ơn cố Hòa thượng Thích Hạnh Đạo, đã tạo điều kiện đặc biệt để cho tôi tham dự khóa học gọi là: “Khóa Chuyên Hóa Học Đường” được tổ chức tại Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Đáng lý, tôi được học ngay từ khóa đầu, nhưng vì an cư kết hạ tại chùa Báo Ân, trước Tổng Y viện Duy Tân Đà Nẵng, nên đình hoãn và tham dự khóa 2. Lần đầu tiên trong đời, được đi Sài Gòn cà đi lẫn về bằng máy bay của Hoa Kỳ.

Khóa Chuyên hóa Học đường này đào tạo cho những giáo sư tư thực, nên khóa học của tôi cũng có một số nữ tu Thiền chúa giáo cùng tham dự; sau khi tốt nghiệp ba tháng thì trở lại nhiệm sở để dạy thể dục cho học sinh Đệ nhất và Đệ nhị cấp Trung học. Cả hai khóa do Viện Đại học Vạn Hạnh tổ chức và lo cả trường lớp cũng như huấn luyện viên. Hòa thượng Thích Minh Châu đương kim Viện trưởng làm Giám đốc cho khóa, thầy Thích Hải Thanh vừa là Phó giám đốc mà cũng là Giám thị theo sát học viên suốt khóa, mỗi khi khóa học cần tài liệu, cần ra ngoài để thực tập là thầy phải trực diện; chẳng hạn như thực tập cứu thủy nạn và cách làm Giám thị tại hồ bơi Nguyễn Bình Khiêm. Những lần bên Bộ Giáo dục có những chức trách qua viện thì thầy Hải Thanh tiếp, nếu là không hệ trọng lắm; còn ông Tổng trưởng Ngô Khắc Tinh qua thăm thì có Hòa thượng Viện trưởng. Những môn học cần bản như nhạc và những vũ điệu cộng đồng vui nhộn cho lớp thanh thiếu niên, tập sẵn bản (*nhưng không học môn này*), giám thị hồ bơi để tập cứu thủy nạn, chương trình “Con kiến vàng” do Giáo sư Nguyễn Thành Nhơn đảm trách, nhạc thì có nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ hướng dẫn, bóng chuyền, vũ cầu và bóng rổ thì có chuyên viên bên Bộ biệt phái,... Khóa học rất vui nhộn và đem lại nhiều lợi ích cho



học viên. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh lúc này chiến tranh triền miên, nhất là vùng quê, nên sau khi tốt nghiệp về lại trường thì cũng chỉ treo chứng chỉ tốt nghiệp lên làm cảnh, chứ chẳng thực hành được có là bao.

Cũng nhờ khóa học này, mà tôi được thân cận Hòa thượng Viện trưởng ba lần.

Lần thứ nhất: Sau một tháng học, học viên được nghỉ ba ngày và cho ra Vũng Tàu để thư giãn, nhưng học viên phải làm một bài tường thuật trong chuyến đi ấy. Trường lúc tất cả ai ai cũng lo nhiệm vụ của mình, thì Hòa thượng Viện trưởng cùng thầy Phó giám đốc, Thượng tọa Thích Như Mãn, cựu Tuyên úy Phật giáo thuộc Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, cô sinh viên Lan Hương, đệ tử của Hòa thượng và tôi cùng nhau lên Thiền viện Chân Không để thăm ngài Thích Thanh Từ, đồng thời, để nghỉ trưa chút xíu, vì trời hôm ấy quá sức nóng mà chúng tôi thì không tắm biển như các nam nữ học viên.

Thiền viện Chân Không từ dưới bãi biển đi lên tận viện gần

hơn 120 bậc thềm. Lên đến viện là ai ai cũng đã mỏi chân và mệt hoài người. Vừa đến thiền đường, thì gặp ngay Thiền sư Thanh Từ đang cầm bê tuần tra thiền sinh đang ngồi thiền. Thấy phái đoàn của Hòa thượng, ngài Thanh Từ bước ra chào và mời vào phòng khách. Câu chuyện chào hỏi giữa các vị lớn, thì thầy Hải Thanh thì thăm với tôi: “Thiền viện thì Chân Không mà Thiền sư thì đôi dép da vừa cao, vừa lằng.”

Tôi nhovn miệng thưa với Ôn Minh Châu:

“Bạch Thượng tọa, ngài đặt tên là Chân Không, mà sao chân ngài đi đôi dép vừa cao vừa đẹp?”

Ôn Minh Châu vừa cười vừa nói:

“Cái chú mày nữa...!”

Tôi và thầy Hải Thanh cười thì cô Lan Hương cũng cười theo.

Chiều về, vị tài xế chở học viên không may xe bị lật, một vài ba vị bị thương làm cho Hòa thượng và ban Giám đốc thêm phần lo lắng không ít. Và cũng từ đó, tôi, thầy Như Mãn và cô Lan Hương thân quen nhau vì trực tiếp lo liệu một phần nào trong vụ tai nạn này.

Lần thứ hai: Sau khi mới chuyện yên ổn của chuyến đi Vũng Tàu, đến ngày mãn khóa, mỗi đội như vậy cả nam lẫn nữ và tu sĩ 10 vị phải trình bày một màn: Hát, múa, kể chuyện hay hài kịch không quá 20 phút, nhưng không dưới 15 phút. Thầy Như Mãn và cô Lan Hương tốt nghiệp khóa đầu, nhưng tính thích hoạt náo nên xin theo tiếp khóa hai cho vui. Cũng trong đêm mãn khóa, đội chúng tôi xuất sắc được chấm điểm cao và chính Hòa thượng Viện trưởng bắt diễn lại một lần nữa. Thật tình bây giờ tôi không còn nhớ đội của mình là những ai. Chỉ nhớ hai chị em họ Ông là Ông thị Lập và Ông thị Công. Cả hai vừa mới tốt nghiệp tú tài 2 năm ấy và theo học khóa này. Sở dĩ, tôi nhớ rõ như

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

vậy là vì nhà hai cô ở gần Viện, nên thỉnh thoảng mời qua nhà thăm chơi, lại là người gốc Đà Nẵng, thâm tín Tam bảo, mà tôi lúc ấy đang dạy tại trường Trung học Bồ Đề Đà Nẵng, ban Toán Lý Hóa, nên hai cô xem như đồng hương và dễ thân quen. Sau màn diễn của đội chúng tôi, Hòa thượng gọi tôi đến và hỏi gốc tích, thì biết tôi là đệ tử của Hòa thượng Thích Mật Hiển, dân Cổ đô Huế thường gọi là Ôn Trúc Lâm; Hòa thượng cười và lân mẩn kể chuyện xưa tích cũ khi Hòa thượng làm thông dịch viên cho phái đoàn của sư phụ tôi qua tham dự Đại lễ Phật đản ở Đông Hồi, vì lúc này Hòa thượng đang học tại Ấn Độ.

Hòa thượng kể: Khi tôi gặp Ôn Trúc Lâm tại Đông Hồi, Ôn cho hay là trong danh sách nếu không có tên thì cả phái đoàn phải đình lại, Tổng thống Ngô Đình Diệm không cho đi. Cuối cùng từ Tổng thống phủ đánh điện ra cho ông Ngô Đình Cẩn lên từ Đàm báo cho Ôn Trí Quang cho người vào thỉnh ôn Trúc Lâm cùng đi. Và Ôn Trí Quang đích thân lái xe lên Trúc Lâm để bàn chuyện chuyển đi này. Ông Ngô Đình Cẩn biết bầm tính của Ôn Trúc, và lại, ông Cẩn rất thân với Ôn Trí Quang, ngoài Ôn ra thì không ai dám thưa thỉnh. Ông Ngô Đình Cẩn biết như vậy.

Lần thứ ba: Trước khi từ giả Già Lam về tiếp tục công việc giáo

dục, tôi được cô Hương Lan mời về nhà thăm bà ngoại của cô, đồng thời cúng dường một bữa cơm đạm bạc trước khi chia tay. Cô giới thiệu với bà ngoại ra sao không biết, nhưng khi đến nhà, cụ ngoại của cô rất niềm nở lại còn cho tôi một ít tịnh tài để đi đường về lại Đà Nẵng.

Sau khi cơm nước xong, độ hai giờ chiều tôi nhờ Hương Lan dẫn lên thăm Ôn Minh Châu ở Thiền viện. Bước lên bậc thềm thì gặp Ôn vừa đi ra, chúng tôi chào thì Ôn dạy:

- Thầy định đi thiền hành một chút, rồi vào dịch kinh. Vừa bước xuống thềm thì gặp con và thầy Tín Nghĩa. Thôi thì cả ba chúng ta vào văn phòng nói chuyện cho vui.

Đến Văn phòng, vừa ngồi xuống, Ôn tiếp:

- May quá. Vừa rồi không có gì đáng tiếc. Thấy chiếc xe kia bị nạn, thầy run bắn cả người. Thật là tiền hung hậu kiết.

Rồi ôn cười xòa. Cô Lan Hương thì lấy máy hình chụp lia lịa. Có nhờ tôi chụp cho cô và Ôn nữa. Bao nhiêu chuyện xa, chuyện gần, chuyện viện, chuyện của hai khóa học đều được đem ra nói. Khi thì Ôn dạy, chúng tôi ngồi nghe, khi thì cô Lan Hương vừa cười vừa thuật lại chuyện xê lặt...

Vì thì giờ của Ôn có hạn, nên chúng tôi xin đành lễ Ôn và ra về. Cô Lan Hương về nhà, tôi trở lại Già Lam. Mỗi năm nào, Lan Hương là một cô sinh viên 23 tuổi, rồi thì cũng theo gia đình đến Canada, rồi đến Hoa Kỳ và định cư tại Houston. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp nhau. Nếu con của cô ta lập gia đình



Nữ sư Trụ trì Thích nữ Hạnh Thành đang quần khăn tang lên cổ liểu của GDPT TÚ ĐÀM

thì cô sinh viên năm xưa nay là bà nội, bà ngoại.

Cũng từ dạo ấy, tôi không có một cơ hội nào để gặp lại Ôn Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Hòa thượng Thích Minh Châu.

Giờ đây, được tin Ôn hầu Phật, kẻ hậu học xin ghi lại một vài kỷ niệm tuy đơn sơ, nhưng rất tình đạo. Viết để nhớ ơn, viết để đền ơn. Nếu không có Ôn trong suốt mấy thập niên, một mình ngồi miệt mài cho Văn hóa, cho dịch thuật; không có Ôn, chúng tôi làm sao có cơ duyên để đọc được những bộ kinh trong Thanh văn tạng bằng Pali?

Trên đường phát triển nền Phật học Việt Nam, Hòa Thượng Minh Châu luôn chủ trương truyền bá tư tưởng Phật học của ba bộ phái Phật Giáo lớn: Thượng Tọa Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ và Đại Thừa, và thường nghĩ đến phần giáo lý Phật Giáo căn bản chung cho các bộ phái để thiết lập cơ sở thống nhất về mặt tư tưởng Phật học.

Những đóng góp của Hòa thượng thật to lớn, và ảnh hưởng dài lâu cho Phật giáo, cho đất nước và nhân loại. Hậu học như tôi, nhìn công hạnh cao vời của ngài mà chẳng biết làm sao đền đáp, chỉ xin ghi lại những nhân duyên kỷ niệm để luôn nhớ, tri ân, và noi gương trong muôn một.



Đoàn vị Gia Đình Phật Tử TÚ ĐÀM vừa thọ tang cố Trưởng lão Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

thơ



ÁNG MÂY GIỮA TRỜI

*Người nằm xuống để cho đời im lặng
Ủ hình hài nơi lòng Đất Mẹ yêu
Ngày hai buổi tiếng Kinh chiều vang vọng
Vạn Hạnh buồn đưa tiễn bậc Cao Siêu.*

THÀNH KÍNH ĐÁNH LỄ

Giác Linh

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu
Nhà phiên dịch Kinh tạng Pali
Nhà Văn hóa Giáo dục,
Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh,
Bậc Ân Sư – Giáo Thọ Sư

Lễ Cung tống Kim Quan Nhập Bảo Tháp
Hoa Kỳ, ngày 09 tháng 09, 2012
Khê Thủ,

Học trò cũ Nguyên Siêu

VÀI Suy NGHĨ NHÂN ĐỌC TẠNG KINH NIKAYA TIẾNG VIỆT

Chúc Phú

Tự nhận rằng, là người của công việc, hay đi lại đó đây, ngay cả trong mùa an cư, do đó với riêng tôi, việc thực hiện đúng thời khóa công phu theo phương thức truyền thống là điều bất khả! Mặc dù vậy, tự trong sâu thẳm của lòng mình, mong mỗi được đọc tụng toàn bộ kinh tạng trong mùa an cư dường như là một sở nguyện đã manh nha từ lâu...

Với vốn ngoại ngữ không lấy gì làm phong phú, tôi đã chọn tạng kinh Nikaya qua bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Thích Minh Châu, dành cho lần đầu tiếp cận kho tàng thánh điển đồ sộ của Đức Phật trong mùa an cư năm nay. Không tìm mua được Đại tạng kinh trên giấy, tôi phải tìm đọc Đại tạng kinh qua những trang mạng Phật học uy tín, với phương tiện máy tính cá nhân để dễ dàng ghi chép khi phải di chuyển. Đọc kinh trong tâm thế không có sự hỗ trợ của không gian, nghi lễ và các điều kiện thuận lợi khác, nên kết quả thu được của tôi sẽ bị giới hạn ở một chừng mực nhất định. Đó là điều cần phải nói, trước khi chia sẻ cùng bạn đọc những cảm nhận của riêng mình khi đọc Đại tạng kinh.

Sự hỗ trợ của các tài liệu hướng dẫn

Kinh điển thường được ví như rừng, đó cũng là điều được Đức Phật xác chứng trong nhiều kinh điển. Muốn khỏi lạc đường khi đi trong rừng và đạt được nhiều mục đích, phải có sự hướng dẫn, chỉ bày. Nói cách khác, phải có phương pháp khi đọc đại tạng kinh. Kết quả của việc đọc đại tạng kinh phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp tiếp cận, phương thức nghiên cứu của mỗi người.

Với hệ thống Nikaya, có nhiều tài liệu hướng dẫn. Chúng tôi chọn bản Hướng dẫn đọc Tam tạng kinh điển do giáo sư người Miến Điện U Ko Lay qua bản dịch của Thích nữ Huyền Châu. Thực sự đây là bản hướng dẫn khá tổng quát về Kinh, Luật và Tăng pháp trong hệ thống Tam tạng kinh điển Nikaya. Do vì khá tổng quát nên sẽ bỏ quên những chi tiết, dù rất mực quan trọng. Cũng chính vì điều này nên chúng tôi cần sử dụng thêm các bản hướng dẫn khác như: Tìm hiểu Trung Bộ kinh của Hòa thượng Thích Chơn Thiện hoặc Toát yếu kinh Trung Bộ do Thích nữ Trí Hải tóm tắt và chú giải... cùng những bản chú giải về các bộ kinh tương ứng như Trường Bộ, Tăng Chi, Tương Ưng,... của các nhà luận giải Phật học. Việc đọc các bản chú giải này trước khi đọc trực tiếp vào văn kinh, giúp chúng tôi khám phá tính hệ thống cũng như để dễ dàng định hình các mối liên hệ các vấn đề Phật học, các nhóm vấn đề... vốn dĩ được chuyển tải rời rạc trong kinh tạng Nikaya.

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Vượt qua cảm thức nhàm chán

Mỗi giai đoạn lịch sử có những cách lưu giữ tri thức khác nhau. Trong điều kiện giới hạn về phương thức lưu giữ tri thức, nhân loại đã vận dụng năng lực lưu giữ riêng có của con người, đó chính là khả năng ghi nhớ. Một trong những đặc thù của tri thức ghi nhớ là sự lặp lại liên tục. Phương thức này ngày nay có thể bắt gặp ở một số khu vực miền quê tại nhiều nơi trên thế giới và thậm chí ngay cả Việt Nam. Trong một chuyến điền dã tại miền Trung Việt Nam, chúng tôi khám phá ra rằng, có thể người ta không biết chữ, nhưng vẫn thuộc rất nhiều câu hò và còn đọc rành rọt từng câu Kiều, thậm chí đọc toàn văn Lục Vân Tiên!

Ở đây, nhằm mục tiêu ghi nhớ và giữ gìn những lời dạy của Đức Phật một cách nguyên vẹn nhất, các thế hệ tiền nhân đã vận dụng cách thức ghi nhớ này đối với kinh điển mà Đức Phật đã chỉ dạy trong suốt cuộc đời hoằng hóa của mình. Đến khi kinh điển được lưu lại bằng văn bản, để đảm bảo tính chân thực của kinh văn, các nhà kiệt tập thời ấy quyết định ghi vào văn bản đầy đủ những gì truyền miệng, dù có những đoạn bị lặp lại đến nhiều lần. Nói cách khác, kết cấu và thể loại của Tam tạng kinh điển Nikaya mang nặng dấu ấn của tri thức ghi nhớ. Do bởi dấu ấn đó, nên khi tiếp cận kinh điển, theo cảm quan người viết, chúng ta có thể lướt nhanh những đoạn lặp lại để đỡ tốn thời gian và phải biết dừng lại, đọc thật kỹ và thật chậm khi có những thông tin mới. Đồng thời, lúc đọc kinh, phải giữ tâm hồ hởi khi phát hiện điểm mới và biết dừng lại để chiêm nghiệm sâu thêm sự phát hiện này. Niềm vui mừng khi phát hiện điểm mới được xem như sự tưởng thưởng, giúp người đọc tăng thêm nhiệt huyết để tiếp tục đọc sâu vào kinh văn. Vận dụng kỹ thuật đọc nhanh, đọc chậm và chiêm nghiệm sâu đúng lúc, sẽ giúp chúng ta vượt qua cảm thức nhàm chán khi lần đầu tiếp cận với tạng kinh Nikaya.

Tích cực ghi chép và phân loại tư liệu

Đức Phật thuyết giảng rất phù hợp với mọi căn cơ và trình độ của đối tượng. Tính đối cơ, tùy thời dường như là một đặc tính không thể thiếu trong các bài thuyết giảng của Đức Phật. Tuy nhiên, sự sắp xếp các bài thuyết giảng ấy trong kinh tạng Nikaya quả thực chưa hợp lý và chưa khoa học lắm. Từ thực tế cho thấy, lượng tri thức Phật học chứa đựng trong

kinh điển phân bố không đồng đều và dàn trải ở nhiều mức độ khác nhau. Đó là điều làm cho người đọc lần đầu dễ bị lúng túng trong việc nối kết các vấn đề, các dữ kiện, thậm chí dễ bị lẫn lộn các niên biểu lịch sử quan trọng trong cuộc đời Đức Phật. Đôi khi, có những lý thuyết, những quan điểm mang tính then chốt, nền tảng trong giáo lý của Đức Phật, nhưng lại được sắp xếp ở một đoạn kinh rất ngắn, làm cho người đọc dễ bị bỏ qua. Dẫu biết rằng, Phật thuyết pháp là thuận thứ, nghĩa là từ thấp lên cao, tuy nhiên, do bị chi phối bởi cách thức sắp xếp kinh điển theo dung lượng dài, ngắn cũng như căn cứ vào mô típ, hình thức để phân loại kinh điển, chính vì vậy đã tạo nên một trật tự sắp xếp kinh điển nhằm mục đích chính là thuận lợi cho việc ghi nhớ, bảo lưu hơn là nhằm đáp ứng các yêu cầu khác.

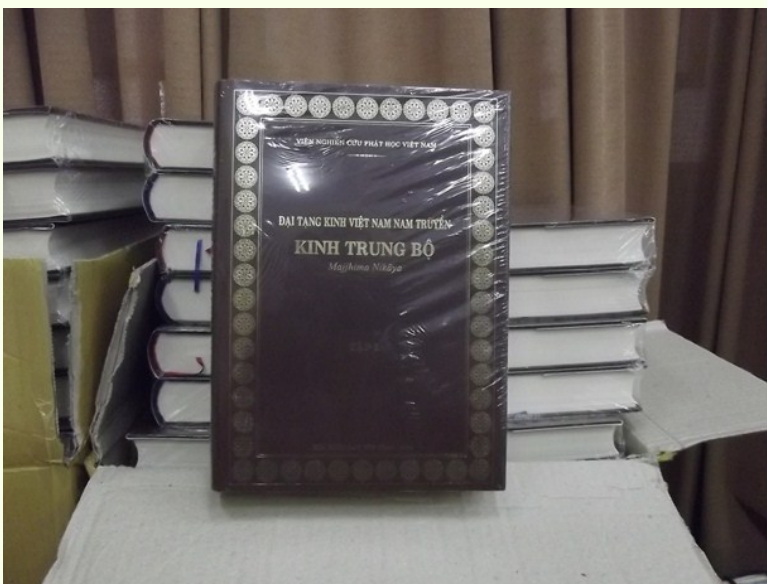
Đọc và tích cực ghi chép khi phát hiện những vấn đề liên hệ, đó là việc cần làm khi bắt đầu đọc kinh tạng Nikaya. Càng đọc, tư liệu chép càng nhiều. Sau khi tích lũy tư liệu đến một lượng nhất định, cần phải chuyển sang phân loại tài liệu theo chủ kiến hoặc dự định của mình, nhằm sử dụng vào những mục đích tương ứng.

Các hình thức đọc kinh

Kinh điển là sự thể hiện của chân lý. Đã là chân lý thì luôn đúng trong mọi khoảng không gian và thời gian. Biết vận dụng kinh điển

soi sáng những vấn đề tự thân của Phật giáo hoặc những vấn đề xã hội, đó cũng là trải nghiệm chân lý trong thực tại đời thường. Có thể bắt gặp trong kinh những vấn đề hết sức nóng bỏng trong xã hội hiện tại cũng như các cách lý giải rất mực thỏa đáng về các tôn nghi giới luật, các lý thuyết căn bản của Phật giáo... khi chúng ta đọc sâu vào kinh văn.

Từ lịch sử phát triển của Phật giáo cho thấy, có nhiều phương thức tiếp cận kinh điển. Tập trung đọc tụng một vài bộ kinh điển theo những thời khóa định kỳ cũng là một cách thức. Thậm chí ở một số truyền thống Phật giáo ngày nay, việc chớ thuộc lòng Tam tạng Thánh điển và trùng tuyên lại trong những dịp đại lễ, cũng là một trong những cách thức đọc kinh và giữ gìn Pháp bảo. Truyền thống này, tại một số tu viện ở Miến Điện ngày nay vẫn còn thực hiện. Được biết, ở Miến Điện hiện tại, có khá nhiều vị Tăng sĩ lâu thông Tam tạng Kinh điển Pali. Cách thức đọc kinh đặc thù này có giá trị và ý nghĩa rất lớn trong công cuộc bảo tồn Chánh pháp. Tuy nhiên, cách thức đọc Tam tạng kinh điển vừa nêu không phải ai cũng



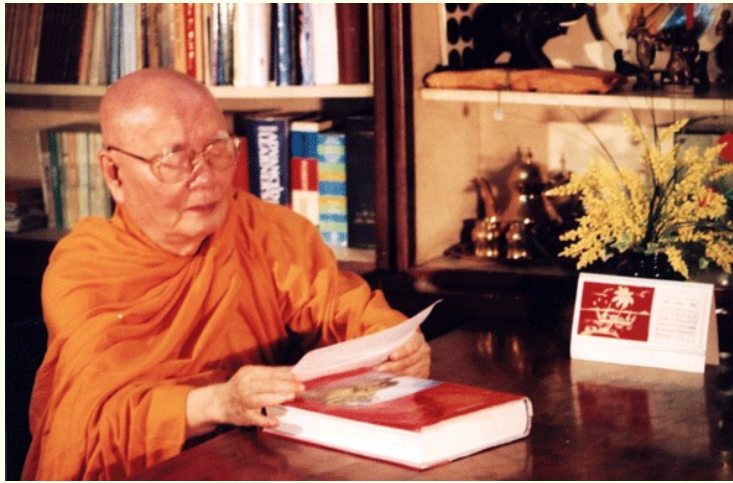
thực hiện được, vì người đọc phải có một tâm lực phi phàm và phải có một sự chuẩn bị lâu dài về thời gian. Trong những năm gần đây, tại Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ, trong mùa lễ hội Đức Phật Thành đạo, đã có một số tổ chức Phật giáo đứng ra đã tổ chức tri tụng Đại tạng kinh qua một số kinh văn được chọn lọc. Pháp hội tụng Đại tạng kinh tại đây quả là một điểm nhấn sáng ngời trong không gian thiêng liêng nơi Đức Phật đã chứng ngộ Thánh quả. Người viết chợt nghĩ, không biết đến bao giờ ở Việt Nam có được một pháp hội tụng Đại tạng kinh tiếng Việt?

Trên một phương diện khác, đã có một số nhà nghiên cứu phương Đông và cả phương Tây đã tảo bạo trong phương thức tiếp cận kinh điển. Chẳng hạn, cách thức tiếp cận kinh tạng Nikaya của Stephen Batchelor(1) hoặc của Hajime Nakamura(2) cũng như các nhà nghiên cứu phương Tây khác, mặc dù tạo nên một hiệu ứng khó chịu trong suy nghĩ truyền thống, nhưng ở một chừng mực nào đó đã gợi mở những cách suy nghĩ tích cực, phóng khoáng về Đức Phật cũng như giáo pháp của Ngài. Thiển nghĩ, cách thức tiếp cận giáo pháp của Đức Phật theo phương thức này có cảm giác như được đặt mình vào không gian sinh hoạt thời Đức Phật, cũng như dễ dàng thấu đạt sự rõ ràng, đơn nghĩa được thể hiện trong kinh. Đọc kinh tạng trong tâm thế vừa liên hệ thực tại và thậm chí đưa ra những nghi ngờ cần thiết, để cuối cùng hóa giải tồn nghi và từng bước nhận chân chân lý, là tiền đề dẫn đến cảm thức pháp hỷ sung mãn riêng có khi đọc kinh tạng.

Khám phá kho tàng thực sự

Tuy chỉ lần đầu tiếp cận, nhưng với những tư liệu góp nhặt bước đầu đã cho thấy có một kho tàng phong phú về chủng loại được chứa đựng trong kinh tạng. Trên phương diện tri thức nói chung, nếu như phân chia theo quy chuẩn hiện tại, người đọc dễ dàng bắt gặp nhiều lãnh vực tri thức được đề cập trong tạng kinh, với cách biểu đạt hơi cổ xưa. Đơn cử như các lãnh vực y tế, trị bệnh, kỹ thuật nông lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ... cũng đều có mặt sống động trên những trang kinh. Thậm chí ngay cả những lãnh vực hiểm hoi của khoa học tự nhiên như ngành phân kim, luyện kim... cũng rải rác có mặt trong một vài ngữ cảnh.

Đành rằng, như nhiều lần Đức Phật đã dạy: Ngài chỉ nói đến khổ và vấn đề diệt khổ. Tuy nhiên, do sự đa dạng nghiệp cảm của chúng sanh nên Đức Phật cũng tùy duyên chuyển hóa. Sự vận dụng đến mức thuần熟 tri thức về các ngành nghề chỉ là một



minh chứng nhỏ về sự thông tuệ vô tận của Đức Thế Tôn. Đôi khi, ta dễ dàng ngập ngừng dừng lại giữa những trang kinh, vì tưởng rằng Đức Phật là một nhà kinh doanh, một bác sĩ giỏi, một bậc thầy trong nghệ thuật, khi Ngài viện dẫn một cách khéo léo những kiến thức của các lãnh vực vừa nêu, nhằm làm sáng tỏ chân lý.

Đặc biệt, không những chỉ bảo lưu giáo pháp,

phương cách diệt khổ, chứng ngộ Niết bàn; kinh tạng còn là nơi lưu giữ những dấu ấn kinh văn của các tôn giáo khác, thể hiện qua những cuộc tranh luận, trao đổi giữa Đức Phật hoặc các đệ tử của Ngài và các vị lãnh đạo của các tôn giáo ở Ấn Độ cổ xưa. Nghiên cứu các tôn giáo, tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại thông qua hệ thống kinh tạng Phật giáo, phát hiện này đã được một số nhà nghiên cứu phương Tây tuyên bố gần đây.

Dù là hành giả đi theo con đường của Đức Phật, có rất nhiều người xuất gia thời nay vẫn đang loay hoay tìm kiếm cho mình một pháp hành tương ứng trong điều kiện xã hội hiện tại. Khát vọng chính đáng này sẽ được thỏa mãn nếu như khảo sát thật kỹ các pháp hành đã được Đức Phật tùy nghi chỉ bày trong kinh văn. Thỉnh thoảng đây đó, các giáo lý về Tịnh độ, về Thiền tập về Mật giáo... cũng được thể hiện một phần hoặc đầy đủ trong kho tàng kinh điển mang tính nguyên thủy này. Ở đây, ngoài việc nương tựa vào một pháp hành tu tập đã được định hình trong hiện tại, việc khảo sát các pháp hành đó thông qua kinh tạng, sẽ làm cho phương pháp tu tập vừa có hơi thở của thời đại vừa nối kết được truyền thống giải thoát. Nếu như đủ sức và đủ duyên, hành giả vẫn có thể tự mình xây dựng một pháp hành tu tập tương ứng, bằng cách tham chiếu điều kiện nghiệp lực của tự thân và những pháp hành đã được Đức Phật chỉ bày rất rõ ràng trong kinh tạng.

Vài đề nghị bước đầu về tạng kinh tiếng Việt

Kinh tạng tiếng Việt là kho tàng văn hóa của người Việt nói chung và của Phật giáo Việt Nam nói riêng. Làm sao để mọi người tiếp cận kho tàng văn hóa đó là trách vụ không riêng gì của những nhà lãnh đạo Phật giáo. Được biết, hiện tại, ngoài hệ thống Tam tạng kinh điển Nikaya đã được phiên dịch gần như đầy đủ, các hệ thống kinh điển Bắc truyền cũng đã được các tổ chức và cá nhân, chính thức hoặc không chính thức của Phật giáo, tổ chức phiên dịch và ấn hành.

Cách đây vài năm, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã lần lượt tổ chức ấn hành kinh tạng Nikaya gần như đầy đủ. Tuy nhiên, do số lượng ấn hành có

hạn nên không đủ sức đáp ứng nhu cầu học và đọc của số đông Phật tử và không phải Phật tử. Trong công cuộc hoằng pháp nói chung và ấn hành Đại tạng kinh nói riêng, nếu như cho rằng việc phiên dịch Đại tạng kinh là trọng trách đầy khó khăn, và ở đây, nhiệm vụ khó khăn đó đã vượt qua, thì không lý nào việc xuất bản, phát hành lại khó hơn cả việc dịch kinh mà tiền nhân đã dày công thực hiện.

Kinh nghiệm phát triển văn hóa, cụ thể là văn hóa Đại tạng kinh ở một số nước trong khu vực cho thấy, các tổ chức nhà nước và cá nhân sẵn sàng chung tay hỗ trợ vào dự án phát triển Đại tạng kinh, nếu như có một kế hoạch đầy đủ, hợp lý và chi tiết. Thiển nghĩ, nếu như được sự chung tay của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài Phật giáo, nếu như tất cả đồng lòng vì tương lai của Phật giáo Việt Nam, vì tương lai của văn hóa Việt Nam nói chung, và khi thực tế là giá thành của một bộ Đại tạng kinh không là vấn đề quan ngại, khi số lượng ấn hành không hạn chế, thì khả năng trang bị cho mỗi ngôi chùa, mỗi thư viện trên đất nước Việt Nam một bộ Đại tạng kinh tiếng Việt là vấn đề nằm trong tầm tay.

Đọc kinh để thấy Phật và thấy mình. Đôi khi do nghiệp dĩ nặng nề, thấy đó rồi quên đó, cho nên cần phải đọc đi đọc lại nhiều lần một bản kinh. Kinh Phật như lá trong rừng, mỗi lần đọc ta chỉ nắm được vài lá trong tay của Đức Thế Tôn. Xin hẹn mùa Hạ sang năm, con sẽ tiếp tục đọc lại tạng kinh để làm mới những gì đã cũ.

(1) Nhà văn, nhà nghiên cứu đương đại, tu theo truyền thống Kim Cương thừa, người Scotland, tác giả của nhiều cuốn sách best seller viết về Phật giáo. Xem thêm: Sự kết tập kinh điển quên lãng niên đại lịch sử. Thư Viện Hoa Sen đăng tải tháng 8 năm 2011 tại địa chỉ:

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-83_4-13557_5-50_6-1_17-66_14-1_15-1/

(2) Giáo sư người Nhật Bản, Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông phương. Xem thêm: Đức Phật Gotama - một tiểu sử căn cứ vào những bản kinh uy tín nhất. Bản dịch của Trần Phương Lan, NXB. Phương Đông, 2011.



Tự Vấn

Ngắm nhìn đám mây bay, hỏi mây bay về đâu

Hỏi mây bay về đâu, về đâu?

Ngắm nụ hồng bên dậu, hỏi hoa đẹp mấy ngày

Hỏi hoa đẹp mấy ngày, mấy ngày?

Ngắm lại thân phận mình, già đau chết vẫy quanh

Vô thường đến không hẹn, luyến tiếc gì sự sinh

Sống nói cười là vui, buồn lặng yên héo sầu

Thật mấy ai nhận biết, thể bọt nước là gì?

Ngắm nhìn đám mây bay, hỏi mây đi về đâu

Hỏi mây đi về đâu, về đâu?

Ngắm nụ hồng mới nở, hỏi hoa đẹp mấy ngày

Hỏi hoa đẹp mấy ngày, mấy ngày?

Gió qua trúc lay động, gió đi bật tiếng reo

Chim bay ngang đầm vắng, chẳng lưu lại bóng hình

Quán nhìn cơn gió thoảng, quán nhìn hạt mưa bay

Xả thân không hệ lụy, duyên trần không chuyển lay

Nhân quả qua ngày tháng, thời gian mặc ai say

Trú tâm trong tĩnh động, tụ tán giọt sương bay

Đừng đắm chìm ngày qua, đừng ước mơ chuyện tới

Thở cười đi sẽ thấy, cuộc đời mãi tinh khôi.

SƠN CƯ – THÍCH TỊNH TỪ

**MỘT VÀI HÌNH ẢNH LỄ NHẬP THÁP ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
TẠI THIỀN VIỆN VẠN HẠNH, SÀI-GÒN, VIỆT NAM, NGÀY 09.9.2012**



**PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG DO TỔNG VỤ CƯ SĨ GHPGVNTNHK VÀ TỔNG HỘI CƯ SĨ
TỔ CHỨC TẠI NGHĨA TRANG PEEK FAMILY NGÀY 15 & 16.9.2012**



Photos: Dzung Nguyễn

TƯỜNG NIỆM HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU, NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Huỳnh Kim Quang



Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu, Nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, viên tịch tại Thiền Viện Vạn Hạnh, Sài Gòn, Việt Nam, vào lúc 9 giờ sáng ngày 01 tháng 9 năm 2012. Trong niềm tiếc thương vô hạn đối với sự ra đi của bậc ân sư khả kính mà người viết bài này đã từng thọ ân giáo dục, bài viết này xin được viết ra để tưởng niệm công đức lớn lao của Ngài đối với sự nghiệp giáo dục và qua đó xin trình bày một vài cảm nghĩ về con đường giáo dục của Phật Giáo Việt Nam.

Trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam nhiều thế kỷ trở lại đây, Cổ Hòa Thượng Thích Minh Châu là một trong những nhà giáo dục xuất sắc nhất đã kiên trì và tận tụy cả đời cho sự nghiệp giáo dục, đặc biệt là giáo dục thể học trong tinh thần của Phật Giáo Việt Nam mà tiêu biểu cao nhất cho sự thành tựu nên giáo dục theo hướng ấy là Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Viện Đại Học Vạn Hạnh đã được chính thức cho phép hoạt động với tư cách pháp nhân và pháp lý của một đại học tư thục vào ngày 17 tháng 10 năm 1964, và vị Viện Trưởng là Thượng Tọa Thích Minh Châu. Việc thành lập Viện Đại Học Vạn Hạnh là do chủ trương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để đáp ứng nhu cầu mở rộng công cuộc hoằng pháp vào xã hội. Giai đoạn đầu, chờ xây dựng cơ sở chính thức, Đại Học Vạn Hạnh đã mượn cơ sở của Chùa Xá Lợi và Chùa Pháp Hội để giảng dạy với 2 phân khoa Phật Học và Văn Học & Nhân Văn. Đến năm 1966 thì Đại Học Vạn Hạnh dời về cơ sở mới được xây cất xong trên đường Trương Minh Giảng, Sài Gòn. Năm 1967, Viện mở thêm Phân Khoa Khoa Học Xã Hội. Năm 1970, Viện mở Phân Khoa Giáo Dục và năm 1973 thêm Phân Khoa Khoa Học Ứng Dụng, với cơ sở mới tại Quận Phú Nhuận mà nay là Thiền Viện Vạn Hạnh. Niên khóa 1971-72, Viện mở Trung Tâm Ngôn Ngữ để giúp sinh viên học các ngoại ngữ. Ngoài ra Viện còn có Thư Viện, với khoảng 25,000 đầu sách, là một trong những thư viện lớn và hiện đại nhất vùng Đông Nam Á thời bấy giờ, (theo www.wikipedia.org). Năm 1967, Viện cho ra đời Tạp Chí Tư Tưởng là cơ quan ngôn luận dẫn đạo về mặt tư tưởng, triết lý, giáo dục và văn hóa hàng đầu của Phật Giáo Việt Nam, mà mãi đến nay (2012) vẫn chưa có tạp chí Phật Giáo nào, trong và ngoài nước, có thể vượt qua được uy tín và ảnh hưởng lớn rộng của nó.

Chỉ hơn 10 năm, từ tháng 10 năm 1964 đến tháng 4 năm 1975, Đại Học Vạn Hạnh đã phát triển thành một trong những đại học tư thục nổi tiếng và uy tín hàng đầu trên cả nước. Đó là một kỳ công

hấn hữu, một đóng góp lớn lao cho nền giáo dục trong bối cảnh bất an của xã hội Việt Nam thời chiến tranh lúc bấy giờ.

Nói như vậy để thấy rằng, vào những năm của thập niên 1960 và 1970, khi cuộc chiến khốc liệt đang xảy ra trên mọi miền đất nước, khói lửa điều linh tang tóc diễn ra từng ngày từng giờ và trong từng gia đình người dân Việt Nam, tuổi trẻ phải lên đường ra chiến trận mà không hẹn ngày về, không còn thấy tương lai tươi sáng, Hòa Thượng Thích Minh Châu đã nỗ lực và kiên trì trong công tác giáo dục tuổi trẻ thanh niên Việt Nam, để họ còn có chỗ dựa gửi gắm niềm tin vào tương lai. Vào thời điểm đó, vì vậy, Đại Học Vạn Hạnh không chỉ là trường sở giáo dục đào tạo nhân tài với bằng cấp học vị, mà còn là biểu tượng của niềm tin và hy vọng vào tương lai của đất nước cho thế hệ tuổi trẻ Việt Nam. Chính vì thế, Tạp Chí Tư Tưởng của Đại Học Vạn Hạnh cũng trở thành biểu tượng, thậm chí một thứ mode tri thức của sinh viên thời bấy giờ.

Rồi mấy chục năm sau, từ năm 1975 đến trước khi viên tịch, cũng thế, Hòa Thượng Thích Minh Châu vẫn tiếp tục con đường giáo dục với sự kham nhẫn vô bờ trước mọi chướng duyên và nghịch cảnh của xã hội để đào tạo nhiều thế hệ tăng, ni cho Phật Giáo Việt Nam. Nếu không có những nhà giáo dục tận tụy hy sinh đời mình cho lý tưởng “Duy tuệ thị nghiệp” như Cổ Hòa Thượng Thích Minh Châu thì Phật Giáo Việt Nam đến hôm nay đã phải trả giá rất đắt cho sự mất mát nhân sự lớn lao để thừa kế sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh của thầy tổ.

Cổ Hòa Thượng Thích Minh Châu ngay từ đầu đã chọn cho Ngài định hướng giáo dục và Ngài đã đem hết tâm huyết một đời cống hiến cho sự nghiệp giáo dục ấy đến hơi thở cuối cùng. Có thể hy sinh trọn đời cho sự nghiệp giáo dục chắc chắn Hòa Thượng Thích Minh Châu đã ý thức và nhận chân được vai trò và ảnh hưởng của giáo dục đối với cộng cuộc chuyển hóa con người và xây dựng xã hội. Ý thức đó đã được Hòa Thượng Thích Minh Châu bày tỏ nơi Chương 13 “Một Môi Trường Giáo Dục Tốt Phải Được Khởi Nguồn Xây Dựng Bởi Những Người Có Ý Thức và Trách Nhiệm,” trong tác phẩm “Đạo Đức Phật Giáo và Hạnh Phúc Con Người,” của Ngài được xuất bản vào năm 2002 tại Việt Nam (Nguồn: www.thuvienhoasen.org). Trong đó có đoạn Hòa Thượng Thích Minh Châu viết rằng:

“Ngày nay, với lối sống buông trôi theo dục lạc, con người hiện đại đang dần dần làm ô nhiễm và phá

vỡ môi trường sống tốt đẹp của mình. Nhiều biểu hiện thiếu cân nhắc, thiếu phản tỉnh của con người ngày nay khiến chúng ta không khỏi lo ngại đến cuộc sống hiện tại và tương lai, nếu con người không thật sự quay về để tìm xem mình đang làm gì và có thái độ sống thích hợp như thế nào. Đứng trước sự thách thức to lớn của lối sống thiếu giác tỉnh, bất chấp các hậu quả của con người ngày nay, chúng ta - những người Phật tử - cần phải tỏ rõ hơn nữa nếp sống tự ý thức và tự chế ngự của mình, đồng thời cần phải nỗ lực xây dựng nhiều môi trường sinh hoạt mang tính giáo dục cao cả cho con người.”

Trong tác phẩm nói trên, Hòa Thượng Thích Minh Châu còn nêu bật một yếu tính quan trọng mà suốt chiều dài lịch sử hai ngàn năm Phật Giáo Việt Nam đã cứu mang, đó là vai trò của ngôi chùa trong sứ mệnh giáo dục con người và xã hội. Hòa Thượng viết rằng:

“Những bước đi tiếp cận chân lý giác ngộ như đã nói ở trên gợi cho chúng ta hình ảnh một môi trường giáo dục thanh thoát, đầy trí tuệ và tình người do đức Phật xây dựng mà theo thời gian, với sự sáng của nó, môi trường ấy đã trở thành một truyền thống tốt đẹp, luôn luôn được giữ gìn và được xây dựng bởi những người con Phật với mục đích đem lại hạnh phúc và an lạc cho con người. Quả vậy, mỗi một ngôi chùa Phật giáo luôn luôn là một môi trường giáo dục tốt và người Phật tử đến với ngôi chùa ấy không phải chỉ để học kiến thức về kinh điển Phật giáo, mà để tu học và đóng góp sức mình cho việc xây dựng và phát huy môi trường ngày càng tốt đẹp. Và, qua nếp sống đó, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đang nỗ lực hướng vào mục tiêu chung của xã hội Việt Nam cũng như ở thế giới ngày nay là làm trong sạch hóa môi trường sống của con người mà đạo đức là căn bản.”

Giáo dục trong nghĩa rộng là đem kiến thức và kinh nghiệm truyền trao cho người khác, hay cho thế hệ con em qua nhiều hình thái và mô thức như học đường, cơ sở tôn giáo, gia đình hay xã hội, v.v... Trong Chương Thứ 13 của Công Ước Quốc Tế Về

Quyền Kinh Tế, Xã Hội Và Văn Hóa được công bố vào năm 1966, Liên Hiệp Quốc đã chính thức bảo đảm quyền giáo dục cho mọi người trên trái đất này. Giáo dục có hai lãnh vực là chính thống và không chính thống. Giáo dục chính thống là các hệ thống giáo dục học đường công lập và tư thực được nhà nước công nhận. Giáo dục không chính thống là tất cả những công tác truyền trao kiến thức và kinh nghiệm từ người này sang người kia, từ thế hệ này sang thế hệ khác qua nhiều hình thái và hoàn cảnh khác nhau như trong gia đình và bên ngoài xã hội, v.v...

Đức Phật là một nhà giáo dục mẫu mực và ưu việt đã áp dụng phương thức giáo dục giác ngộ để chuyển hóa con người và xã hội. Đức Phật dạy rằng vì vô minh che khuất chân tánh nên chúng sinh bị vọng tâm điên đảo lôi kéo vào con đường tạo nghiệp và thọ khổ trong sanh tử luân hồi. Cho nên, con đường giải khổ là giác ngộ vô minh và trực nhận chân tánh. Đó là con đường của trí tuệ. Giáo dục vì vậy là giúp con người khai mở trí tuệ trong chính họ. Bốn mươi lăm năm giáo hóa độ sinh cũng chính là bốn mươi lăm Đức Phật thực hành công tác giáo dục để chuyển hóa con người và xã hội.

Trong việc chuyển hóa và xây dựng con người và xã hội, không có phương thức nào hữu hiệu và tác động lâu dài hơn giáo dục, nhất là giáo dục cho tuổi trẻ. Nhờ giáo dục, mỗi cá nhân con người có được kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn hay phổ thông về nhiều lãnh vực như khoa học, y học, văn học, triết lý, tôn giáo, đạo đức, luật pháp, công lý, điều đúng, điều sai, điều nên, điều hư, giả dối và chân thật, thiện và ác, v.v... Nói chung là mọi thứ trong cuộc sống để có thể tự mỗi người đem kiến thức đó ra áp dụng vào cuộc sống hàng ngày. Nhờ giáo dục mà mỗi con người trở thành một thành viên tốt trong gia đình và bên ngoài xã hội. Xã hội có nhiều cá nhân tốt như thế sẽ là một xã hội tốt. Cho nên, muốn xây dựng và phát triển xã hội căn bản và lâu dài thì điều tiên quyết cần làm là giáo dục. Chính giáo dục tạo ra những cá nhân toàn vẹn tài đức để ra giúp nước. Chính giáo dục đào tạo những nhà lãnh đạo ưu tú tận tụy hy sinh cho dân cho nước. Chính giáo dục dạy con người biết phục thiện để tránh điều ác làm điều lành và do đó giữ gìn kỷ cương cho pháp luật quốc gia và đạo đức xã hội.

Phật Giáo Việt Nam ngay từ thời kỳ du nhập đã ý thức được vai trò và ảnh hưởng của giáo dục đối với công cuộc chuyển hóa con người và xã hội cho nên, các vị tăng ni tự nguyện làm những nhà giáo dục, chùa chiền trở thành cơ sở giáo dục không chỉ cho tăng, ni mà cả quần chúng. Cho đến đời Vua Lý Thánh Tông vào thế kỷ thứ 11 mới mở Quốc Tử Giám để chính thức đảm trách việc đào tạo nhân tài ra giúp nước. Nhưng truyền thống giáo dục con người và xã hội của ngôi chùa vẫn còn mãi trong dân gian. Mỗi tu sĩ khi thi hành sứ mệnh truyền bá Phật Pháp cũng chính là đóng vai trò của nhà giáo dục. Chính trong ý nghĩa đó mà Đệ Nhất Tổ Trúc Lâm Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đã xuất gia hành hạnh đầu đà đi khắp trong nhân gian để lập



Mái trường Viện Đại học Vạn Hạnh ngày xưa

Hồn bay giữa cuộc lừng lơ

*Mơ mẫm một mình ở thế gian
Ta ở mô ri giữa gió ngàn
Heo hút đường về không tri kỷ
Mằn rắng chịu nổi hơi thế nhân*

*Đã mấy lần thu em biết không
Đời ta ngời ngóp thuở tàn đông
Răng chừ mới hết thân phiêu bạt
Hạ về ta hứng chút mưa xuân*

*Người đã đi rồi ta cũng đi
Dù cho cháy rít cuộc đời ni
Ta còn hơi thở còn đi mãi
Đi đến tận cùng cõi chia ly*

*Có thể ta mơ nửa giấc mơ
Nửa giấc còn lại viết thành thơ
Ta rải thơ lên ngàn phương mộng
Để hồn bay giữa cuộc lừng lơ.*

HÀN LONG AN

chùa, giảng giải ngũ giới và thập thiện cho dân chúng tu theo và ngài xem như đó là một trong những phương thức xây dựng con người và xã hội nền tảng nhất.

Trong các thập niên 1960 và 70 của thế kỷ trước, Phật Giáo Việt Nam đã thực hiện được hai chương trình giáo dục thành công lớn nhất trong lịch sử, đó là Viện Đại Học Vạn Hạnh và hệ thống trung tiểu học tư thực Bồ Đề. Cả hai đã đóng góp thật xứng đáng công đức vào việc giáo dục cho thế hệ thanh thiếu đồng niên Việt Nam. Và qua đó, Phật Giáo Việt Nam góp phần giáo dục và đào tạo các thế hệ tương lai cho đất nước.

Rất tiếc là từ sau năm 1975 đến nay, Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước đã không thực hiện được một chương trình giáo dục nào thành công lớn lao như vậy đối với con đường giáo dục thế học. Đây là điều mà tăng, ni và phật tử Việt Nam nói chung, những nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam nói riêng cần đặc biệt quan tâm.

Nếu vì hoàn cảnh chưa cho phép để thực hiện các chương trình giáo dục học đường chính thống từ cấp tiểu học lên đại học để dạy thế học cho các em, chúng ta có thể thi hành chương trình giáo dục không chính thống qua nhiều lãnh vực như mở lớp dạy kèm, lớp dạy văn hóa cho các em nghèo, các em ở vùng quê hẻo lánh hay vùng núi xa xôi thiếu trường học. Trong một số chương trình phóng sự đặc biệt trong nước mà người viết có lần xem thì thấy rằng có nhiều nơi ở miền quê và miền núi cũng như ở các buôn làng

của người thiểu số, các em không được đi học, hay đi học mà phải đối diện với nhiều thiếu thốn về tiền bạc, về phương tiện đi lại, sinh sống, v.v... Gần đây sinh hoạt Gia Đình Phật Tử được khởi sắc lại ở khắp nơi, sự hỗ trợ tinh thần và vật chất cho các em học sinh trong các mùa thi và dịp thi vào đại học nở rộ lên là một dấu hiệu tích cực đối với chương trình giáo dục không chính thống.

Tại hải ngoại, có hai chương trình giáo dục không chính thống, có nghĩa là không nằm trong hệ thống giáo dục được Bộ Giáo Dục công nhận, mà tăng, ni và phật tử Việt Nam cần gia tâm hỗ trợ:

- Đối với các tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam và thanh thiếu niên Phật Tử, đây là những tổ chức đã có nề nếp sinh hoạt từ trong nước ra hải ngoại và có sẵn chương trình giáo dục. Điều cần hỗ trợ cho họ là khuyến khích con em tham gia sinh hoạt trong các tổ chức này, tạo điều kiện thuận duyên cho các sinh hoạt của họ như cho phép họ sinh hoạt trong chùa, trong cơ sở hội và với lòng yêu thương bao dung lấy họ. Một điều nữa cũng không kém quan trọng là cố gắng đúng mức để dạy tiếng Việt cho các em đoàn sinh trong các tổ chức nói trên. Có thể nói dạy tiếng Việt phải được xem như là ưu tiên hàng đầu trong chương trình giáo dục cho các em thanh thiếu niên Phật Tử.

- Dạy tiếng Việt cho con em người Việt là chương trình giáo dục không chính thống mà tăng, ni và phật tử Việt Nam tại hải ngoại cần đặc biệt quan tâm và thực hiện nhiều hơn nữa. Dù biết đây là công tác giáo dục đã được nhiều tăng, ni và phật tử thực hiện trong nhiều thập niên qua với nhiều thành tựu rõ ràng, nơi đây người viết cũng không thể không nhắc đến để nhấn mạnh vai trò và tác động rất lớn của nó trong việc bảo vệ và phát huy nền văn hóa dân tộc và Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại. Dạy tiếng Việt cho con em còn có thể thực hiện thành công rất nhiều trong sinh hoạt gia đình với sự chủ tâm hướng dẫn của các bậc phụ huynh. Thực hiện việc chỉ nói tiếng Việt trong gia đình giữa tất cả các thành viên từ cha mẹ đến con cái là một trong những điều kiện tiên quyết dẫn tới thành công việc dạy tiếng Việt cho con em. Trong chiều hướng đó, cha mẹ cần phát tâm làm cho được việc này đối với con cái của mình để cống hiến vào công tác giáo dục tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại.

Phật Giáo Việt Nam nếu thực hiện đúng và phát huy trọn vẹn vai trò và chức năng của giáo dục chính thống cũng như không chính thống là đã góp phần rất lớn không những cho việc phát triển mà còn làm thay đổi hẳn nền tảng của xã hội và đất nước. Nếu thế hệ tuổi trẻ được giáo dục tới nơi tới chốn và đầy đủ phẩm chất về trí tuệ và đức hạnh thì chẳng phải toàn xã hội và quốc gia đó sẽ có tương lai tươi sáng hay sao?

Đó chính là những gì Cổ Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Châu đã tận tụy suốt đời để thực hiện và vì thế, Ngài xứng đáng được xưng tụng như là nhà giáo dục kiệt xuất của Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam từ trước tới nay.

Huỳnh Kim Quang

thơ

Một đóa Tường Vân

Dầu trong vũng lầy sinh tử
Ôm Châu đi giữa muôn trùng
Núi cao bình nguyên ngôn ngữ
Mồm cười một thoáng... vô cùng.

Nhục vinh, buồn vui sự thế
Con đường đã chọn cứ đi
Trăm năm sau nhiều thế hệ.
Còn ai biết nói thêm gì ?

Một đời dễ mấy được ai
Thủy chung lý tưởng đường dài
Công, hạnh mây lành che mát
Danh thơm “hải học vô nhai”.

Tông môn rạng ngời nhân thế
Kiếp nào báo được trọng ân ?
Người đi, về trên “Chân đế”
Đời người một đóa Tường Vân!

Kính dâng Giác linh Hòa thượng

TK. THÍCH NHẬT TRÍ

Tâm Tĩnh An Nhiên

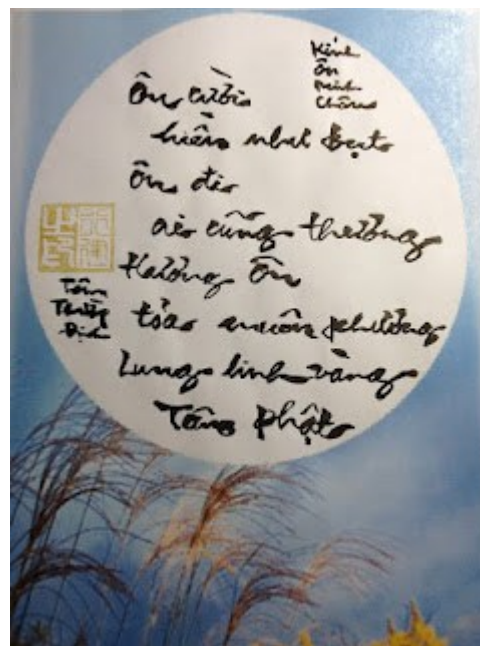
Tường Vân La Hán
Tâm Trí Viên Dung
Nhữ kim liễu tánh
Xử thế tùy cơ
Vô dư Niết Bàn
Minh Châu Việt Nam Phật Giáo.

**QUẢNG PHÁP
TRẦN MINH TRIẾT**

kính đánh lễ bái vọng Giác Linh
Bậc Chúng Trung Tôn Phật Giáo Việt Nam
02/09/2012

Nụ cười để lại

Cung tiễn Giác Linh Ôn Minh Châu



Thư pháp Võ Việt Tuấn

Ôn cười hiền như Bụt
Ôn đi ai cũng thương
Hương Ôn tỏa muôn phương
Lung linh vàng Tâm Phật

Thế gian còn hay mắt
Ôn thì rảnh Tâm Không
Cười đại hạc thông dong
Về Tây phương Tịnh Độ

Bạc xuất trần thố lộ
Hoan hỷ nụ cười Thiền
Gieo Bi Trí mọi miền
Bồ Tát Thanh Lương Địa.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

TÁM NGỌN GIÓ ĐỜI

Tâm Lương – Đào Mạnh Xuân

Tôi đọc trên mạng, thấy giai thoại rất thú vị về "Tám Ngọn Gió Đời". Đó là câu chuyện ứng đối giữa Thi Hào Tô Đông Pha và Thiền Sư Phật Ấn. Sau khi đọc xong, tôi thấy nội dung quá hay, cần học tập nên đã cố gom những ý chính thành bài văn vắn để nhớ.

Trước tiên xin mời độc giả đọc giai thoại và sau đó là bài văn vắn ở cuối.

Trân trọng.

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

HỎI: Chúng tôi có biết một số giai thoại thú vị về Tô Đông Pha và Thiền sư Phật Ấn. Nhưng giai thoại về "Bát phong xuy bất động" thì chưa được tỏ tường, nhất là bài thơ của Tô Đông Pha. Trong cuộc sống hàng ngày, con người luôn đối diện với "Bát phong", tức tám ngọn gió đời. Có cách nào để có thể đứng vững trước tám ngọn gió ấy không?

ĐÁP: "Bát phong xuy bất động" (tám gió thổi không động) là một giai thoại vui, thâm thúy và tràn đầy thiền vị về mối thâm giao giữa thi hào Tô Đông Pha (1037-1101) và Thiền sư Phật Ấn (1032-1098). Chuyện kể rằng, một hôm Tô Đông Pha sáng tác được một bài thơ và ông rất hài lòng, bèn cho người đem tặng Thiền sư Phật Ấn lúc bấy giờ đang ở chùa Kim Sơn. Nguyên văn bài thơ của Tô Đông Pha như sau:

*"Khể thủ thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong xuy bất động
Đoan tọa tử kim liên".*

Tạm dịch là:

*"Đảnh lễ Bậc Giác ngộ
Hào quang chiếu vũ trụ
Tám gió thổi chẳng động
Ngồi vững tòa sen vàng".*



Ngài Phật Ấn xem qua bài thơ xưng tán cảnh giới giải thoát của Bậc Giác ngộ, thấy chữ nghĩa và ý tứ rất hay nhưng biết quá rõ bạn mình nhờ văn hay, chữ tốt, dùng tâm thức bén nhạy để làm thơ chứ không phải là bậc thượng sĩ thâm nhập nghĩa lý sâu xa của Phật pháp, đạt đến Thượng thừa "Tám gió thổi không động" nên thay vì khen ngợi ngài liền cầm bút phê vào hai chữ "phóng thí" (đánh rắm - hạ phong) và bảo gia nhân đem về trình lại cho Tô Đông Pha.

Quả như điều mà ngài Phật Ấn đã dự đoán. Tô Đông Pha sau khi xem lời nhận xét của Phật Ấn xong liền dùng đòn nổi giận, lập lúc bươn bả vượt sông sang chùa Kim Sơn để bắt tội Phật Ấn.

Gặp nhau ở bến sông, Đông Pha liền lớn tiếng trách: "Bài thơ của tôi sai sót ở chỗ nào mà ngài lại phê vào hai chữ "đánh rắm" kia". Thiền sư Phật Ấn liền cười xuề: "Ông nói 'Tám gió thổi không động' mà chỉ một cái 'đánh rắm' thôi đã bay sang sông rồi". Đến đây, Tô Đông Pha mới chợt hiểu ra mình chưa bất động.

Về bát phong hay bát thể phong, nghĩa là tám ngọn gió đời, tám pháp ở thế gian hay làm loạn động, mê hoặc lòng người. Theo Từ điển Phật học Huệ Quang, tập I, tr. 414, tám ngọn gió ấy gồm: 1- Lợi (lợi lộc), 2- Suy (hao tổn), 3- Hủy (chê bai chỉ trích), 4- Dự (gián tiếp khen ngợi người), 5- Xung (trực tiếp ca tụng người), 6- Cơ (dựng sự việc giả để nói xấu người), 7- Khổ (gặp chướng duyên nghịch cảnh, thân tâm bị bức bách, khổ não), 8- Lạc (gặp được duyên tốt, thuận cảnh, thân tâm vui vẻ, hân hoan).

Con người thường dao động, thể hiện cảm xúc vui buồn rõ rệt trước những hoàn cảnh thuận nghịch của cuộc sống. Khi được lợi (lợi) thì vui mừng, hớn hở ngược lại khi bị mất mát, tổn hại (suy) thì buồn bã, tiếc nuối. Khi bị chê bai, chỉ trích (hủy) cảm thấy rất khó chịu nhưng khi được khen ngợi (dự) thì vui thích, hài lòng. Khi được mọi người xưng tán, tung hô (xung) thì hả hê, ngất ngây hạnh phúc ngược lại khi bị chế diễu, vu khống (cơ) thì hậm hực, bức xúc không yên. Khi những điều không như ý ập đến (khổ) thì đau khổ, thở than và ngược lại khi mọi việc đều thuận lợi như ý (lạc) thì mừng rỡ, vui vẻ.

Cuộc sống của con người chẳng mấy khi được bình an, vì luôn bị tám ngọn gió này chi phối. Do vậy, muốn thiết lập hạnh phúc và an vui trong đời sống chúng ta phải giữ vững tâm ý khi tiếp xúc, đối diện với tám ngọn gió này. *Đại thừa vô sanh phương tiện môn* (Đại Chánh 85, 1247 hạ) chỉ rõ: "*Nếu thân tâm vắng lặng an ổn thì tám gió thổi không động*". Cũng như chuyện "gió động hay phước động", thì ra tâm người động chứ gió và phước chỉ là chuyện bên ngoài.

Những dao động của tâm thức như là sóng nhưng bên dưới sự ầm ào đó là yên lặng. Phải quán sát liên tục để thấy rõ bản chất của tám ngọn gió đời ấy tuy thường xuyên thổi đến nhưng thực chất chỉ là ở bên ngoài, bởi vì mình đeo bám, bị dính mắc nên mới bị chúng chi phối. Mặt khác, bát phong vốn vô thường nên có đó rồi lại không đó. Vì thế, được hay

mất, khen hay chê, đau khổ hay vui sướng cũng đều tương đối, không có gì trường cửu. Nhờ thường xuyên quán sát với trí tuệ như thế nên khi được cũng không quá mừng, lúc mất cũng không quá buồn, được khen không kiêu, bị chê không giận, v.v... thì có thể chế ngự được bát phong. Sống vững chãi và thành thoi trong vô vẩn biến động thuận nghịch của cuộc đời là điều có thể thực hiện được nhờ thực tập và thành tựu tuệ quán về ba sự thật Vô thường - Khổ - Vô ngã của vạn pháp.

Chúc các bạn tinh tấn.

Sau khi đọc xong giai thoại thú vị trên, tôi đã cố gom ý chính trong "Tám Ngọn Gió Đời" thành bài văn vắn, vừa để giúp mình nhớ lâu, thực tập và cũng vừa để giúp bạn đạo nào muốn tu tập cho tâm bớt loạn động, hầu đem lại những phút giây an lạc cho tâm hồn có được phần tóm tắt tương đối dễ nhớ hơn.

Tám Ngọn Gió Đời

Bị kẹt tám ngọn gió đời,
Tâm ta loạn động, chẳng hồi nào ngơi,
Được khen: vui vẻ, tươi cười,
Bị chê: sân dậy, giận người chê ta,
Đắc lợi: vui sướng quá đà,
Tổn hại: buồn bã, tưởng là khó nguôi,
Còn được xưng tán, ôi thôi!
Hả hê, ngây ngất, thấy đời lên hương,
Bị vu khống: thật đoạn trường,
Hậm hực, uất ức, tưởng chừng khó quên,
Tất cả mọi việc thuận duyên,
Đời sao đẹp quá : cõi tiên dương trần,
Chướng duyên đến: khổ vô ngần,
Làm sao cố giữ Tâm An: hàng đầu,
Khen: không kiêu; mất: không sầu,
Chê: không giận; được: hơi đầu vui mừng,
Bát phong muồn ló, phải dừng,
Tập tu được vậy, đáng mừng lắm thay!
Qui lại nhớ bốn điều này:
Khen, chê, được, mất: hàng ngày bỏ qua.

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân



Tự tại đường mây

thơ

*Từ thuở hoang sơ đã nguyện làm mây trắng
Che mát cho đời qua những đêm ngày
oi bức điều linh*

Bi mẫn lập ra muôn hạnh

Sa mạc cháy bỏng ươm thành rừng xanh

Trí vượt muôn trùng mê chấp

Trong rừng già tìm cho được lõi cây ()*

***Đũng lực nhà thiền phải đâu lúc nào cũng
kiên cường, bất khuất***

*Có khi phải tủi nhục cúi mình cho đàn hậu
bối vươn dậy*

*Lặng lẽ đêm dài, ôi những đêm dài, ôm
những thị phi*

Vẫn rạng rỡ bao dung nụ cười

Trăm năm cuộc thế có là bao

*Nhưng bút mực, trang kinh thì trải dài cả
ngàn năm lịch sử*

Bi giả, nhẩn giả

Nhân giả, trí giả

Trí giả, bất động giải thoát viên dung giả.

Tịch lặng trên chóp đỉnh cao

Đường hẹp trần gian rũ bỏ

Mệnh mang trời rộng tiêu dao

Khởi-lai vận hành đã tỏ.

Thành kính dâng Ôn,

California, ngày 06.9.2012

VĨNH HẢO

(môn sinh lười nhác thường trốn học giờ
giảng kinh của Ôn)

(*) Xem Majjhima Nikaya (Trung Bộ Kinh – Thích Minh Châu dịch, tập 29. Đại kinh Thí dụ Lõi cây / Mahasaropama-sutta) và tìm đọc bài “Giá trị hạnh phúc qua Đại kinh Ví Dụ Lõi Cây” (viết bởi HT. Thích Minh Châu) để hiểu công hạnh và tâm hạnh một đời của ngài. Nói theo kinh Lăng Già thì, “Trí bất đắc hữu vô nhi hưng đại bi tâm.”

GIẢI THƯỞNG TRẦN NHÂN TÔNG NĂM 2012 VỀ HÒA GIẢI VÀ THƯƠNG YÊU

(tựa đề do Chánh Pháp đặt lại)

Tổng thống Myanmar, ông U Thein Sein và Chủ tịch Đảng đối lập NLD – bà Aung San Suu Kyi chính thức được trao tặng giải thưởng Trần Nhân Tông về Hòa giải , buổi lễ được tổ chức tại Harvard University Faculty Club, vùng Boston – Hoa Kỳ vào ngày 21/09/2012.

Đây là 2 nhân vật được cả hội đồng cổ vấn và xét giải thưởng cùng nhất trí cao để trao giải trong số những gương mặt sáng giá được giới thiệu, đề cử đến Ủy ban giải thưởng Trần Nhân Tông về Hòa giải.

Hội đồng cổ vấn và xét giải thưởng quyết định chọn Tổng Thống U Thein Sein và Chủ tịch Đảng đối lập – Aung San Suu Kyi với tiêu chí của giải thưởng này trao cho 2 người ở 2 phía đối lập, xung đột, bắt tay, hoà giải với nhau. Hòa giải chỉ thực sự được diễn ra khi mỗi bên sẵn sàng bước tới với sự khoan dung, với một tấm lòng cao cả và điều chỉnh để tiến tới sự tương đồng.

Trong năm qua Tổng thống Thein Sein và bà Aung San Suu Kyi đã có những nỗ lực ban đầu để đưa

đất nước Myanmar biến chuyển tốt đẹp về chính trị, được thế giới trân trọng, ghi nhận. Đồng thời, giải thưởng Trần Nhân Tông về Hoà giải cũng muốn gửi đến lời chúc các vị lãnh đạo Myanmar tiếp tục nỗ lực nhiều hơn nữa cho đất nước Myanmar và thế giới.

Giải thưởng Trần Nhân Tông về Hoà Giải được xác lập bởi Hội đồng cổ vấn và Ủy ban giải thưởng là những nhà lãnh đạo, những Giáo sư, học giả có uy tín của Harvard , của nước Mỹ và thế giới như Giáo sư Michael Dukakis, Cựu Ứng viên Tổng thống Mỹ, Cựu Thống đốc bang Massachusetts, bà Ann Mc Daniel, Phó Chủ tịch Washington Post, Giáo sư Thomas Patterson, Trưởng Quản lý nhà nước Kennedy , Đại học Harvard, bà Robin Sproul Phó Chủ tịch hãng truyền hình ABC News, Giáo sư Thomas Scanlon, nhà triết học lớn ở Đại học Harvard, nhà báo nổi tiếng Giáo sư Thomas Fiedler, hiệu trưởng trường truyền thông, Đại học Boston, cựu Tổng biên tập Miami Herald, ,nhà lãnh đạo danh tiếng Giáo sư Vaira Vike-Freiberga, cựu Tổng thống Latvia....



Ảnh 1: Tổng thống Myanmar, ông U Thein Sein và Chủ tịch Đảng đối lập NLD – bà Aung San Suu Kyi chính thức được trao tặng giải thưởng Trần Nhân Tông về Hòa giải.



Ảnh 2: Huân chương được trao cho Tổng thống Myanmar, ông U Thein Sein và Chủ tịch Đảng đối lập NLD – bà Aung San Suu Kyi.

Những nhà lãnh đạo, những học giả danh tiếng muốn thông qua Giải thưởng Trần Nhân Tông về Hoà Giải góp một tiếng nói khiêm nhường vào hành trình tìm kiếm hoà giải, yêu thương cho nhân loại, với hy vọng lòng bao dung và vị tha, sự hoà giải, giải phóng con người khỏi hận thù sẽ ngự trị trên trái đất thân yêu này.

Nhiều học giả, nhiều nhà hoạt động xã hội, nhiều nhân vật danh tiếng trên thế giới đã gửi thư chúc mừng những người được giải như Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Giáo sư Joseph Nye, Giáo sư Phật học ở Harvard Janet Gyatso, nhạc trưởng Armand Diangienda ...

Lan Anh

(source: trannhantong.net)

Thư của Thiền Sư Nhất Hạnh chúc mừng Ông U Thein Sein và Bà Daw Aung San Suu Kyi

Kính gửi Bà Daw Aung San Suu Kyi
Kính gửi Ông U Thein Sein

Gần đây, những bước tiến về tinh thần cởi mở và hoà giải ở Myanmar đã mang đến hy vọng cho hàng triệu người trên thế giới. Chúng tôi biết ơn những con người và đất nước của Ông, Bà về sự cống hiến hết mình cho hoà bình thế giới. Là một người tu hành, tôi tin rằng đây là những thành quả của nền văn hóa Phật giáo, của sự am hiểu và lòng từ bi. Chúng tôi vô cùng vinh hạnh trao tặng cho Ông, Bà giải thưởng đầu tiên của Học viện Trần Nhân Tông, vì Trần Nhân Tông cũng là một Phật tử và hơn nữa là một nhà lãnh đạo chính trị trong thế kỷ 13 ở Việt Nam, người đã thể hiện những lý tưởng Phật giáo về lòng từ bi và sự can đảm.

Cùng với việc luyện tập và trau dồi ngôn ngữ về tình yêu thương, Trần Nhân Tông đã luôn lắng nghe người dân từ tất cả các tầng lớp xã hội ở đất nước của ngài. Trần Nhân Tông đã tổ chức trưng cầu dân ý và tập hợp toàn dân tộc để đánh bại hàng trăm nghìn quân của Hốt Tất Liệt và những cận thần của hắn.

Sau sự rút lui của quân xâm lược, vua Trần Nhân Tông đã phát hiện ra nhiều tài liệu bí mật tiết lộ sự

hợp tác giữa một số cộng sự của ngài và quân đội Hốt Tất Liệt, nhưng ngài đã ra lệnh đốt các tài liệu dưới sự chứng kiến của tất cả mọi người. Ngài nói: "Đất nước ta cần sự hòa giải và hàn gắn chứ không cần sự trừng phạt". Khi đất nước đã ổn định, Vua Trần Nhân Tông bàn giao ngôi cho con trai của ngài là Trần Anh Tông và trở thành một tu sĩ, tu hành trên núi Yên Tử. Ngài đi trên khắp đất nước với đôi chân trần, giảng dạy người dân của mình để tu hành Ngũ tắc và từ bỏ việc mê tín dị đoan. Ngài cũng đi đến các nước láng giềng để thúc đẩy quan hệ hòa bình giữa hai quốc gia.

Tôi tin rằng, những nhà lãnh đạo chính trị có lòng từ bi và sự thấu hiểu trong trái tim sẽ có thể thành công như Vua Trần Nhân Tông. Và Ông, Bà là những đại diện thể hiện phong cách lãnh đạo của Trần Nhân Tông trong thế giới của chúng ta hôm nay.

Thích Nhất Hạnh



The Honorable Daw Aung San Suu Kyi
The Honorable U Thein Sein

The recent unfolding of openness and reconciliation in Myanmar has given millions of us in the world so much hope. We feel grateful to your country and people for their beautiful demonstration. As a Buddhist practitioner, I believe that these are fruits of the Buddhist culture of understanding and compassion. We are happy to offer you, Honorable Aung San Suu Kyi, and you Honorable U Thein Sein the first award of the Tran Nhan Tong Academy, because Tran Nhan Tong was a Buddhist practitioner and a political leader in 13th century Vietnam who embodied the Buddhist ideals of compassion and courage.

With the practice of deep listening and loving speech, Tran Nhan Tong was able to listen to people from all walks of life in his country, organized a national referendum and rallied the whole nation to repel one hundred thousand troops of Kublai Khan and his successors.

After the withdrawal of the invaders, King Tran Nhan Tong discovered many secret documents revealing the cooperation between a number of his associates and the Kublai Khan's Army, but he gave the order to burn these documents in the presence of everyone. He said: "The nation needs reconciliation and healing, not punishment." When the country was stabilized, King Tran Nhan Tong handed over the throne to his son Tran Anh Tong and became a monk, practicing on the mountain of Yen Tu. He traveled barefoot around the country, teaching his people to practice the Five Precepts and abandon the practice of superstition. He also journeyed to the neighboring country to promote peaceful relations between the two nations.

It's my conviction that political leaders can maintain compassion and understanding in their hearts. They can succeed like King Tran Nhan Tong and you both embody this style of leadership in our world.

Thich Nhat Hanh
Buddhist Teacher

Nhat Hanh

13.9.2012



Văn Phòng Điều Hợp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu

CHÙA PHÁP HOA

20 Butler Avenue PENNINGTON S.A 5013

Tel: 61.8.84478477 – Fax 61.8.82401758

Phật lịch 2555, Adelaide ngày 15 tháng 2 năm 2012

THƯ CUNG THỈNH

Trích yếu v/v

**LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ
ĐẠI HỘI GIÁO HỘI VÀ KHÁNH THÀNH BẢO THÁP**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa Đại Đức, Tăng Ni

Kính thưa chư thiện cư sĩ nam tín nữ Phật tử các giới

Đây là lần thứ 6 Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư đã được yết ma thành tựu trong Lễ Hiệp Kỷ tại chùa Thiện Minh Lyon, Pháp Quốc, tháng 9 năm 2011, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan nhận lãnh và giáo hội Nam Úc, chùa Pháp Hoa chịu trách nhiệm tổ chức tại Adelaide, Nam Úc.

Bốn tự Pháp Hoa chúng con/ chúng tôi trong pháp duyên thù thắng này mạnh dạn đứng ra tổ chức lễ được sự bảo trợ của Giáo Hội PGVNTNHN tại UDL – TTL; đồng thời giáo hội địa phương có trình với Hội Đồng Điều Hành đồng thuận cùng tổ chức lễ khánh thành Bảo tháp Tam Bảo và lễ chúc thọ Hòa thượng Phương Trưởng tổ đình Pháp Hoa.

Thay mặt Ban tổ chức, chúng con/chúng tôi xin cung kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni và kính mời quý vị Phật tử hoan hỷ sắp xếp thời gian quang lâm về chùa Pháp Hoa, Nam Úc **vào thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày 16, 17, 18 tháng 11 năm 2012** để chứng minh và tham dự **đại hội, lễ hiệp kỷ và khánh thành.**

Sự thân lâm phó hội của quý Ngài và quý vị làm cho lễ hội thêm phần trang nghiêm và long trọng. Kính chúc chư Tôn Đức Pháp thể khinh an, Phật sự viên thành, quý Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường như ý.

Cung kính kể thủ

Cố vấn và chứng minh

HT Thích Như Huệ

TM Ban Tổ chức

Trưởng Ban

TK Thích Viên Trí



Tìm Quà dâng Phật - sự Phản Chiếu *

Tặng Jacques, Diane và các bạn thiện nguyện viên mang Phật pháp vào các trại tù ở California.

*Từ vô thủy đến vô chung
Chỉ có Tánh Không -
Mọi hiện tượng thân tâm đều không hề có tự
tính
có chăng chỉ là sự giả hợp
Mọi pháp đều trống rỗng,
Duyên khởi - một mối liên hệ với nhau
cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái
kia không.
Tất cả các Pháp phụ thuộc lẫn nhau
Tất cả các loài hữu tình hay vô tình
Đều thể hiện những pháp của mình
- Như thị
Những hạt giống đang gieo rất,
đang nở, đang thơm, đang biểu hiện và đang
biến đổi
Tất cả mọi vật lý có thể thay đổi
Mọi thứ đều là vô thường
Bao gồm cả cảm xúc, suy nghĩ và ý định của
chính mình
Tiềm năng tỉnh thức hay Phật tánh
đang lớn dần hàng ngày qua những sự thực
tập chuyên cần của chúng ta
Hành chánh niệm, từ bi, trí tuệ, và lòng vị tha
Phục vụ người khác là một tặng phẩm cho đức
Phật
và làm gần Phật tánh của riêng mỗi chúng ta
Từ vô thủy đến vô chung
Chỉ có Tánh Không.*

Viện Khoa Học Trí Năng.

BẠCH XUÂN PHE

* Bài tập tìm một món quà dâng lên bàn thờ Phật và viết về vật đó. Tôi không chọn gì hết và nói về Tánh không.

** Viện Khoa học trí năng được đồng thành lập năm 1973 bởi cựu phi hành gia Edgar Mitchell và nhà đầu tư Paul N. Viện khuyến khích và tiến hành nghiên cứu về lý thuyết thuộc về trí năng và tiềm năng của con người.

Offering for Oneself and to the Buddha – The Reflection *

*To Jacques, Diane and to all the 2012 BP3
participants*

*At the beginning of time
'til the end of it
There is nothingness
Emptiness – the non-existence of the self and
the dependent origination
All Dharma are interdependent
All the essence of life and non-life
The way they are – As is
Seeding, blooming, fragranting, conditioning,
manifesting, transforming
All physical beings are subject to change
Everything is impermanent
Including our thought, emotion and intention
The potential to awake
is sprouting with our daily diligent practice
Of mindfulness, of wisdom, of compassion
and of selflessness
Serving others is an offering to the Enlight-
ened One
and to our own Buddha nature within
At the beginning of time
'til the end of it
There is Emptiness.*

*Institute of Noetic Sciences ***

Petaluma, CA. September 1st, 2012.

BACH XUAN PHE

* An assignment to find something to offer to the Buddha altar and talk about it. I chose nothing and talk about the Emptiness concept in Buddhism.

* * *The Institute of Noetic Sciences (IONS) was co-founded in 1973 by former astronaut Edgar Mitchell and investor Paul N. Temple to encourage and conduct research on noetic theory and human potentials. Institute programs include "extended human capacities," "integral health and healing," and "emerging worldviews."* (source: Wikipedia.org)



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

LTS: Nhà thơ Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại Quảng Nam, mất ngày 07 tháng 10 năm 1998 tại Sài-gòn. Chánh Pháp số tháng 10 xin đăng hai bài của hai nhà văn Phật-tử là Diệu Trân (Sc. Huệ Trân) và Vĩnh Hảo để tưởng niệm một thiên tài con Phật lấy lòng của thế kỷ trước.

NGƯỜI ĐIÊN THƠ MỘNG

Hạnh Chi

Cư dân cùng xóm, khi đi dạo trên lối mòn quanh co ven dòng suối, thường dừng bước trước hàng hiên tôi, vừa ngắm nhĩa, vừa thì thào khen ngợi.

Mà có chi nhiều đâu! Hai rừng lựu, một vườn hồng, hai bồ đề đại thụ, hai rừng mai, một vườn quýt, một bụi chuối, hai vườn chanh, một bờ rào trúc tím hoa vàng, uốn gập theo ngẫu hứng từ bốn câu kệ của các thiền sư "Thanh thanh túy trúc. Tận thị pháp thân. Uất uất hoàng hoa. Vô phi Bát Nhã", đại ý "Trúc biếc xanh xanh, đâu cũng là pháp thân. Hoa vàng rậm rạp, đâu chẳng là Bát Nhã", rồi dăm giò phong lan tựa lưng đó đây và một chậu rau thơm đủ loại, cũng chen chân vào cho... thêm hương.

Tà thế này, chắc bạn nghĩ cái hàng hiên tôi là công viên mới chưa đủ! Thừa không, tất cả cây cỏ lá hoa này đều bị tôi đồ dành "Đừng lớn! Đừng lớn nghe em! Hãy cứ là trẻ thơ để đùa với mưa, cười với nắng, chứ lớn sẽ khổ lắm!" Chúng đều nghe lời tôi, trừ chậu rau thơm (vì rau không lớn thì tôi lấy chi mà cuộn với bánh tráng!) Còn lại tất cả đều chung một họ là bon-sai, dù anh chị nào cũng xấp xỉ thập tam, thập lục niên.

Chúng đều là những đứa con tôi cứu mang từ trứng nước, nghĩa là, tôi gieo hạt từ những giống cây tôi thích. Khi chúng nhú lên, tôi lựa những cây mạnh, sang vào chậu. Khoảng hơn một tháng, từ khi sang chậu mới biết cây nào ở, cây nào đi. Đã chú ý tạo chúng thành bonsai thì cho đất ít, nhưng thuốc bổ phải đầy đủ. Khi rễ đã bén vững vàng thì chăm sóc chúng, chẳng nhọc công gì. Nếu trời nóng thì hai ngày, mát thì ba ngày một lần, cầm vòi nước, set up ở dạng shower (là những tia nước nhỏ), rồi lia đều một vòng là xong! Thêm chút lưu tâm là sự ân cần lắng nghe ngôn ngữ trầm lặng của chúng. Nếu lá lựu vàng, chúng dư hay thiếu nước đây? Nếu chanh không trổ hoa, chắc chúng đang xin thêm thuốc bổ. Ngược lại, quýt đã lác đác kết nụ rồi, không thấy, mà cho thuốc bổ vào là nụ rụng hết!

Chẳng phải chỉ con người cần hiểu và thương, mà vạn hữu cũng cần như ta, để cùng mang cho nhau hạnh phúc. Không tin, bạn cứ thử thủ thủ thì chuyện trò với cây cỏ mà xem, bạn sẽ ngạc nhiên vì tìm thấy tri kỷ ngay trong vườn nhà bạn.

Hôm qua, đang tưới tới gốc bồ đề, khi khổng khi không, hai câu thơ Bùi Giáng bật lên trong trí, mạnh tới mức vòi nước nghiêng sang vườn chanh:

"Người điên, cái bóng cũng điên"

Người khùng, cái mộng oan khiên cũng khùng"()*

Dường như cội bồ đề mỉm cười bảo: "Đại thụ thơ gỏi rồi đó".

Tôi bèn tắt nước, lấy chổi quét sân. Và những nhát chổi chậm, thông dong theo bước chân thi nhân độc đáo của thế kỷ này.

"Ngó chân, ngón thiếu ngón thừa"

Còn bao nhiêu bước, đuổi vừa cuộc chơi?" ()*

Tôi thảng thốt dừng chổi. Đúng là cụ Bùi Giáng mới thả được chữ "đuổi" tuyệt hảo vào cái khí phách phiêu bồng thế này.

Có lẽ, không người Việt Nam nào không một lần từng nghe đến tên Bùi Giáng, nhất là sau thời điểm cuối tháng Tư 75. Cái hình ảnh bị cho là một ông già điên, lang thang đầu đường xó chợ, ngứa cổ ngâm thơ, vung tay ca hát, không xa lạ gì với đám trẻ trong làng, ngoài phố. Nhưng với người lớn, nhất là những người trong giới văn học nghệ thuật thì Bùi Giáng có điên không?

Ngót bốn mươi năm, thiên hạ đã tốn quá nhiều giấy mực để viết về người điên tài hoa này rồi, và hình như càng viết lại càng thấy chính mình mới điên, vì có vận dụng bao nhiêu cái tinh cũng chẳng diễn tả nổi phần nào cái điên này!

Biết thế, tôi đại gì mà viết! Sát na bất chợt gặp lại người, chỉ xin vừa thông thả quét sân, vừa lắng lắng hạnh phúc khi tàng-thức trải ra dăm câu thơ đã thuộc tự bao giờ:

"Tôi cười, tôi khóc bằng gương"

Người nghe cười khóc, có ngờ chi không?" ()*

Dạ không. Không ngờ chi cả! Đứng trước gương, hình hài vật lý sẽ hiện trung thực 100%, nhưng chỉ là bóng của hình "Người điên, cái bóng cũng điên." Bùi Giáng đứng trước gương, thấy một ông già râu tóc bù xù, áo quần tơi tả thì đó là cái bóng của người điên! Phàm những gì không theo ước lệ người đời đặt ra thì bị cho là điên? A ha!

Nhưng những gì bên trong cái bóng, không hiện ra trong gương là chi? Ai thấy được cái đó? Ai thấy được những oan trái, nhân quả, luân hồi, vay trả? Ai thấy được cánh bướm này có thể là cha, nụ hoa kia có thể là mẹ từ vô lượng kiếp nào?

Có Chư Phật, Chư Bồ Tát thấy, nhưng nhắc nhở hoài, hầu hết chúng sanh vẫn không tin, vì nếu tin, thì cội ta-bà đâu đến nổi tiếp tục ngập ngựa tang thương thế này!

Nếu nhìn hình hài người điên Bùi Giáng qua gương thì thấy "cái bóng cũng điên" nhưng nhìn tâm Bùi Giáng "Người khùng, cái mộng oan khiên cũng khùng", lại chẳng thấy điên khùng chút nào! Điên khùng mà biết tới oan khiên ư? Thử hỏi bao người tình, e rằng họ đang lao vào "mộng-oan-khiên" mà cứ tưởng "thực-hạnh-phúc" (trong đó có tôi, một thời!).



Một người làm thơ dễ và nhanh, như thò tay lấy chữ trong túi ra, đã tự phác họa mình:

"Điên cuồng mà tưởng nên thơ"

Cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần!" (*)

Điều này, chắc cư sĩ Thanh Tuệ, giám đốc nhà xuất bản An Tiêm năm xưa biết rõ hơn ai hết. Ông rất trân quý Bùi Giáng, nên gặp đâu là nói:

- Có gì mới, đưa tôi in đi!

Vừa nói buổi sáng, buổi chiều đã thấy nhà thơ lững thững ghé quán sách, móc trong bị ra một xấp dầy, ném huych xuống bàn. Thanh Tuệ sững sờ:

- Viết hồi nào thế?

- Thì viết lúc ông bảo viết đó. Muốn nữa không?

Ông Thanh Tuệ chia sẻ với thân hữu là đã từng không in kịp thơ Bùi Giáng, vì cứ hỏi thì thơ tuôn ra ngay!

Mà có phải chỉ là thơ đâu! Viết và nói về những triết gia lừng danh Âu, Á, từ Nietzsche, Heidegger, Sartre, Camus đến Khổng Tử, Lão Tử, đối với Bùi Giáng cũng chỉ đơn giản như đang giỡn thôi; nhưng giới văn học nghệ thuật cùng thời và cả hàng hậu bối, khi lần giở những trang tiểu luận đại luận này, đều kinh hồn bạt vía vì những nhận định sắc bén và cực kỳ mới mẻ.

Tài hoa như thế mà cứ bị gán là ông già điên, nên mới có những câu ỡm ờ cho vui về cả làng:

"Hỏi tên? Rằng biển xanh đâu"

Hỏi quê? Rằng mộng ban đầu đã xa

Gọi tên? Là một, hai, ba

Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm" (*)

Ai người tình, xin giải dùm mấy câu trên, xem có thấy rưng rưng trước tấm lòng của một người sanh làm thế kỷ hay không. Rồi lời này mới thấm thía hơn nữa:

"Rong chơi râu tóc bạc phơ"

Còn nghe đắm đuối vẫn thơ yêu người" (*)

Ngàn trang giấy tỏ bày nhân bản cũng chỉ đến thế mà thôi. Tình yêu đời, yêu người, xót xa cùng cực, đồng thời cũng cô đơn cùng cực khi đã biết chẳng tìm đâu tri kỷ:

"Em về mấy thế kỷ sau"

Nhìn trăng có thấy nguyên mẫu ấy không?

Ta đi, còn gởi đôi dòng

Lá rơi có đợi ở trong sương mù!" (*)

Giữa những ngày tháng ly tan, người người hoảng loạn chạy xa đất mẹ, là những vết đau cắt da xé thịt trong cơn ác mộng, thấy mình lạc lõng ngay giữa quê nhà. Người điên nào trong cơn đau ấy mà khóc lên

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

được bằng nước mắt của cả biển đông, chỉ qua hai câu thơ tề tái này không:

"Hồn mang về giữa hiên nhà"

Bây giờ cổ quận tên là Chiêm Bao!" (*)

Chắc hẳn, trong cô đơn cùng cực, cũng có lần thi nhân chấp tay hướng về một cố giáo pháp đã hứa khả rằng, mỗi chúng sanh đều có một viên minh châu như nhau. Viên ngọc đó vốn sẵn, không từ đâu đến, không đi về đâu, nương viên ngọc ấy thì không chi mà không qua được, vì ánh sáng đó soi đường chỉ lối cho ta chuyển vọng thành chân, chuyển khổ thành vui, chuyển mê thành ngộ.

Ánh sáng viên minh châu trong Người-Điên từng rực rỡ tuyệt vời Bát Nhã thể này:

"Uống xong ly rượu cuối cùng"

Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên"

Uống như uống nước ngọc tuyền"

Từ đầu tiên mộng, tới phiên muộn sau" (*)

Nếu được đổi một ngàn phút tỉnh quờ quạng của mình, lấy một phút điên siêu đẳng này, tôi sẵn sàng xếp hàng ngay, chờ tới phiên. Phải xếp hàng, vì tôi chắc, không riêng tôi nhiệt thành xin đổi.

Thế kỷ này, tìm đâu thêm một người điên cực kỳ thơ mộng như tiên sinh Bùi Giáng!

Thế nên đành:

"Thưa em, rượu uống bây giờ"

Là thiên cổ lụy còn tro bên mình!" (*)

Hạnh Chi

(Tào-Kê tịnh thất – sau một thời thiền tọa)

(*) Thơ Bùi Giáng.

Người điên uống rượu

Uống và say nói lảng nhãng

Miệng mồm lý nhý thần lần dứt đuôi

Tâm can chân thể chôn vùi

Mặt trời không mọc với người lem nhem

Còn đâu nguyệt tỏ bên them

Ồi người uống rượu còn thêm điên rồ.

BÙI GIÁNG

thơ



ĐỌC THƠ BÙI GIÁNG

Vĩnh Hào

Hỏi tên: rằng biển xanh đâu

Hỏi quê: rằng mộng ban đầu đã xa.

BÙI GIÁNG

LTS: Nhà thơ Bùi Giáng sinh ngày 17 tháng 12 năm 1926 tại Quảng Nam, mất ngày 07 tháng 10 năm 1998 tại Sài-gòn. Chánh Pháp số tháng 10 xin đăng hai bài của hai nhà văn Phật-tử là Diệu Trân (Sc. Huệ Trân) và Vĩnh Hào để tưởng niệm một thiên tài con Phật lầy lùng của thế kỷ trước.

Cõi thơ đáng đọc nhất là cõi thơ Bùi Giáng. Người thơ đáng học nhất là người thơ Bùi Giáng. Tôi nghĩ vậy. Nhưng, tuy đã trích một số thơ của ông để giới thiệu từ mười năm trước, tôi vẫn chưa viết được một chữ về ông.

Có thể nói là tôi rất sợ. Sợ rằng mình không đủ năng lực để luận giải hay chạm đến cảnh giới và nguồn cơn của một cuồng-thi-sĩ thượng thừa như thế.

Tôi đã đọc vài người viết về ông từ những năm ông vừa mất. Họ bàn luận về cõi điên và cõi thơ của ông, đọc nghe thú vị lắm. Rồi trôi đi mười năm, mười bốn năm kể từ khi ông từ giã cõi đời thơ mộng, tôi vẫn có hy vọng một lúc nào sẽ tỉnh táo và hứng thú để viết chi đó, phân tích hoặc bàn luận về nhà thơ điên có một không hai của nền thi ca Việt Nam. Nhưng tôi đã thất bại. Thực sự là chẳng thể viết gì được về con người và cõi thơ dị thường ấy.

Gom lại những ngôn từ ông dùng đến trong thơ, chẳng bao nhiêu cả. Xào đi, xào lại, đảo tới đảo lui, vẫn bấy nhiêu con chữ ấy thôi. Nhưng ý lực và ngôn lực thì vô cùng mạnh mẽ, vô cùng thành thang. Trong khuôn khổ mà vượt ngoài khuôn khổ, trong vần điệu mà không vướng mắc ở vần điệu. Ý lực đẩy cho ngôn từ tràn lan. Ngôn lực phá tung những vần điệu và thể cách. Là giọng cuồng lưu của ngôn ngữ, mà đồng thời là vũ điệu sương khói nhẹ nhàng của những con chữ trên sàn nhảy hư không.

Đây, hãy đọc thử một bài lục bát:

Mùa phượng cũ

Thiệt thơ đời mộng phiêu linh

Cành sương ngọc thụ tồn sinh cát lằm

Giắc quày quả lạnh anh trâm

Bóng đu sung rớt bến trầm luân sâu

Hoài mong hiu hắt nhịp cầu

Mà hương quan vắng xa màu mây trôi.

Sim ngàn số lá buông rơi

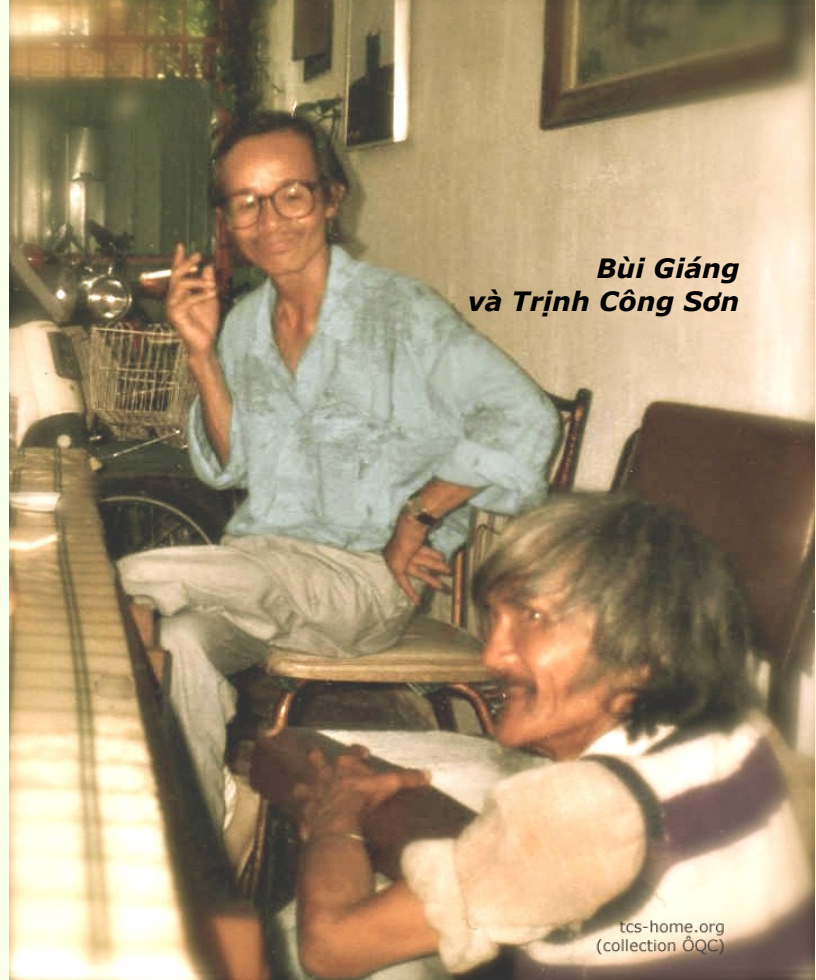
Cành Nam ước nguyện sai lời tử sinh

Gió sương từ tạ biên đình

Bóng sa hồ khép chặt tình mộng lung

Rêu tần ngần tuyết in phong

Sóng phơi trường mộng từ trong dậy nguồn



**Bùi Giáng
và Trịnh Công Sơn**

tcs-home.org
(collection ÔC)

Rập rờn đầu liễu xanh buông

Mùa trăng nước đầy xô buồn đi xa

Trang hồng kim rải ra hoa

Trở bông mùa phượng cũ đà hồ phai

Tơi bời ngọc trắng mằng mai

Khuyh thành sắc nọ đưa vai nghiêng về.

Đọc thơ ông, nếu không hiểu chi, cũng không sao. Giống như nhạc, hay như một vũ điệu. Hãy nghe, hãy nhìn. Tinh túy của nó dường như không đặt nơi ý tứ, mà ở nơi tiết điệu của âm thanh và sự uốn lượn của hình sắc. Ngay nơi tiết điệu và sự uốn lượn ấy, nằm ngay cái ý, còn không thì sẽ chẳng bao giờ nắm được về sau. Nhưng cứ đọc. Và không nhất thiết phải bàn.

Cho nên, nói rằng tìm cơ hội nào đó thật tỉnh táo hay hứng cảm cùng tốt để viết về ông, về thơ ông, là điều bất khả. Mà chờ đợi một cơn điên chợt đến để đọc lại càng bất khả. Bởi cơn điên tối thượng ấy, khó mà thâm nhập nổi. Điên quá đến nỗi chẳng còn chi là thơ thì không thể đọc thơ điên. Thơ quá mà chẳng điên, cũng không thể cảm nhận được cái "rực rỡ," "lùng lắt," "vẻ vang" (*) của cõi thơ-diên lồng lộng Bùi Giáng.

Vậy thì, hãy cứ đọc. Đừng nói nữa.

California ngày 7/7/2012

(*) chữ của Bùi Giáng dùng trong "Tiểu Sử Tự Ghi" ngày 22.8.1993, năm năm trước khi ông mất (07.10.1998).

thơ

BÙI GIÁNG



Lời người điên

Chúng tôi người ngợm vô thường
Lúc mê man lúc chán chường thể thân
Các em gắng gổ đôi phần
Đừng quên uống rượu lần khân sinh bình
Dịu dàng sống giữa gia đình
Ngày ngày tháng tháng hậu tình năm năm
Trái tim nguyệt tỏ đêm rằm
Máu me mây gió tơ tằm vấn vương
Ở đời kiệt tặn xấu xương
Hình hài biến thể thân mường tượng thân.

Giòng sông

Chiều bên lá lung lay vàng cửa khép
Bóng trời sa trùm phủ tiếng em cười
Vườn cỏ lạnh hoa buồn không nói xiết
Bước chân dừng nghe rã lẽ hai nơi

Lời hẹn ước em nghiêng đầu tóc xõa
Để than van sầu thiên cổ theo nhau
Hồn tuổi trẻ bay trở về giữa dạ
Nhờ dung nhan em bất tuyệt xuân đầu

Trời thuở đó ngân nào em khổ sở
Khóc khi nhìn gió thổi nước sương buông
Tìm xa vắng bên kia bờ đố vỡ
Giòng sông em đâu có biết ngọn nguồn..

Mười hai con mắt

Hùm thiêng một cặp nhu mỳ
Một đôi bốn mắt từ bi mơ màng
Từ phen đá biết tuổi vàng
Một lời vàng tạc muôn vạn mai sau
Ăn làm sao? nói làm sao?
Thủy chung muôn một? còn đau đớn nghìn?
Hùm thiêng chấp nối của tin
Cho người thổn thức cầu xin đá vàng
Ấy từ khởi sự dư vang
Ngựa về Núi Đá điêu tàn đầu thai"
Em về trúc thạch một mai
Sẽ nhìn thấy mãi thiên tài chết điên
Từ Bi một cặp Hùm Thiêng
Sẽ từ đó nói liên miên một lời.

Người con gái mặc quần

Người con gái hôm nay mặc quần đỏ
vì hôm qua đã mặc chiếc quần đen
đen và đỏ là hai màu rồi đó
cũng như đời, đường hai nẻo xuống lên

Người con gái hôm nay mặc quần trắng
vì hôm qua đã mặc chiếc quần hồng
hồng và trắng là hai màu bền lền
cũng như núi và rừng đều rất mực chênh vênh

Người con gái hôm nay mặc quần tím
vì hôm qua đã mặc chiếc quần vàng
vàng và tím là hai màu mím miệng
mím môi cười và chúm chím nhe răng

Người con gái hôm nay mặc quần rách
vì hôm qua đã mặc chiếc quần lành
lành và rách đều vô cùng trong sạch
bởi vì là lành rách cũng long lanh.

Vì sao khùng

Vì yêu dấu quá Nàng thơ
Với em vô tận nên ngơ ngẩn buồn
Thần tiên Thánh Phật bao dung
Hiểu lòng tôi lắm - tôi khùng vì thơ.

PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG TẠI NHÀ QUẦN PEEK FAMILY, NAM CALI PL 2556

Thích Minh Tuệ

Từng chiếc lá thu rơi khiến mọi người nghĩ đến cơn vô thường, mong manh, suy tàn, chia biệt và rồi ta cũng thế. Từng chòm mây băng lãng trôi về phương trời vô định như thân phận những ai chưa tỉnh thức, còn trôi lăn trong vòng luân hồi mê mông. Từng cơn gió lốc xoáy như chuyên chở theo nỗi niềm tâm sự uẩn ức, như từ trường từ thế giới u minh cuộn về. Từng làn khói quện bay như chiếc cầu nối các cõi giới, giao cảm tâm tình với bàn tay cứu độ. Cũng vào độ một tháng Bảy cách đây khoảng 220 năm, đại thi hào Nguyễn Du, một trái tim lớn, đầy nhân bản, rung động trước nỗi khổ của những mảnh đời bơ vơ, tội nghiệp trong vòng tam tối, đã viết nên: **"Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh"** gói trọn cả nỗi niềm thương cảm:

*"Trong trường dạ tối tăm trời đất
Xót khôn thiêng phảng phất u minh
Thương thay Thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh đênh
quê người".*

Với tấm lòng Từ Bi cứu khổ của những người con Phật, noi gương theo Hạnh Nguyên Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, vào Vía Địa Tạng Bồ Tát năm nay, Tổng Hội Cư Sĩ (THCS) thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTN HK) phối hợp với Chương Trình Phát Thanh Hương Sen và nhà quần Peek Family đã tổ chức Pháp Hội Địa Tạng tại nhà quần Peek Family Home, Westminster, Cali, Hoa Kỳ trong 2 ngày 15-16/09/2012 nhằm ngày 30 tháng Bảy và mồng 1 tháng Tám, Nhâm Thìn.

Không khí Lễ Khai Mạc Pháp Hội Địa Tạng thật trang nghiêm trọng thể cử hành vào lúc 2:30pm chiều 15/09/2012. Dù trong tháng Bảy nhiều Lễ Hội, đa đoan Phật sự, trong thời tiết Nam Cali còn

nóng bức, đáp ứng lời mời của Ban Tổ Chức, vì lòng thương tưởng đến chúng sanh, góp lời cầu nguyện, hơn 70 Chư Tôn Đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Ni Trưởng, Sư Bà, Ni Sư, Đại Đức, Tăng Ni cùng với nhiều quan khách, các cơ quan truyền thông báo chí và hàng trăm Phật tử đã hoan hỷ quang lâm tham dự.

Trong diễn văn khai mạc và chào mừng quan khách, Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ (TVCS) GHPGVNTN HK, đã bày tỏ tâm nguyện chung: *"Chúng ta phước báu tròn đủ có được thân người, hân hoan chung sức, chung lòng làm nên lễ hội. Nhân ngày kỷ niệm khánh vía Bồ Tát Địa Tạng cảm thương những kẻ bơ vơ thân thức phiêu lãng nhiều đời, vận tử bị tâm bao la vô ngại, hướng về tất cả hương linh, vong linh cô hồn liệt vị, thại nhĩ oan hồn yếu tử nguyện rằng ánh sáng này sẽ soi tỏ nẻo chánh để quy y. Nguyện rằng hơi ấm này sẽ xua đi sự bơ vơ, lạnh lẽo nơi chốn mê đồ. Một ngọn đèn được thắp sáng, thay cho một hương linh*

oan hồn cúng Phật như chúng ta... quý Phật tử hãy nhất tâm, thượng hướng Phật đà, hạ hướng những chúng sanh khổ đau để chia sẻ thiện pháp cúng dường hôm nay!"

HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ, Hội Đồng Điều Hành, GHPGVNTN HK đã tán thán Ban Tổ Chức và bày tỏ sự quan tâm, hướng đạo thường xuyên của GHPGVNTN HK đối với TVCS, THCS và các nhân sự Tăng Ni trẻ trong suốt quá trình chuẩn bị và tổ chức, Hòa Thượng nhấn mạnh: *"Đây là lần đầu tiên một Pháp Hội Địa Tạng, không phải do một tự viện nào mà là toàn thể Tăng Ni Phật Tử vùng Nam Cali đồng tổ chức và tham dự để cầu siêu cho Cửu Huyền Thất Tổ, cô hồn, oan hồn uổng tử, chiến sỹ trận vong, vượt biên mất tích,... siêu sanh về xứ Phật."*

HT. Thích Chơn Thành đại diện cho chư Tôn Đức Trưởng Lão vùng địa phương Nam Cali và Hội Đồng Chứng Minh Pháp Hội Địa Tạng khai thị: *"...Mỗi người con Phật học Hạnh của Ngài Địa Tạng Bồ Tát cứu độ chúng sanh trong cảnh tối tăm đau khổ. Họ đang*



Vì
tha
hành
thiện,
góp
phần
phục
vụ
nhân
sinh

Làm lợi Đạo ích Đời, Đẹp lòng Cha Mẹ

*Tưởng về nghĩa Mẹ ân Cha
Cao sâu diệu vợi như là núi sông.
Bà con xin nguyện một lòng,
Xây chùa, phụng Phật, thỉnh Tăng cầu nguyện.
Gia đình trong ấm ngoài yên,
Họ hàng làng xóm... phải nên ân cần.
Mến thương bất luận xa gần,
Thân sơ, nội ngoại... khi cần giúp nhau.
Làm cho đời bớt khổ đau,
Đẹp lòng Cha Mẹ, xưa sau thường tình.*

TRẦN TRỌNG KHOÀI
& TRẦN THỊ KIM QUÊ *phụng soạn*

Lập
chí
tu
thân,
tiếp
tay
chấn
 hưng
gia
đạo

cần trợ duyên từ phía chúng ta. Sự nổi kết năng lực như là Pháp Vu Lan Bồn mới có thể siêu độ cho bao nhiêu hương linh, cô hồn..."

Ông Tạ Đức Trí, đại diện chính quyền vùng Westminster, Cali đã nhiệt liệt tán thán việc làm của Ban Tổ Chức theo truyền thống văn hóa Việt Nam, văn hóa Phật Giáo làm trang nghiêm thành phố và an ổn, hưng vượng khu phận Westminster.

Sau Lễ Khai Mạc, tiếng chuông mõ trầm bổng, lời tụng Địa Tạng luân phiên của Ban Hộ Niệm các chùa: Phật Tổ, Bát Nhã, Tổng Hội Cư Sĩ, Dược Sư, Diệu Quang, Phật Đại Bi Quan Âm,... thanh thoát ngân vang đều đều từ nơi Pháp Hội, vọng thấu khắp pháp giới khiến chúng sinh nơi u tối thấy đều nghe, thấm nhuần hành dương cứu khổ, tiêu trừ tối chướng siêu đẳng Phật Đà...

Đặc biệt vào chiều chủ nhật 16/09/2012, Đại Trai Đàn Chấn Tế Giải Oan Bạt Độ theo nghi thức miền trung phối hợp Phú Yên – Bình Định thật bài bản, thật trang nghiêm được cử hành tại Pháp Hội. Những sứ giả Như Lai với hành trang Thập Hạnh Phổ Hiền, với tâm nguyện Địa Tạng Bồ Tát:

"Địa Ngục không rỗng không, thể không thành Phật, chúng sanh chưa độ hết, nguyện không chúng quả Bồ Đề" ứng phó đạo tràng, khai quyền hiển thật, âm dương không còn phân cách, chiêu cảm, khai ngộ, siêu độ cho âm binh, cô hồn, oan hồn, chư hương linh,... Từ trước đến nay, tôi chưa từng tự mắt chứng kiến một Trai Đàn Chấn Tế trọng thể đến như vậy.

Thế giới đang còn chìm ngập trong đau thương: chiến tranh, khủng bố, thiên tai, sóng thần, biển đông dậy sóng, oan hồn, uổng tử, phá thai, hoạn tử, bất đắc kỳ tử, lò hỏa ngục vẫn còn đang nung nấu khắp nơi, máu và nước mắt vẫn cứ chảy dài trong cõi thế ô trược, nghiệp chướng đa mang,... Tất cả chúng ta đồng nhiếp tâm, nhất cú nhất kệ hướng tâm nguyện cầu cho bề khổ người với, cho âm hồn siêu thoát, cho tình người thấm nở, cho quả đất thêm xanh, cho âm siêu dương thới, thế giới hòa bình, nhơn sinh an lạc.

*Gốc rễ tâm linh xin bồi đắp
- Suối nguồn huyết thống
nguyên khai thông.*

Xin được đại diện cho những người tham dự, chân thành tri ân

Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo, Chương Trình Phát Thanh Hương Sen cùng nhà Quàn Peek Family đã tạo cơ hội cho nhiều người hòa nhập lòng thành niệm tưởng, thực thi Bồ Tát Hạnh cho kẻ còn người mất thấm nhuần lợi lạc. Nén hương lòng vẫn còn mãi thấp sáng dâng lễ cho chư vị Tổ Sư, Thánh Tử Đạo, hồn thiêng sông núi, chư Tiên Hương Linh, Cửu Huyền Thất Tổ, cô hồn, liệt vị chư Hương Linh, "chúng con khổ nguyện xin cứu khổ". Pháp Phật nhiệm mầu độ sanh lần độ tử, qua đó, mỗi con người tự ý thức, chánh niệm tỉnh giác, xây dựng cuộc đời Chân Thiện Mỹ trong pháp giới trùng trùng duyên khởi, *tất cả chúng sanh là Cha Mẹ*. Đời sống sẽ được chuyển hóa, thăng hoa lợi lạc làm tốt Đạo, đẹp Đời. Người con Phật hãy thường xuyên đánh lễ, quán tưởng Địa Tạng Vương Bồ Tát, tu tập công hạnh Lục Độ Ba La Mật và Tứ Vô Lượng Tâm, đặt Tứ Hoảng Thệ Nguyện nơi đầu giường để nhắc nhở, quán niệm và sống trong Chánh Đạo như vậy mới có thể chuyển được cộng nghiệp, mang đến hòa bình, lợi lạc, an vui hạnh phúc khắp quần sanh.

TÔI YÊU MÀU LAM

Hạnh Tuấn

Có một bài hát viết về màu áo của tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam do nhạc sĩ Trần Nhật Thành sáng tác từ thuở nào mà tôi không hay không biết. Bài hát "*Tôi Yêu Màu Lam*" đã làm cho tôi yêu thích màu Lam - màu áo của tổ chức GDPT - từ thuở nào mà tôi không còn nhớ rõ. Phải chăng những năm tháng khi mới lên 5, lên 7, tôi có cơ hội theo Cha Mẹ đến chùa Quang Hoà, thuộc xã Lộc Hoà, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam để rồi sau đó tôi được chính thức gia nhập GDPT Mỹ An, thuộc thôn Hoán Mỹ, Xã Lộc Hưng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào những năm 68-72. Trong những năm này, hình như tôi không còn nhớ là có Anh hay Chị nào hát cho tôi nghe bài hát này. Nhưng có một năm làm tôi nhớ nhất khi ấy tôi đã vừa tròn 40 tuổi, năm 1996. Trong khi tôi đến Chùa Viên Giác tại thành phố Oklahoma City, tiểu bang Oklahoma, USA, để chứng minh và thuyết giảng cho Trại Huấn Luyện Huỳnh Trưởng Cấp II, Trại Huyền Trang II, trên sân khấu của đêm văn nghệ chào mừng Trại Huấn Luyện này tôi đã hát say sưa như chưa bao giờ được hát.

Tôi đã trình diễn bài hát này trong tâm trạng yêu mến màu Lam vô cùng tha thiết. Tôi nhớ rõ lắm, lúc ấy là đêm nhiệm màu làm sao, sau một màn vũ đặc biệt của các Em Oanh Vũ Nam trong GDPT Viên Giác, tôi đã hát bài hát này. Trước khi được hát, tôi lại cao hứng dẫn lời bạt cho bài hát này rằng: "Cách đây trên 30 năm, Thầy cũng múa hát thật dễ thương như các Em Oanh Vũ vừa trình diễn hôm nay". Tôi lại tiếp, "Có người hỏi tôi rằng, "Tôi yêu màu Lam, tại sao tôi không còn mặc áo màu Lam mà mặc áo màu nâu sồng." Tôi đã trả lời một cách đầy thơ mộng là vì màu áo nâu sồng của tôi đang mặc là được hòa từ màu đỏ của máu con tim của mình với màu Lam. Màu đỏ mà đem hoà với màu Lam chắc chắn thành màu đỏ, màu nâu. Cho nên trong chiếc áo tràng màu nâu tôi đang mặc đã thấm đượm màu đỏ của máu trong tim tôi hoà với màu Lam tôi đã từng mặc khi còn là đoàn sinh trong GDPT."

Hình như hôm ấy tôi hát không được đúng nhịp điệu của bài hát cho lắm vì không có chuẩn bị trước để tập dợt với người xử dụng đàn organ. Thế nhưng tôi vẫn tự hào là tôi hát rất hay. Sau khi bước xuống sân khấu văn nghệ, tôi gặp Chị Tâm Minh Vương Thuý Nga, được Chị ấy khen tặng là những lời bạt trên sân khấu để giải thích về màu áo nâu tôi đang mặc giống như Xuân Diệu làm thơ. Tôi cũng vui thêm.

Và kể từ đó, mỗi lần có cơ hội được về sinh hoạt với GDPT, bất cứ ở đâu, bất cứ trại huấn luyện nào từ cấp đơn vị gia đình hay cấp miền hoặc trung ương tôi rất mong được hát bài hát ấy. Và, tôi cũng đã có một lần phát biểu là bài hát này tôi "cấm"

không cho ai được hát cả mà chỉ có tôi được "độc quyền" hát bài hát này. Câu nói này đã được nghe và đã được lan truyền khắp nơi trong tổ chức GDPT để hôm nay hầu hết các Anh Chị Huỳnh Trưởng lớn trong tổ chức đều phải biết về "chủ quyền" bài hát này mặc dầu tôi không phải là tác giả mà đã nghiêm nhiên trở thành một ca sĩ kiêm tu sĩ có "độc quyền" hát bài hát này.

Tôi còn nhớ lắm, tôi hát bài hát này trong Trại Huyền Trang II tại Viên Giác, vào năm 1995, rồi tôi cũng hát tại Trại Huyền Trang III được tổ chức tại Fremont, CA rồi dời về tại Marina, CA vì hoả hoạn. Thế nhưng, tôi không được hát trong Trại Huyền Trang IV, tháng 9, năm 2011 tại Chùa Việt Nam, Houston, TX. Tôi có cảm giác buồn buồn vô hạn và cảm thấy ấm ức vô cùng.

Trong chương trình Văn Nghệ chào mừng đại hội huynh trưởng GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ lần thứ 9, được tổ chức tại Trung Tâm Huấn Luyện và Tu Học Quảng Đức, San Bernadino, CA, tôi đang lo là mình không được hát bài hát này vì chương trình đã được lên sẵn mà người hát là Huỳnh Trưởng Diệu Lan Đặng Xuân Hương. Tôi vẫn còn chút hy vọng mỗi lần tôi nhìn lên tờ chương trình Văn Nghệ được dán ở cửa ra vào Hội Trường Đại Hội là Chị Diệu Lan hát bài "*Tôi Yêu Màu Áo Lam*". Tôi nhớ không lầm là cũng có một bài hát mang tên như vậy do nhạc sĩ Trường Khánh phổ nhạc thì phải. Bài hát này có vài câu mà tôi còn nhớ không rõ lắm như là: *Tôi yêu màu áo lam, màu áo ấy ngoan hiền...* Tôi cứ nhắm đi nhắm lại câu hát ấy để mình còn chút an ủi là Chị Diệu Lan hát bài hát này sẽ không trùng với bài hát "độc quyền" của mình.



Tôi lại cảm thấy có một chút thất vọng khi nghe Chị MC của chương trình Văn nghệ mừng đại hội 9 giới thiệu tiêu đề của bài hát mà Chị Diệu Lan sẽ hát, "*Tôi Yêu Màu Lam*". Khi nghe như vậy tôi vẫn không tin là tai mình nghe đúng lời giới thiệu bài hát của MC. Trong chờ đợi tôi lại muốn nghe bài hát này được giới thiệu với tiêu đề khác, "*Màu Lam Sứ Sống*". Hình như tôi nghe đâu đây một lần nào đó, bài hát này cũng có MC nào giới thiệu là "*Màu Lam Sứ Sống*."

Hình như anh linh của Chư Thánh Tử Đạo trong tổ chức GDPT làm chứng và gia hộ cho tôi thì phải. Chị Diệu Lan hôm nay không thể hát được vì Chị đã quá bận để lo cho đại hội trong trách nhiệm của Tiểu Ban Vận Động Yểm Trợ mà không có thì giờ để tập dợt, mà chị cũng không thuộc lòng bài hát này. Chị cũng đã cẩn thận viết bài hát này trên giấy để cầm và hát trên sân khấu, nhưng khi lên sân khấu Chị Diệu Lan không tìm được cái folder, hay cái túi xách mà Chị nói là Chị đã để bài hát trong ấy.

Trong khi loay hoay trên sân khấu để giới thiệu bài hát, Chị Diệu Lan đã "thật thà khai báo" là Chị đã không có lời bài hát nên chị không dám hát mà phải mời Thầy Hạnh Tuấn lên hát mới đúng. Ô! Tôi mừng quá chừng. Tôi cũng "thật thà khai báo" trên sân khấu là tôi và tất cả huynh trưởng thuộc GDPT Trúc Lâm, Chicago, đã có chuẩn bị và tập hát bài hát "*Tôi Yêu Màu Lam*" trước khi về đại hội. Thế là cơ hội ngàn vàng đã đến cho tôi và cho huynh trưởng GDPT Trúc Lâm.

Tôi nhảy vọt lên sân khấu trong niềm vui vô hạn với lời cảm ơn chân thành gửi đến Chị Diệu Lan là đã cho Thầy có cơ hội hát bài hát này, nếu không được hát thì đêm nay tôi không thể nào ngủ được...



"Tôi yêu màu Lam là màu thêm sức sống"

Câu hát đầu tiên của bài hát "*Tôi Yêu Màu Lam*" đã nói lên tất cả ý nghĩa cao đẹp của một đoàn sinh có hạnh phúc được mặc áo Lam. Sức sống mà tác giả của bài hát này phải thực sự sống với tổ chức gia đình Phật tử mới có thể viết lên một câu mở đầu cho bài hát đầy ý nghĩa như thế.

Nhạc sĩ Trần Nhật Thành phải là một đoàn sinh của Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Anh Nhật Thành phải là một đoàn sinh rất tinh tấn và phải gia nhập đoàn kể từ khi Anh còn bé thơ khi lên 6 để được vào Đoàn Oanh Vũ. Bây giờ Anh Nhật Thành ở đâu, còn sống hay đã về cõi Phật với anh linh của các Thánh Tử Đạo trong GDPT.

Cho dù Anh Nhật Thành còn sống hay đã khuất thì theo tôi bài hát đã, đang và sẽ có một giá trị tuyệt đối. Màu Lam có thêm nhiều sức sống này đã phải được un đúc từ Phật, Pháp và Tăng với Trí Tuệ, Thanh Tịnh, Từ Bi, Hỷ Xả và Tinh Tấn. Đây chính là

những ý nghĩa cao đẹp nhất trong kho tàng giáo lý của Phật giáo đã được sáng tỏ của GDPT Việt Nam chọn làm huy hiệu cho GDPT - Huy hiệu Hoa Sen trắng có 8 cánh nằm trên vòng tròn viền dung vô ngại của màu xanh lá cây.

Còn gì cao quý hơn khi tâm hồn của Anh, của Chị và của Em là những đoàn sinh của tổ chức GDPT mà đã được thấm nhuần giáo lý bình đẳng của Đức Phật. Còn gì cao quý hơn khi tâm hồn của chúng ta được thấm nhuần bởi giáo pháp cao minh, thuần tịnh trong sáng của Đức Phật và còn gì cao quý hơn khi đời sống của chúng ta được hướng dẫn, điều dắt và dạy dỗ của một Tăng Đoàn thanh tịnh hoà hợp. Đây chính là biểu tượng của 3 cánh dưới của huy hiệu Hoa Sen trong GDPT.

Thế giới này đã bị ô nhiễm, băng hoại cũng chính vì những tư tưởng tham sân đồ kỵ, tranh chấp hận thù, nhỏ hèn ích kỷ. Còn gì cao quý hơn khi được thay thế bằng hình ảnh từ bi độ lượng, bình đẳng lợi tha vô ngã của Từ, Bi, Hỷ, Xả mà chính Đức Phật là kẻ hiện thân sống động cho thông điệp này. Thế giới loài người mỗi ngày một thông minh tiến bộ trên nhiều lãnh vực, đặc biệt là lãnh vực khoa học. Con người biết nhận chân ra giá trị tuyệt vời của giáo lý khế cơ, khế lý của Phật giáo, một nền giáo lý mà các nhà khoa học tiên tiến của nhân loại đang tìm kiếm học hỏi. Trong khi đó trên thế giới loài người hằng ngày vẫn tiếp tục bị huỷ diệt bởi bom đạn của những nhà độc tài tham vọng với đầy dẫy những lợi danh sắc dục. Thì ra, nhân loại đang cần những trái tim biết thương người biết thương đời, biết chia sẻ và biết sống đơn giản để buổi sáng mang niềm vui cho người và buổi chiều giúp cho người bớt khổ của hàng triệu trái tim mang màu áo Lam. Chất liệu này rất cần thiết và đã được nuôi lớn trong tâm hồn phụng sự bởi các bậc xuất trần thượng sĩ của Tăng đoàn trong chốn thiền môn u tịch. Với tuệ quán các Ngài đã, đang và sẽ lên đường để hiến tặng và ban cho đời nhiều nụ cười tràn đầy tinh thức.



"Tôi Yêu Màu Lam kết bao tình thương"

Trong tâm hồn tôi, trong tâm hồn Anh, trong tâm hồn Chị và trong tâm hồn Em, những đoàn sinh



GDPT, đã được kết đọng bằng một thứ tình thương không điều kiện. Tình thương này đã được gieo trồng bằng những hạt giống thơm lành của từ bi, của tinh tấn, của thanh tịnh, của hỷ xả từ khi các Anh, các Chị, các Em mới vào đoàn. Nói đến tình thương hay từ bi của đạo Phật mà các Anh, các Chị, các Em đang tin tưởng và thực tập là một thứ tình thương không điều kiện. Tình thương này chính là chất liệu từ bi không chấp trước, không bám víu (vô chấp vô trụ) của Phật và Bồ Tát. Tình thương này được soi sáng bởi ánh sáng của Trí Tuệ hay là hiểu biết.

Thầy Nhất Hạnh luôn nhắc chúng ta phải có hiểu biết mới có yêu thương thật sự. Tình thương hay yêu thương ở đây là một trong 5 hạnh của GDPT được biểu hiệu qua 5 cánh trên của hoa sen. Để có được tình yêu thương chân thành chúng ta cần có trí tuệ để hiểu biết. Từ khả năng hiểu biết yêu thương này cho phép chúng ta biết bao dung xả bỏ những tâm niệm xấu xa làm cản trở hạnh phúc an lạc chân thực trong cuộc sống. Một con người tràn đầy với những chất liệu cao quý như thế thì làm sao chúng ta có thể thờ ơ hay lãng quên hoặc xa lánh. Hãy cố gắng không ngừng để tô điểm cho mình cho đời thêm tươi thắm với những chất liệu tốt đẹp như thế.

Màu Lam của áo Anh, Chị và Em đang mặc chính là đã kết đọng từ những chất liệu cao quý của Tam Bảo, Phật Pháp Tăng, của Trí Tuệ, Thanh Tịnh, Tinh Tấn của Từ Bi và Hỷ Xả. Tâm hồn của những người Anh Chị Em trong tổ chức GDPT tuyệt vời như thế làm sao tôi không thể yêu thương được. Bạn mà không biết yêu thương những tâm hồn như thế là tâm hồn bạn có vấn đề.

Tôi đã yêu thương màu Lam tự thuở nào. Tôi đã yêu thương màu Lam từ khi tôi vào đoàn. Tôi đã yêu thương màu Lam suốt trong quãng đời tu tập của mình. Tôi đang yêu màu Lam nồng nàn tha thiết, và tôi cũng sẽ yêu thương màu Lam cho đến hơi thở cuối cùng, để ngày mai khi tôi ra đi, tôi sẽ còn được nghe hàng trăm, hàng ngàn đoàn sinh đứng quanh tôi tiễn đưa tôi về cõi Phật bằng bài hát, "Tôi Yêu Màu Lam". Tôi cũng tin tưởng một cách tuyệt đối rằng tất cả các Anh, các Chị, các Em, những đoàn sinh của tổ chức GDPT đã, đang và sẽ yêu màu Lam như chính tôi đang yêu. Các Anh, các Chị, các Em ơi! Cuộc đời chúng ta sẽ đẹp mãi như bài thơ, bài hát, "Tôi Yêu Màu Lam", vì tâm hồn chúng ta đã và đang được tô điểm bởi màu Lam bất diệt này.

Chùa Trúc Lâm
Chicago, Cuối Mùa Hạ 2012

CHÚT HOÀI NIỆM VỚI VU LAN

Thích Hạnh Thông

Hai mươi mấy năm đã trôi qua, mỗi khi Vu Lan về lòng tôi vẫn thấy quặn đau cho người bạn của mình. Người bạn ấy sau này cũng đi tu.

Đó là một chiều rằm tháng Bảy - lễ Vu Lan. Dân trong làng vẫn tập về chùa. Người lớn thì tụng kinh, lạy Phật, nghe pháp. Thanh niên, trẻ em cùng sinh hoạt gia đình Phật Tử.

Đang lúc chúng tôi vui chơi trước sân, thì được tin báo rằng: mẹ của Sơn là dì Tư mới bị tàu lửa cán chết. Trong nỗi bàng hoàng đó, mọi người cùng chạy qua đường rầy tìm kiếm những phần thân thể của Dì để làm ma chay.

Đám ma trong ngày Vu Lan thật là buồn. Cả xóm đưa dì Tư ra nghĩa địa. Sơn và hai em nhỏ quỳ trước quan tài, đầu chít khăn tang, nước mắt đầm đìa. Dì Tư chết, để lại người cha mù lòa và ba anh em Sơn; ai trông cũng xót xa!

Từ đó đến nay, tôi chưa gặp lại Sơn. Nhưng nghe nói, Sơn cũng đi tu và đang trụ trì một ngôi chùa lớn ở Phan Thiết.

Thủa ấy tôi xót xa cho Sơn, vì nghĩ rằng mình hạnh phúc hơn bạn. Nhưng giờ đây khi ngày Vu Lan về ai là người xót xa cho tôi!

Tôi cũng sớm bỏ mẹ mà đi tu. Sống xa mẹ đã lâu, khi nghe tin mẹ mất, tôi về nhà làm đám tang rồi lại đi. Ký ức về mẹ trong tôi hình như cũng sớm nhạt nhòa theo năm tháng kinh kệ. Nhưng mỗi mùa thu tới, Vu Lan về là những lần thắp lửa tình mẹ trong hồn tôi. Mấy năm trước, được dự lễ Vu Lan ở một ngôi chùa nhỏ dưới nam California. Chư Tăng, Ni quang lâm rất đông. Sau khi được em nhỏ cài lên y tôi bông hồng trắng; nhìn xung quanh, tôi thấy nhiều vị lớn tuổi hơn mình mà vẫn còn bông hồng thắm đỏ lung linh trên áo. Có hơn một ánh mắt nhìn tôi như hỏi rằng: tại sao vị tu sỹ trẻ này mà cài hoa trắng đến thế! Rồi lời nhạc được hát lên: "Tôi không khóc đâu em, khi áo tôi em cài hoa trắng; tháng Bảy mùa trắng, mùa mẹ lên nương..."

Khi ấy tôi thấy mình sao lẻ loi, cô độc. Đôi dòng nước mắt lặng thầm nhỏ xuống, thì thào hai tiếng: Mẹ ơi! Mẹ ơi!



PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

NĂM ĐIỀU LUẬT

GDPTVN tại HOA KỲ biên soạn

I. Mở Đầu:

Năm điều luật của Huỳnh Trưởng và Ngành Thanh, Thiếu GDPT Việt Nam là:

1. Phật Tử quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện.

2. Phật Tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống.

3. Phật Tử trau dồi trí tuệ, tôn trọng sự thật.

4. Phật Tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm.

5. Phật Tử sống hỷ xả để dừng tiến trên đường đạo.

II. Định Nghĩa:

1. Quy y Phật Pháp Tăng: là quay về nương tựa Tam Bảo. Là Phật tử em phải tôn Phật Pháp Tăng làm thầy, trọn đời quy ngưỡng, hướng về Tam Bảo, không theo Thượng-Đế, tà sư, không theo ngoại đạo tà giáo, không theo bè đảng độc ác.

Giữ giới đã phát nguyện: Giới là những giới luật của Đức Phật đặt ra. Người Phật tử tại gia thực hành và duy trì năm giới, tùy nguyện tùy sức đã phát nguyện thọ lãnh giới nào thì triệt để giữ giới ấy, không lúc nào trái phạm. Nếu trái phạm thì phải làm lễ sám hối rồi cầu xin giữ lại.

2. Mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống: Phật tử thực hành hạnh Từ-Bi, mở rộng lòng thương bản thân mình, gia đình mình và tất cả mọi người, mọi loài là tôn trọng sự sống của tất cả chúng sanh. Phật tử tôn trọng sự sống nghĩa là không những không giết hại mạng sống của bất cứ người nào, sinh vật nào, mà còn phải bảo tồn, tôn trọng tất cả sự sống, kể cả sự sống của những sinh vật nhỏ. Phật tử ăn chay và không sát hại là giữ được điều luật này.

3. Trau dồi trí tuệ: Trí tuệ là lý trí, là sự hiểu biết. Phật tử dùng trí tuệ để tìm hiểu, học hỏi, dùng

lý trí để xét đoán, không mê tín dị đoan. Phải dùng trí phán đoán vô tư để tìm hiểu, nếu phải thì công nhận, nếu trái thì không tin. Đối với Phật Pháp, Phật tử hết sức tìm hiểu giáo pháp của Phật, dùng lý trí phân tích, thực nghiệm để thực hành, để sống như lời Phật dạy, vì Phật tử nhận rõ rằng chỉ có sự thực hành mới phát sinh trí tuệ con người. Tôn trọng sự thật: nghĩa là biết sống đúng với lẽ phải và sự thật. Phật tử sẽ không nói láo vì nói láo là trái với sự thật. Phật tử không xuyên tạc sự thật để mưu cầu danh lợi hay để bênh vực lòng tự ái của mình.

4. Trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm: Phật tử thực hành hạnh Thanh Tịnh (hạnh hoa sen trong trắng) để giữ gìn thân thể, lời nói, ý nghĩ, việc làm cho trong sạch. Phật tử chỉ nói lời chân thật, hòa nhã; Phật tử không nghĩ, không làm các điều ác, chỉ nghĩ, chỉ làm các điều thiện có lợi cho mình và người khác.

5. Sống hỷ xả để dừng tiến trên đường đạo: Phật tử thực hành hạnh Hỷ Xả và Tinh Tấn.

Hỷ Xả nghĩa là luôn luôn hoan hỷ, vui vẻ, dầu gặp những nghịch cảnh, trở ngại. Phật tử vui vẻ hy sinh để giúp đỡ cứu khổ cho mọi người mọi loài, không để tâm ganh ghét thù hận một ai. Tinh Tấn nghĩa là chuyên cần trên mọi công việc. Phật tử luôn luôn tinh tấn trên đường

tu tập, và làm việc gì cũng phải quyết chí làm cho đến khi thành tựu mới thôi. Dù gặp thất bại, Phật tử không có quyền lùi bước, và luôn gắng sức mỗi khi gặp nghịch cảnh, trở ngại.

III. Thực Hành:

Là Đoàn sinh Gia Đình Phật Tử em luôn luôn ghi nhớ:

1. Không được săn bắn, câu cá, sát sinh, giam giữ sinh vật, vì như thế là gây đau khổ cho loài vật, phạm giới, phạm luật. (Điều luật 1 và 2)

2. Luôn luôn cố gắng trau dồi trí tuệ và tôn trọng sự thật. (Điều 3)

3. Không tức giận, chửi mắng, không dùng lời lẽ xấu ác. (Điều 4)

4. Chuyên cần học tập, thường xuyên đi sinh hoạt, không gián đoạn trên mọi công việc. (Điều 5).

Trong cuộc sống hằng ngày từ suy nghĩ, đến lời nói và việc làm, mỗi hành động cần luôn luôn nhớ 5 điều luật dẫn dắt bằng cách cố gắng hết mình tuân theo. Đó mới là Đoàn sinh gương mẫu của Gia Đình Phật Tử.

Câu Hỏi:

1. Năm điều luật có tác dụng gì?

2. Thế nào là giữ giới và đã phát nguyện?

3. Tại sao em phải tôn trọng sự sống?

4. Trau dồi trí tuệ có lợi ích gì?

5. Sống hỷ xả để dừng tiến trên đường đạo là thế nào?



6. Tự xét lại hành vi, suy nghĩ và việc làm của em hằng ngày có ích gì?

7. So sánh 5 Điều luật của Huỳnh Trưởng và Đoàn sinh ngành Thanh, Thiếu GDPT với 4 giới của người Phật tử tại gia.



The Five Rules

I. Foreword:

The Vietnamese Buddhist Youth Association Code of Conduct states the following five rules for youth and adult members:

1. A Buddhist takes refuge in the Three Jewels and practices the precepts one has vowed.

2. A Buddhist widely expresses his compassion and respects the lives of all beings.

3. A Buddhist must cultivate his wisdom and respect the truth.

4. A Buddhist must live in purity in material, spirit, speech, and behaviour.

5. A Buddhist must be understanding, forgiving, and diligent in practicing Buddhism.

Above are the five rules established for members to obey to prevent wrongdoings, and to build up values and morality.

II. Definition:

1. Taking refuge in the Buddha, Dharma and Sangha means to have the Three Jewels as guides for one's daily activities. As a Buddhist, one needs to believe and respect the Three Jewels, and not in God nor supernatural power. Practicing the precepts that one has vowed: Precepts are the rules set by Buddha. We, as Buddha's lay disciples,

practice the five precepts according to our capability and suitability. If the rules are violated, one needs to repent and vow not to repeat the same mistake.

2. Always expressing one's love and respecting the lives of all living creatures: A Buddhist practices Compassion by loving himself, his family and all other living beings. A Buddhist should respect the lives of all living creatures even a tiny insect by not killing them. Furthermore, one should find ways to protect them. Avoid killing and only eating vegetables are ways of practicing this rule.

3. Cultivating the wisdom: Wisdom is one's intelligence. Wisdom is one's knowledge. A Buddhist should not be superstitious. One should use his/her intelligence to understand, learn, or evaluate something. A Buddhist must use his/her impartial opinion on all matters, accept what is right, and does not believe something that is ambiguous. Before practicing Buddha's Teachings, one should understand and analyze it. Only through practicing and living by Buddha's Teachings can one accumulate knowledge. Respecting the truth means accepting that which is right. A Buddhist never says misleading words that are not the truth. A Buddhist should not distort the truth to profit from it or to defend his/her pride.

4. Living in purity in materials, spirit, speech and behaviour: A Buddhist practices the Purity code (the lotus symbol) to keep his/her body, speech, thoughts and actions clean. A Buddhist says only truthful and peaceful words; a Buddhist should not think and act evil; instead, he/she should think and act only in ways benefiting himself/herself and others.

5. A Buddhist must be understanding and forgiving, and be diligent in practicing Buddhism: A Buddhist must practice the Forgiveness and Diligence codes. The forgiveness code means always being joyful and

happy even when encountering adversity. A Buddhist is willing to sacrifice for all living creatures. He/she should not be jealous and resentful. The diligence conduct means to always improve in whatever one is pursuing. A Buddhist diligently practices Buddha's teachings, and perseveres until the task is complete. When encountering adversity, a Buddhist does not withdraw or step back, but perseveres to overcome the problem.

III. Practice:

As a member of the Vietnamese Buddhist Youth Association one needs to practice the followings:

1. Do not hunt, capture or kill animals because in doing so one will hurt them and violate the precepts (Rules 1 and 2). Không nói dối vì nói dối là làm trái với sự thật. (Rule 2)

2. Always cultivate one's intelligence and respects the truth. (Rule 3)

3. Try not to be easily frustrated. Do not insult others. Do not use harmful words. (Rule 4)

4. Study diligently, participate in group activities, and maintain one's goal consistently. (Rule 5)

In your daily life, each thought, word and action need to be guided by the above five rules. Therefore, to be a good member of the Vietnamese Buddhist Association, one needs to practice these rules regularly.

Questions:

1. What are the advantages of the five rules?

2. How does one practice the precepts which one has vowed to obey?

3. Why does one have to respect the truth?

4. What is the benefit of cultivating one's wisdom?

5. What does it mean by to be forgiving and diligent in practicing Buddhism?

6. What are the advantages of examining one's behaviour, thoughts and actions?

7. Differentiate the different of the 5 rules for the leaders and members and the 5 rules for the Buddha followers.

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer” của **Ven. Shravasti Dhammika**
Thích Nguyên Tạng dịch



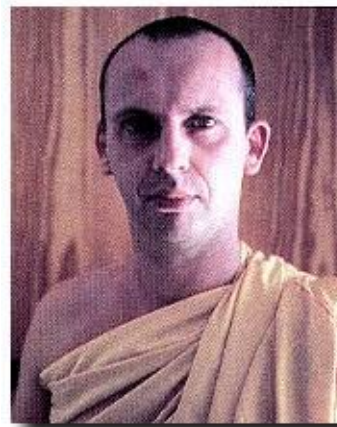
Ven. Thich Nguyen Tang

Lời người dịch

“Hỏi hay đáp đúng” (nguyên tác Anh ngữ: “Good Question, Good Answer”) là một trong nhiều tác phẩm phổ biến của Đại đức Shravasti Dhammika, một Tăng sĩ người Úc đã từng diễn giảng giáo lý Phật Đà trên đài truyền hình và đại học Úc cũng như nhiều

Translator’s note

“Good Question Good Answer” by Venerable Shravasti Dhammika is a very popular Buddhist work originally published in English. The author is a distinguished lecturer and Buddhist monk from Australia. He has spoken and delivered lectures on Bud-



Venerable Shravasti Dhammika

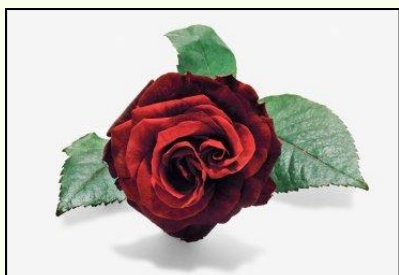
quốc gia khác ở Á châu.

Tập sách nhỏ là kết quả của các buổi diễn thuyết ấy và được ấn hành lần đầu tiên vào năm 1987 theo lời thỉnh cầu của đông đảo Phật tử ở Singapore. Đến nay tập sách đã được tái bản rất nhiều lần ở Úc, Mã Lai, Singapore và Đài Loan. Riêng tại Singapore, tập sách đã được in ra với hơn ba mươi ngàn quyển vào lần ấn hành thứ nhất là một thành công ngoài dự kiến của tác giả. Tác phẩm đã được đón nhận một cách rộng rãi ở Úc, Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Argentina, Singapore và các quần đảo Seychelle, và đến nay đã được dịch nhiều thứ tiếng như Trung Hoa, và Nepal và Miến Điện.

Nhận thấy tác phẩm có tính cách phổ biến cho người học Phật. Chúng tôi xin chuyển ngữ ra tiếng Việt để giúp cho độc giả Phật tử Việt Nam có thêm những hiểu biết về giáo lý Đạo Phật.

Dù hết sức cố gắng nhưng không sao tránh khỏi những sơ sót khi chuyển ngữ, kính mong các bậc cao minh hoan hỷ chỉ bảo cho.

Sài gòn, Xuân 1998
Thích Nguyên Tạng



dham and Asian relations at universities, on radio and television in Australia and in abroad.

This book is a result of his lectures and was first published in 1987 due to demand for his work from within Australia and overseas. Up to now, it was printed several times in Australia, Malaysia, Singapore and Taiwan. In Singapore, it was printed the first time at 30.000, far exceeding the expectations of the author.

The work has been welcomed in widely in Australia, North and in South America and elsewhere. This book has been translated into several languages including Tamil, Chinese and Nepalese and Burmese.

I realized its popularity when I read it some years ago and seeing its value to all those who wish to learn Buddha’s teachings, I devoted myself to its translation into Vietnamese, my mother tongue. This translation first printed in Saigon in 1997, a second time in Australia in 2000 and now in the Virginia, USA for free distribution for all people.

I wish to thank Venerable Thich Tri Tue (Van Hanh Buddhist Center) and Dr. Nguyen Thanh Long ad his family, has donated this publication to all readers. I also thank Vương Anh, Ngọc Dung, Diem Tuyet, Chris Dunk, Tan Nhat, Tra My, who has spent much time for the typing, editing my drafts towards publication.

Although I have made an effort in translation on this book as accurately as possible, I am conscious that it may have some errors, and I expect to be contacted by those who can advise me of correcting them in further editions. Thank you all.

Melbourne, Summer Retreat 2002
Ven. Thich Nguyen Tang

CHƯƠNG 1

Đạo Phật là gì?

Danh từ Đạo Phật (Buddhism) xuất phát từ chữ "Budhi" nghĩa là "tỉnh thức" và như vậy Đạo Phật là triết học của sự tỉnh thức. Nền triết học này khởi nguyên từ một kinh nghiệm thực chứng của Ngài Sĩ-Đạt-Đa Cồ-Đàm, được biết như một vị Phật, đã tự mình giác ngộ ở tuổi ba mươi sáu. Đến nay Đạo Phật đã có mặt trên 2500 năm và có khoảng 300 triệu tín đồ trên khắp thế giới. Hàng trăm năm về trước, Đạo Phật đã chính thức là một nền triết học của Á châu, tuy nhiên ngày nay đã phát triển và có tín đồ ở khắp châu Âu và châu Mỹ.

Vậy Đạo Phật có phải chỉ là một nền triết học không?

Danh từ triết học - philosophy - bắt nguồn từ hai chữ "philo" nghĩa là "tình thương" và "sophia" nghĩa là "trí tuệ". Vậy triết học là tình thương của trí tuệ hoặc tình thương và trí tuệ. Cả hai ý nghĩa này đều diễn tả một đạo Phật toàn bích. Đạo Phật khuyên dạy con người nên cố gắng phát triển khả năng tri thức của mình đến chỗ cùng tột để có thể hiểu biết một cách rõ ràng. Đạo Phật cũng dạy chúng ta mở rộng lòng từ bi và nhân ái để mình có thể trở thành một người bạn chân thành đối với tất cả chúng sanh. Vì thế Đạo Phật là một triết học, nhưng không chỉ là một triết học mà là một triết học siêu việt.

Đức Phật là ai?

Vào năm 624 trước Tây Lịch, một hoàng nhi đã ra đời tại một vương quốc thuộc miền Bắc Ấn Độ. Vị hoàng nhi ấy đã lớn lên trong nhung lụa và xa hoa, nhưng cuối cùng sớm nhận ra rằng tiện nghi vật chất và sự yên bình của thế gian không đủ để bảo đảm hạnh phúc. Chàng đã xúc động sâu xa bởi những cảnh khổ đau mà chàng đã thấy ở khắp mọi nơi, và quyết tâm tìm giải pháp đem đến hạnh phúc cho nhân loại. Năm hai mươi chín tuổi, chàng từ giã vợ con, và tìm học với các bậc đạo sư vĩ đại đương thời. Các vị này đã dạy cho chàng rất nhiều nhưng không có người nào thật sự biết rõ được nguyên nhân khổ đau của kiếp người và phương cách vượt thoát khổ đau. Cuối cùng, sau sáu năm tu học và hành thiền, chàng đã đạt được một kinh nghiệm mà tất cả mọi phiền não vô minh được đoạn trừ và ngài đã hoát nhiên giác ngộ.

Kể từ ngày ấy, Ngài được tôn xưng là Phật Đà (Buddha), một bậc Giác Ngộ. Ngài ở lại thế gian trong 45 năm nữa, chu du khắp miền Bắc Ấn độ để truyền dạy cho mọi người những điều ngài đã chứng ngộ. Lòng từ bi và đức tính kham nhẫn của Ngài là một sự kỳ diệu đã khiến cho hàng ngàn người theo làm đệ tử của Ngài. Ở tuổi tám mươi, tuy già và bệnh, nhưng vẫn hạnh phúc và thanh thản, cuối cùng ngài đã viên tịch.

(còn tiếp)

CHAPTER 1

What is Buddhism?

The name Buddhism comes from the word 'budhi' which means 'to wake up' and thus Buddhism is the philosophy of awakening. This philosophy has its origins in the experience of the man Siddhartha Gotama, known as the Buddha, who was himself awakened at the age of 35. Buddhism is now 2,500 years old and has about 300 million followers worldwide. Until a hundred years ago Buddhism was mainly an Asian philosophy but increasingly it is gaining adherents in Europe, Australia and America.

So Buddhism is just a philosophy?

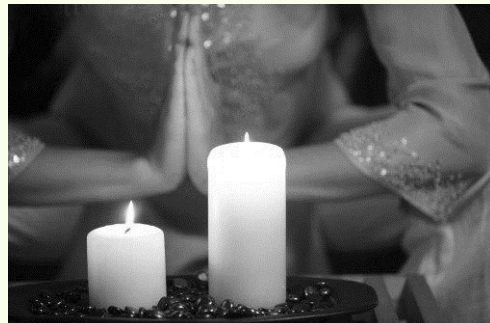
The word philosophy comes from two words 'philo' which means 'love' and 'sophia' which means 'wisdom'. So philosophy is the love of wisdom or love and wisdom, both meanings describe Buddhism perfectly. Buddhism teaches that we should try to develop our intellectual capacity to the fullest so that we can understand clearly. It also teaches us to develop love and kindness so that we can be like a true friend to all beings. So Buddhism is a philosophy but not just a philosophy. It is the supreme philosophy.

Who was the Buddha?

In the year 624 B.C. a baby was born into a royal family in northern India. He grew up in wealth and luxury but eventually found that worldly comforts and security do not guarantee happiness. He was deeply moved by the suffering he saw all around and resolved to find the key to human happiness. When he was 29 he left his wife and child and set off to sit at the feet of the great religious teachers of the day to learn from them. They taught him much but none really knew the cause of human suffering and how it could be overcome. Eventually, after six years study and meditation he had an experience in which all ignorance fell away and he suddenly understood.

From that day onwards, he was called the Buddha, the Awakened One. He lived for another 45 years in which time he travelled all over the northern India teaching others what he had discovered. His compassion and patience were legendary and he had thousands of followers. In his eightieth year, old and sick, but still happy and at peace, he finally died.

(to be continued...)





Nguyễn Giác dịch và bình

Vạn Pháp

*Tất cả pháp chẳng sanh
Tất cả pháp chẳng diệt
Nếu hay hiểu như thế
Chư Phật thường hiện tiền.*

TRẦN NHÂN TÔNG (1258 - 1308) – Bản dịch HT Thanh Từ

(BÌNH: Chúng ta đã sanh ra và sẽ chết đi. Chúng ta đã sanh vài thập niên trước, và sẽ chết trong một tương lai nào đó. Vì sao các thiền sư nói vạn pháp bất sanh, bất diệt? Chúng ta đều sống trong thế giới này, có những lúc khóc buồn, có những lúc cười vui, cảm nhận hơi thở vào và ra vô tận, và thấy trẻ em sinh ra đời và người già chết đi. Làm sao chúng ta có thể nói tất cả các pháp không sanh và không diệt?

Đó là Niết Bàn, một trạng thái Đức Phật mô tả là bất sinh, bất lão, vô tác và bất tử. Đức Phật từng so sánh tánh vô thường của cuộc đời như ngọn đèn lập lòe, và nói rằng sống một ngày mà chứng ngộ cảnh giới bất tử thì tốt hơn là sống một trăm năm vô minh.

Hãy nhìn vào tâm bạn, và hãy thấy trạng thái của Tánh Không bất sinh. Hãy nhìn các niệm đến và đi, và hãy thấy tâm bất động. Hãy cứ nhìn hoài như thế.

Một Thiền Sư ở Trung Quốc thời xưa từng thổi tắt một cây đèn cầy, và vị môn đệ của ngài hốt nhiên giác ngộ. Chuyện gì xảy ra nơi đây? Hãy nhìn vào chuyện này. Hai vị sư vừa pháp đàm xong. Vị sư học trò đã đưa ra nhiều câu hỏi, nghe một số câu trả lời, rồi lui về khi trời đã tối. Vị thầy đưa cho ngọn đèn cầy đã thắp sáng. Khi vị môn đệ cầm cây nến, vị thầy thổi phụt tắt. Vị học trò hốt nhiên đốn ngộ.

Họ đã nói gì trong cuộc pháp đàm trước đó? Có phải về tâm bất sinh? Có phải về tâm bất động? Bây giờ, hãy nhìn vào cây đèn cầy. Ngọn lửa được thắp lên, và rồi bị thổi tắt; cái gì không được thắp lên, và cái gì không bị phụt tắt nơi đó? Hãy hỏi các vị sư thời xưa đó. Có phải đó là cái thấy, mà cái thấy này thì vô ngã? Hay là, khi học trò thấy sáng và rồi thấy tối, vị học trò chứng ngộ rằng trong cái thấy bất tử thì chỉ có cái được thấy thôi?)

All Phenomena

All phenomena are unborn.
All phenomena are undying.
If you see that constantly,
all Buddhas are before your eyes constantly.

TRAN NHAN TONG (1258 – 1308)

(COMMENT: We were born and will die. We were born some decades ago, and will die in a certain future. How could the Zen masters say all things unborn and undying?

We all live in this world, weep the tears of sorrow sometimes, have the laughter of joy other times, feel the breath coming and going endlessly, and see babies being born and old people dying. How can we say all things unborn and undying?

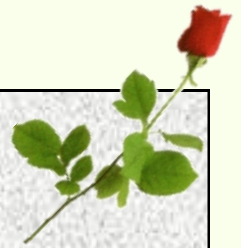
That is Nirvana, a state that Buddha referred to as unborn, unageing, unmade, and undying. Buddha once compared the impermanence of life to a flickering lamp, and said that to live a single day realizing the deathless state was better than to live a hundred years in ignorance.

Watch your mind, and see the state of unborn emptiness. Watch the thoughts coming and going, and see the unmoving mind. Keep seeing like that.

An ancient Zen master in China once blew out a candle, and his student became suddenly enlightened. What happened there? Let's see the story. Two monks had a dharma conversation. The student asked a lot of questions, heard some answers, then left when it was dark outside. The master offered a lighted candle. When the student took the candle, the master blew it out. The student became suddenly enlightened.

What did they talk in the dharma conversation? About the unborn mind? About the unmoving mind? The day was gone, and the night was coming; what was not gone, and what was not coming? Now, look at the candle. The light was lit, and then was extinguished; what was not lit, and what was not extinguished there? Ask the ancient monks. Was that the non-self seeing? Or when the student saw the light and then saw the dark, he realized that in the deathless seeing there was just the seen?)

(trích từ *Những Lời Dạy từ Các Thiền Sư Việt Nam Xưa* - Nguyễn Giác dịch và bình)



NỖI BUỒN NHỚ MẸ

Thích nữ Hạnh Thanh

Cứ mỗi độ Vu lan về lòng tôi lại trào dâng một nỗi buồn vô hạn, không diễn tả được. Mẹ tôi qua đời khi tôi vừa đúng 20 tuổi và cũng là lúc tôi là một Sa di ni. Vừa thọ giới chưa được bao lâu thì thân mẫu của tôi bệnh. Giới pháp chưa vững mà buộc lòng đành lễ xin phép Sư phụ và Đại chúng để về săn sóc Mẹ. Về đến quê thì Mẹ đã nằm điều trị tại bệnh viện Huế trước đó cả tuần. Tôi chưa kịp gặp các chị của mình, vội vã lo thu xếp lên bệnh viện để biết bệnh tình của Mẹ ra sao. Vừa vào giường bệnh thì Mẹ mở mắt ra nhìn và hai hàng nước mắt của mẹ tuôn trào làm cho tôi không tài nào ngăn được dòng nước mắt của mình và cứ để nó chảy tự nhiên.

Mới đó mà Mẹ tôi đã già từ cõi tạm này đã 27 năm. Mẹ tôi sinh năm Quý Hợi (1923) và tạ thế ngày 10 tháng 06 năm Ất Sửu (nhằm ngày 27 tháng 07 năm 1985), hưởng thọ 63 tuổi. Và tôi cũng xa quê đã 24 năm.

Vu Lan về, nhắc nhở cho những người con hiếu hạnh phải ghi nhớ ơn sanh thành dưỡng dục. Lễ Vu Lan năm nào cũng có chương trình bông hồng cài áo. Tôi nhìn chiếc hoa hồng trắng mà các em đang cài lên chiếc y vàng của Phật tôi mang mà lòng không khỏi ngậm ngùi rơi lệ.

Đã hai mươi bảy năm vắng bóng Mẹ mà lòng quặn đau như thế, làm sao không thông cảm với giáo sư Huỳnh Kim Quang với cảm niệm: Vu Lan và Niềm Đau Mất Mẹ. Giáo sư đã thổn thức: "... Đây là mùa Vu Lan đầu tiên trong đời mẹ tôi không còn. Cảm giác này chỉ khi nào tự thân mình trải nghiệm thật sự thì mới cảm nhận được trọn vẹn ra sao."

Những ngày Mẹ còn tại thế, không những chính bản thân tôi mà ngay Giáo sư Huỳnh Kim Quang cũng đã từng... Bao nhiêu năm, chỉ vay mượn cảm giác của người khác về trạng huống tâm thức của người con mất Mẹ để đưa vào cảm thức cho chính mình.

Thật sự không phải vậy. Vay mượn chỉ là vay mượn thôi. Cái ngày mất mẹ rồi đến mùa Vu Lan đầu tiên nâng cánh hoa hồng trắng cài lên ngực áo thì mới thấy được là chính mình đã mất tất cả, không

còn đậm đà như chuối ba hương, như xôi nếp một, như đường mía lau, ...

Giáo sư Huỳnh Kim Quang thì sao, tôi không rõ, riêng tôi, khi biết thương mẹ và biết mình không còn mẹ là một nỗi mất mát lớn lao làm sao? Bởi lẽ chính tôi, cũng chưa làm được gì cho Người khi còn tại thế, vì tuổi nhỏ, con út, ăn chưa no, lo chưa tới. Đến khi vào chốn thiền môn, được tu học, được Sư phụ và các bậc Tôn trưởng dạy dỗ thì Mẹ đã không còn.

Tôi còn nhớ một đoạn do Hòa thượng Thích Trí Quang giảng về phẩm kinh Vu Lan Bồn mà lòng cảm thấy ân hận khi nghĩ đến song thân, nhất là người Mẹ đã ra đi cách đây 27 năm.

Hòa thượng giảng rằng: ... "Có hai việc làm cho phạm phu được đại công đức, thành đại quả báo, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, đó là phụng sự cha mẹ được đại công đức, thành đại quả báo khi cúng dường vị Bồ tát chỉ một đời nữa là làm Phật. Vì vậy, các thầy Tỳ kheo, hãy luôn luôn nhớ mà hiếu thuận phụng sự cha mẹ."

"Các thầy Tỳ kheo, có hai người mà các thầy hướng dẫn làm điều thiện đi nữa cũng chưa trả ơn được, đó là cha là mẹ. Nếu có kẻ vai trái để cha, vai phải để mẹ đến ngàn vạn năm, cung phụng đủ cả đồ ăn, đồ mặc, đồ nằm và thuốc thang, để cha mẹ tiểu tiện đại tiện ngay trên vai mình đi nữa, cũng chưa trả hết ơn cha mẹ. Các thầy phải hiểu rằng ơn cha mẹ nặng lắm, bằng bể nuôi nấng, dưỡng dục đúng lúc, không lỡ cơ hội, làm cho ta thấy được nhật nguyệt, vì thế mà biết ơn đó rất khó trả. Do đó, các thầy phải phụng dưỡng cha mẹ, luôn luôn hiếu thuận cho đúng lúc, không lỡ mất cơ hội." (Tăng nhất A hàm, Đại tạng, tập 2, trang 601).

Trên đây là những lời đức Phật trực tiếp dạy cho hàng xuất gia.

Tuy thế, hàng tại gia mà những người con chí hiếu, có tu học chánh pháp cũng phải y như vậy mà thừa hành. Riêng hàng xuất gia, đức Phật nhấn mạnh rằng, không thể nại có chỉ lo phần hướng dẫn cha mẹ làm lành, hay nại cái cố mình là người xuất gia, mà không lo phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ cần đến mình. Nếu khi xuất gia mà cha mẹ cần đến mình, mình không đáp ứng hay cố tình lơ đi, thì thà tại gia để suốt đời phụng dưỡng cha mẹ (Trung A hàm, Đại tạng, tập 1 trang 500).

Chính ngài Trí Húc cũng dẫn lời Phật dạy: "Có hai vị Phật sống ở trong nhà các người, đó là cha và mẹ". (Tục tạng, tập 35, tờ 154a). Bởi vì kinh Bảo Tạng cũng dạy, hiếu sự cha mẹ là vua trời Đế Thích ở trong nhà các người, thực hành hiếu là chúa trời Đại Phạm ở trong nhà các người (Tục tạng, tập 59, tờ 154a), bởi vì ngay trong luật Thanh Văn Thừa đi nữa, thí dụ, thấy cha mẹ bị bắt, không cố chuộc ra, là phạm đệ thất tụ (Tục tạng tập 59, tờ 213a). Nên trong kinh Vu Lan Bồn đức Phật dẫn dụ cho ngài Mục Kiền Liên tìm cách cứu độ cho mẹ. Gương hiếu hạnh của đức Mục Kiền Liên Tôn giả được tôn xưng là: "Vạn Cổ Hiếu Danh Xưng" là vậy.

Giờ đây, với tâm niệm một Tỳ kheo ni, chỉ biết tiến tu đạo nghiệp. Tụng kinh sám sớ để cầu sám hối cho cha, sám hối cho mẹ. Noi gương đức Mục Kiền Liên để sống và làm như thế nào là đáng thích tử, cho trọn một phần làm con hiếu hạnh; là con của cha, là con của mẹ.

Nhơn mùa Báo hiếu lần thứ 2556, tôi thô thiển vài dòng nghĩ đến người Mẹ mến yêu.

*Hai tay nâng cánh hoa hồng,
Cài lên ngực áo mà lòng chẳng vui.*

Vu lan Thăng hội 2012

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN TÀU KHO TƯƠNG

Vật Liệu:

1. 2 bó bún tàu nhỏ
2. 2 miếng hamburger chay, băm nhỏ
3. 1 muống canh hành lá, xắt nhỏ
4. 1 muống canh gừng, băm nhuyễn
5. 1 muống canh tương đen cay (black bean w/garlic & hot sauce)
6. 2 muống canh nước tương
7. 1 muống café đường
8. 2 chén nước lọc

Cách Làm:

Ngâm bún tàu trong nước cho mềm, cho ra rồi để ráo nước, cắt bún ra nhỏ khoảng 4 phân. Trộn 2 muống canh nước tương, 1 muống café đường và 2 chén nước lọc, và để phần nước sauce này qua một bên.

Bắt chảo lên lò và cho vào 1 muống canh dầu ăn. Xào hamburger chay đã được băm nhỏ, xào độ 1 phút, cho 1 muống canh hành lá đã được xắt nhỏ, 1 muống canh gừng băm nhuyễn và 1 muống canh tương đen cay vào, xào thêm khoảng 1 phút nữa. Sau đó cho phần nước sauce đã chuẩn bị lúc này và bún tàu vào, để cho sôi. Vặn lửa nhỏ lại và nấu thêm khoảng 2-3 phút hoặc khi thấy nước rút hết. Lấy ra để lên đĩa và rắc vài miếng hành lá cắt nhỏ lên mặt bún tàu cho đẹp.



Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

"Trích từ trang Nấu Ăn Chay của trang nhà Trung Tâm Thiền Quán Sinh Thức tại <http://www.sinhthuc.org>".

Định nghĩa "ăn chay" và các kiểu ăn chay theo Tây và Đông phương

B.s. Đỗ Minh Hạnh

Trên mạng internet cũng như báo chí Phật giáo không thiếu những loạt bài đề cập đến vấn đề ăn chay. Ăn chay theo như lời quý thầy cô dạy bảo là vì lòng từ bi thương tất cả chúng sanh mọi loài, không muốn một sinh linh nào bị giết hại đau đớn khi biết mình đang bị đưa lên đoạn đầu đài.

Nhưng ăn chay trường cũng còn tùy cái duyên của mình, không phải ai muốn ăn chay cũng đều ăn được, ăn chay mà thèm khát được ngấm mặn thì ích lợi chi.

Tiếng Việt mình gọi những người không ăn thịt động vật (tôm, cua, cá, ốc, sò, hến, heo, bò, dê, gà, vịt, khi, chuột, chó, rắn...) là người ăn chay, những người này vẫn có thể ăn trứng gà trứng vịt, ăn bơ phô-mai làm bằng sữa bò sữa dê, uống sữa bò, ăn mật ong, và ăn bánh trái làm bằng những sản phẩm này.

Từ *vegetarian* được nhắc đến sớm nhất vào thế kỷ thứ sáu trước công nguyên ở Ấn độ và Hy Lạp.

Tại Ấn độ, chay tịnh có nguồn gốc từ Phạm ngữ chữ *ahimsa* có nghĩa là không dùng bạo lực với bất cứ một loại hữu tình nào. Ấn độ và nhiều nước Á Châu theo Phật giáo vẫn còn giữ tục lệ ăn chay suốt từ thời thượng cổ lúc bấy giờ cho đến ngày nay.

Tại Hy Lạp, Ai Cập cùng những quốc gia thời cổ đại vùng biển Địa Trung Hải, chay tịnh có ý nghĩa và mục đích của việc "tẩy uế làm sạch" (ritual purification).

Nhưng việc ăn chay ở những vùng theo Cơ đốc giáo sau này bị hạn chế rồi hoàn toàn bị bỏ rơi, mãi cho đến giữa thế kỷ thứ 19 khi Vegetarian Society của Anh quốc được thành lập lần đầu tiên năm 1847, việc ăn rau cỏ mới được nhắc nhở trở lại sau đó. Phong trào ăn rau trái bắt đầu lan rộng qua những quốc gia Châu Âu

và Châu Mỹ. Nhất là vào thế kỷ thứ 20 khi khoa học định hướng chế độ ăn chay rất bổ ích và lợi lạc cho cơ thể, dinh dưỡng, đạo đức, luân lý, môi trường, và cả cho kinh tế nữa.

Tiếng Anh phong phú hơn - họ chia chế độ ăn chay ra làm nhiều loại:

- *veganism* là những người, phần đông là tuổi trẻ, không những không ăn thịt mà không mang giày da hoặc đeo bóp ví da, họ xem vật liệu trong món ăn làm sẵn rất kỹ lưỡng, có trứng hay bơ sữa hay mật ong họ sẽ không đụng tới. Đối với tôi vegans hơi extreme, hơi quá đáng. Những người vegans nếu không khéo sẽ bị nhiều chứng bệnh thiếu dinh dưỡng, không đến nỗi nguy cơ, nhưng làm cho cơ thể mỏi mệt, thiếu năng lượng, xanh xao, ốm yếu...

- *vegetarianism* là những người ăn chay gần giống nhất với Phật giáo Đại thừa (Mahayana Buddhism). Vegetarian diet cũng chia ra ba loại:

- *ovo-vegetarian*: ăn trứng gà, trứng vịt nhưng không uống sữa hay ăn những thức ăn có chất sữa.

- *lacto-vegetarian*: ăn và uống sữa và dùng những sản phẩm làm bằng sữa, nhưng tuyệt đối không ăn trứng.

- *ovo-lacto-vegetarian*: không ăn thịt động vật nhưng vẫn dùng sữa, trứng (công nghiệp, loại trứng không thể nở ra gà con), mật ong và tất cả mọi thực phẩm làm từ những chất này. Nói đúng ra quý thầy cô và Phật tử VN mình ăn chay theo dạng này nhiều nhất.

Ngoài ra người Âu Mỹ còn có những diets khác, họ chọn cách ăn uống vì sức khỏe chứ không vì tôn giáo như:

- *semi-vegetarian*: phần nhiều họ ăn rau cỏ nhưng đôi khi vẫn dùng thịt bò thịt heo hay thịt

gà (ít mỡ màng hơn), và tôm, cá, đồ biển. Họ quan niệm hạn chế bớt, hay ăn ít thịt thả hơn sẽ giữ gìn cho sức khỏe của họ, và tránh được nhiều bệnh tật. Thật sự đúng ra họ phải dùng một từ nào khác hơn là có chữ vegetarian trong đó, nó hơi "không đúng sự thật" (misleading).

- *raw vegetarian*: những người này ăn toàn rau cỏ tươi, không xào nấu một món ăn nào.

- *fruitarian*: người ăn trái cây, và những loại hạt của cây trái, ngũ cốc, những loại đậu và những chất thiên nhiên lấy từ cây cối, nhưng không hại đến, hoặc làm chết cây cối.

- *macrobiotic diet*: những người này chỉ ăn ngũ cốc, lúa gạo, lúa mì, v.v... và các loại hạt đậu. Họ không dùng thức ăn đã được chế biến, tinh lọc, hay có chất hóa học.

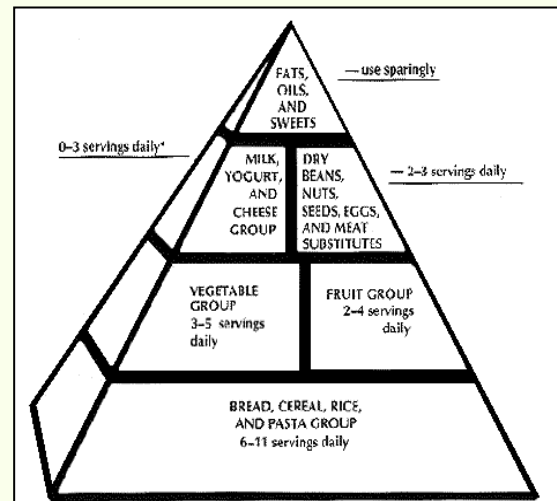
- *pescetarian*: những người này ăn rau cỏ và cá tôm.

- *pollotarian*: người ăn rau cỏ và thịt gà (thịt trắng mà thôi).

- *pollo-pescetarian*: người ăn rau cỏ, cá tôm, và thịt gà.

Ăn chay và dinh dưỡng

Những người quen ăn thịt luôn nghĩ rằng nếu bỏ thịt họ sẽ không sống nổi vì thiếu năng lượng, và sức khỏe của họ sẽ yếu dần, họ không thể sinh hoạt bình thường được trong công việc làm ăn, trong cuộc sống, và nhất là nếu họ năng nổ trong những trò chơi thể thao đòi hỏi sức mạnh thân thể.



Nhưng họ có biết đâu thức ăn chay rất bổ dưỡng cho cơ thể, ngăn ngừa được nhiều bệnh tật, tránh béo phì, v.v...

Các chuyên gia dinh dưỡng của Hoa kỳ và Gia-nã-đại (The American Dietetic Association và Dietitians of Canada) có nói:

"Bất cứ ở tuổi nào, một người ăn chay theo đúng kế hoạch thích hợp và cần thiết sẽ được khoẻ mạnh, có đầy đủ dinh dưỡng, và còn được hưởng những lợi ích trong việc ngăn ngừa và điều trị tật bệnh nữa." (*At all stages of life, a properly planned vegetarian diet is healthful, nutritionally adequate, and provides benefits in the prevention and treatment of diseases.*)

Mayo Clinic của Hoa kỳ khẳng định rằng bất cứ ai, cho dù là người lớn hay trẻ con, tuổi hưu trí hay tuổi dậy thì, phụ nữ mang thai hay nuôi con bằng sữa mẹ, v.v... đều có thể ăn chay mà không sợ hại đến sức khoẻ.

Theo các bác sĩ của Mayo Clinic, một người ăn chay cần ăn theo mô hình "vegetarian food guide pyramid" sau đây:

Tức là mỗi ngày nên ăn

- 1 phần (1 serving) chất béo (fats)
- 2 phần trái cây (fruits)
- 3 tới 4 phần rau tươi (vegetables)
- 5 phần đậu, hạt ngũ cốc, thức ăn có nhiều proteins (legumes)
- 6 phần lúa gạo (grains)

Những dinh dưỡng cần thiết

Proteins - thức ăn chay với toàn rau củ đậu hạt sẽ có chất lượng proteins chỉ kém hơn người ăn thịt một chút xíu. Lượng proteins hấp thụ được này sẽ dư thừa cho một người bình thường, và vẫn đủ cho một lực sĩ chơi thể dục thể thao. Những thức ăn có nhiều proteins là đậu nành, đậu phộng, trứng, lúa mì, đậu trắng, đậu đỏ, đậu xanh, gạo lức, v.v...

Iron /chất sắt - lượng chất sắt cũng có trong thức ăn chay nhưng có thể khó cho thân thể con người hấp thụ hơn là chất sắt tìm thấy trong thịt cá. Người nữ ăn chay thường hay bị thiếu chất

sắt nhiều hơn, cho nên có thể cần uống thêm thuốc bổ có chất sắt (vitamins with irons).

Vitamin B12 - hầu hết vitamin B12 đều từ thịt động vật mà ra. Cho nên nếu ăn trứng và uống sữa bò sẽ có đầy đủ Vitamin B12 hơn những người vegans.

Fatty acids - những loại hạt, ngũ cốc, và rau xanh đều có nhiều fatty acids, nhất là omega 3 rất bổ dưỡng cho các tế bào bắp thịt. Ngoài ra rong biển (seaweeds) và nhiều loại nấm (algae) cũng chứa nhiều omega 3 fatty acids.

Calcium - người ăn chay hay ăn mặn đều có khả năng hấp thụ lượng calcium như nhau. Tất cả các loại rau xanh đều có thật nhiều calcium.

Vitamin D - chất bổ này không có nhiều từ rau hay thịt, nhưng cơ thể con người hấp thụ và chuyển đổi vitamin D từ ánh sáng mặt trời. Hầu hết các loại sữa, cho dù sữa bò hay sữa đậu nành đều được trộn thêm chất vitamin D và calcium, vì hai thứ này nương nhau trong quá trình chế biến trong cơ thể con người.

Những chất khác cần thiết trong cơ thể đều không khác biệt mấy giữa những người ăn chay hay ăn mặn. Những thứ như chất xơ (*dietary fiber*), và những vitamins và minerals (khoáng chất) khác như folic acid, vitamin A, vitamin C, hay magnesium đều không bị thiếu nếu ăn nhiều rau đậu.

Kết luận

Có nên ăn chay không?

Ăn chay thật sự rất tốt cho cơ thể, nhưng nếu bạn nghĩ mình không thể ăn chay được, thật sự cũng chẳng sao. Chỉ cần bạn cố gắng ăn theo cái mô hình pyramid của Mayo Clinic ở trên, tức là làm sao ăn bớt thịt lại, hoặc chọn loại thịt ít mỡ, vì theo pyramid thì chỉ cần 1 serving chất béo mỗi ngày thôi là đủ sống rồi. Nếu bạn ăn một miếng steak cỡ Texas-style thì làm sao giữ chất béo ở khoảng độ một serving cho được?

Rồi thay vì cứ theo như mấy người bạn Mỹ cùng làm với tôi,

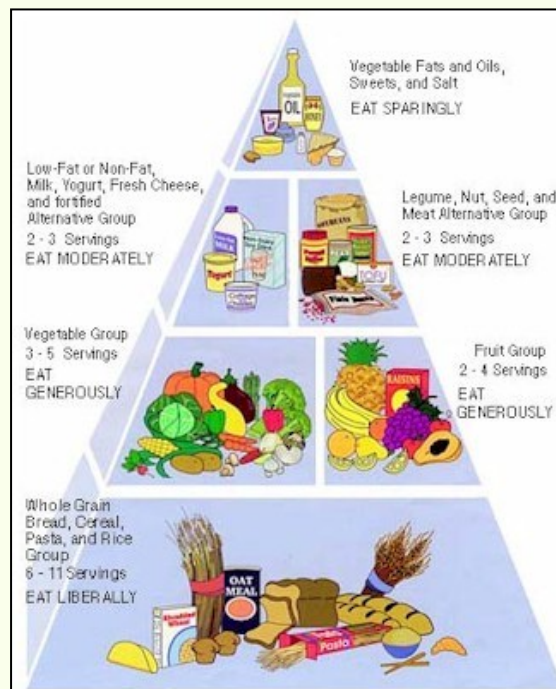
hay với tay lấy gói potato chips ăn nhảm cho đỡ buồn miệng, tại sao không chọn ăn một nắm nhỏ đủ loại nuts để nhắm nháp như pecans, almonds, peanuts, walnuts, sunflower seeds... chẳng hạn? Hay 2-ounce đậu nành tươi luộc chín (gọi là edamame do người Nhật giới thiệu đến xứ Mỹ).

Thay vì uống lon soda đầy chất đường và caffeine được tinh lọc, tại sao không giải khát bằng một ly trà xanh trong vắt làm cho thân thể mát rượi và tinh thần sảng khoái tươi tỉnh hơn.

Nếu có cái thú làm vườn mỗi mùa xuân trời bắt đầu mát rượi, ra phía sau nhà dọn một khoảng đất nhỏ, rải một vài dùm hạt cải đắng, cải bẹ xanh, mồng tơi, rau đay, rau lang, rau muống...; xới một luống tia tồ, kinh giới, húng quế, rau răm, ngò gai, thì là...; dựng một giàn dây bầu, dây bí, mướp khía, mướp hương, khổ qua...; voila... đủ để ăn suốt mùa hè, nhiều khi ăn không hết, còn phải kê nệ mang lên chùa chia cho bạn bè ăn giúp nữa.

Nhưng cái thú chiều chiều đi làm về ra vườn cắt những đợt rau lang tươi đem vào luộc chấm chao còn gì bằng... Như thế này ăn chay cả đời cũng mãn nguyện.

BS. Đỗ Minh Hạnh



MẶT TRỜI, MẶT TRĂNG CỦA TÔI

Thảo Lư

Kính dâng Mẹ

Văn học đã mượn những hình ảnh cụ thể để ví cha như vầng thái dương rực rỡ, và mẹ như ánh "trăng vàng dịu ngọt." Có khi mênh mông hơn: cha mẹ là cả một bầu trời.

Những cách ví von ấy, thật là đẹp, thật là vần vẻ. Nhưng với tôi, mặt trời mặt trăng hãy còn xa cách lắm; và bầu trời, càng mơ hồ xa xăm hơn. Đó là cách nói của người lớn, của những người đã xa cha mẹ (để lập gia đình, để lập nghiệp)... Tôi chỉ biết ba mẹ của tôi là những vị thần tiên, nhiều quyền năng, nhiều trí tuệ, nhiều sức mạnh, và trên tất cả những thứ ấy, ba mẹ có cả nguồn tình cảm vô tận dành cho tôi.

Từ thuở lọt lòng cho đến nay, tôi luôn được trầm mình và bơi lội trong suối nguồn vô tận ấy. Trên đời không có dòng suối nào mát trong khi trời nóng nực, và ấm áp khi trời giá lạnh như là dòng suối tình cảm của ba mẹ. Đến với ba mẹ, tôi được tất cả những niềm vui và nỗi bình an. Từng miếng bánh, cây kẹo, tôi vùi vỉnh thế nào cũng được ba mẹ mua cho. Đồ chơi, áo quần, giày giếp, thứ chi tôi cần cũng có. Theo ba theo mẹ lần đầu nhập học, được níu lấy tay ba mẹ là tựa như được bảo vệ bởi đấng quyền uy tối cao. Khi tôi hãi sợ bóng đêm hay những cơn thịnh nộ của sấm sét, mưa to, lửa lớn, được rúc vào lòng ba mẹ là yên tâm. Khi gặp người dữ hay ác thú, cứ nép bên ba mẹ là hết sợ. Khi bệnh hoạn, đau răng, thậm chí chỉ bị trầy xước xoang trên da, sẽ được ba mẹ an ủi, vỗ về, chăm sóc tận tình. Khi gặp hiểm nạn, khó khăn, bị người hiếp đáp, hãy mét kể với ba mẹ, vậy là mọi chuyện sẽ được giải quyết.

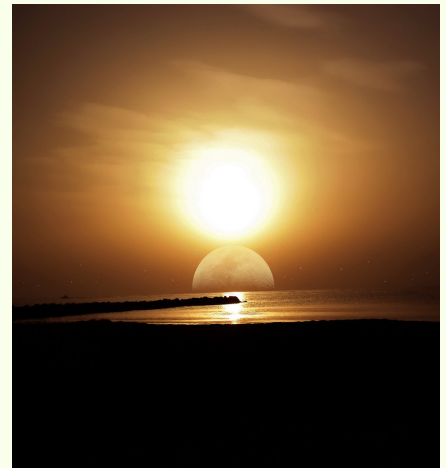
Cho nên, đã có lần khi tụng đọc phẩm Phổ Môn, nói về hạnh nguyện của đức Quán Thế Âm Bồ-tát, hiện thân cứu khổ ban vui với

tất cả những ai niệm danh hiệu và khẩn cầu đến ngài, tôi chợt liên tưởng đến ba mẹ. Hầu như cả cuộc đời tôi, ba mẹ chính là đức Quán Thế Âm Bồ-tát. Những lúc nhọc nhằn, tủi nhục, đau buồn, đắng cay, thất vọng, tuyệt vọng, cho đến những khi cảm thấy lạc lõng bơ vơ ở xứ người, hay cô đơn cùng cực giữa trường đời, thì chỗ dựa an toàn, êm mát nhất cho tôi, vẫn là hình bóng của ba mẹ thương yêu.

Tôi đã nói rằng cách ví von cha mẹ với mặt trời, mặt trăng hay bầu trời là cách nói của những người lớn sẽ khiến bạn nghĩ rằng tôi hãy còn bé thơ trong mái ấm gia đình của ba mẹ. Không đâu, tôi đã lớn, đã trưởng thành lắm rồi. Nhưng chính vì suối nguồn ấy trải bao thời gian, vẫn luôn dạt dào như năm nào khiến tôi được hạnh phúc làm trẻ thơ trong vòng tay yêu thương của ba mẹ đầy thôi.

Những gì tôi tỏ bày cũng sẽ khiến bạn nghĩ rằng tôi luôn có ba mẹ bên cạnh để nũng nịu, vùi vỉnh, để được yêu thương chăm sóc mỗi ngày. Không đâu, tôi không sống gần ba mẹ; và trên thực tế thì tôi chưa từng gặp mặt ba của mình, hoặc chỉ được nhìn ông phảng phất mơ hồ khi còn nằm nôi và chập chững bước những bước chân đầu đời của mình. Có nghĩa rằng tôi đã không được diễm phúc có một mặt trời trong suốt cuộc đời của mình. Tôi cũng không được sống gần mẹ kể từ khi mới lớn. Tôi đã đánh đổi cả mặt trăng, đánh đổi cả bầu trời còn lại của mình để chọn con đường xuất gia, hướng về chân trời siêu tuyệt khác.

Mẹ tôi, thật tuyệt vời! Mẹ không chỉ là mặt trăng, mà còn là mặt trời, thay cho ba tôi, soi sáng và sưởi ấm cho anh chị em chúng tôi thật trọn vẹn. Tôi nói chữ



"tròn vẹn" ở đây với tất cả ý nghĩa cao đẹp nhất của cuộc đời một người phụ nữ đức hạnh. Thương anh chị em chúng tôi mồ côi cha từ ấu thời, mẹ đã hy sinh cả tuổi thanh xuân, và cả cuộc đời của mình để giữ cho bầu trời trên đầu chúng tôi luôn được xanh ngát, và giữ mãi trong tim chúng tôi một mặt trời đã khuất.

Những năm sau này, khi anh chị em chúng tôi đã ổn định cả rồi, mẹ xuất gia đầu Phật và trở thành "pháp hữu" của tôi trong nẻo đạo. Tôi thực không nhớ rõ tâm trạng của mình vui hay buồn trước việc mẹ xuất gia. Đã có khi tôi tự hỏi, không biết mẹ xuất gia vì thực sự muốn thoát ly sinh tử, hay vì muốn được chia sẻ con đường khó nhọc của con mình, hay chỉ vì muốn gần gũi đứa con út mà trong mắt bà, mãi mãi là trẻ thơ! Nhưng dù mẹ xuất gia với mục đích gì, trong giới phẩm và hình thức nào, mẹ vẫn cứ là mặt trăng, mặt trời, là bầu trời của đời tôi. Sự xuất gia của mẹ, đối với những người con thế tục, có thể sẽ mang một ý nghĩa khác, nhưng với riêng tôi, là thêm một hy sinh to lớn, một món quà to lớn của mẹ để tặng con gái út của mình.

Nhân mùa Vu Lan, tôi viết những dòng này không phải để nói riêng về câu chuyện mặt trời, mặt trăng của tôi. Tôi muốn nói cùng tất cả những người con trên đời: mặt trời là có thực, mặt trăng là có thực. Dù chúng ta có nhìn hay không, có thấy hay không, mặt trời mặt trăng vẫn luôn soi chiếu và dõi theo từng bước chân của chúng ta trên cuộc đời.

SA-MÔN XÔNG GIỚI ĐỨC HƯƠNG CHƯ THIÊN NHÂN LOẠI CÚNG DƯỜNG QUY Y

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Một thời Thế Tôn an trú tại tu viện Trúc Lâm, thành Vương-xá. Bấy giờ Trưởng lão Đại Ca-diếp (Mahà Kassapa) ẩn tu trong hang động Pi-pa-li (Pippali). Sau bảy ngày đoạn thân chánh tọa, nội quán thâm sâu, đắm mình trong hương vị thiền duyệt, Trưởng lão đang từ từ xả định thì một ý nghĩ chợt đến:

- Nếu như ta khất thực quanh thành Vương-xá thì... ..

Bấy giờ có 500 tiên nữ phát nguyện cúng dường thực phẩm cho Trưởng lão Ca-diếp, nhưng Trưởng lão từ chối tiếp nhận. Sáng hôm đó, Trưởng lão mặc pháp phục chỉnh tề, tay bưng bình bát, nhứt niệm ung dung vào thành hóa duyên, hành đạo.

Lúc đó thiên chủ Đế Thích (Sakka) cũng muốn dâng lễ vật cúng dường cho Trưởng lão nên cải dạng thành một thợ dệt đang kéo sợi với Thiện Sanh (Wellborn), một thiên thần A-tu-la (Asura), cũng đang mặc thoi, luồn chỉ. Thấy Trưởng lão thả từng bước uy nghi từ xa đi tới, thiên chủ Đế Thích vội vã đứng lên, ra tiếp đón ngài. Đế Thích ôm bát, mời ngài vào nhà, đem nước cho ngài rửa tay chân, đoạn đặt thức ăn sang trọng vào bát, rồi đánh lễ và ngỏ lời cúng dường.

Bấy giờ một ý nghĩ thắc mắc lại chợt đến với Trưởng lão:

- Người này là ai mà thần lực siêu việt thế?

Và chỉ trong giây lát, ngài nhận ra gốc tích ngay:

- Đây hẳn là thiên chủ Đế Thích.

Nghĩ thế, Trưởng lão liền hỏi:

- Vì sao phải thay hình đổi dạng? Đừng làm vậy nữa nhé, thí chủ Mai Danh Kô-xi-da (Kosiya)!

- Bạch Trưởng lão, chúng con muốn tích lũy công đức; chúng con muốn vun xới phước điền.

Sau đó thiên chủ Đế Thích cáo từ Trưởng lão bằng cách cung kính đi nhiễu ba vòng quanh ngài theo chiều hướng mặt trời, rồi biến lên không trung với những lời tán dương khinh khoái:

*Vui thay được cúng dường,
Đệ tử đấng Pháp vương,
Trưởng lão Đại Ca-diếp,
Ngài ngọt giới đức hương.*

Thế Tôn đang đứng giữa chánh điện Trúc Lâm với Tăng chúng, nghe lời tán thán vang vọng trong không trung, Ngài nhìn quanh đại chúng và nói:

- Này các thầy Tỳ-kheo, hãy ngấm nhìn thiên chủ Đế Thích đang lượn người trên không kia!

- Thiên chủ đang làm gì vậy, bạch Thế Tôn?

- Đế Thích đã thay hình đổi dạng, cúng dường phẩm vật cho Trưởng lão Đại Ca-diếp, và giờ đây đang hưng phấn tán dương vang vọng khắp trời.

- Bạch Thế Tôn, làm sao Đế Thích biết Trưởng lão mà dâng lễ vật cúng dường?

- Các thầy thấy đấy, cả thiên thần lẫn nhân loại đều tỏ lòng tôn kính và sẵn sàng hiến dâng lễ vật cúng dường cho Trưởng lão Đại Ca-diếp.

Nói xong, Thế Tôn cất lời tán thán:

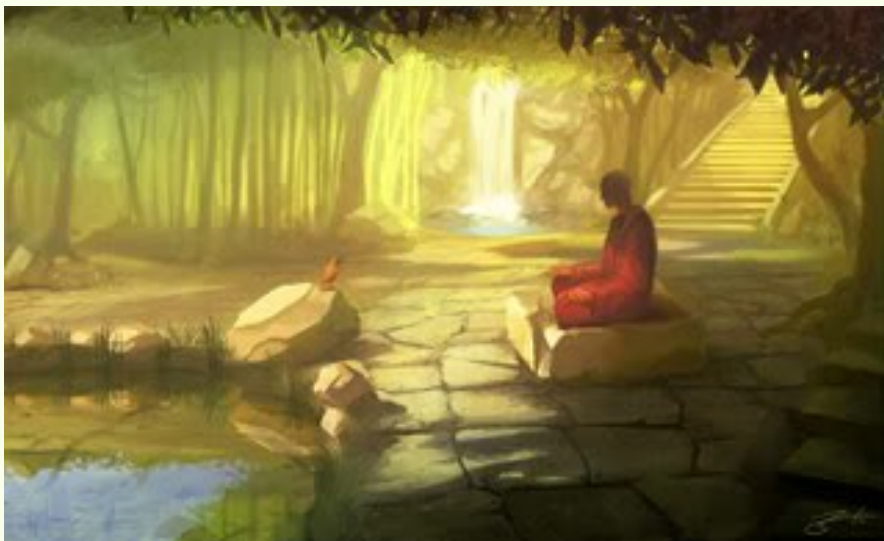
*Tỳ-kheo tu khổ hạnh,
Thường quán pháp cúng
dường,
Như thuốc nuôi huệ mạng,
Chư thiên cũng tán dương.*

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn tiếp:

- Này các thầy Tỳ-kheo, chính vì hương vị đức hạnh mà thiên chủ Đế Thích thân cận và cúng dường Trưởng lão Đại Ca-diếp đó vậy.

Ngài đọc kệ:

*Hương chiến đàn, già la,
Chưa phải là thơm phức,
Hương người có giới đức,
Xông ngát cả chư thiên.*
(PC. 56)



LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **HT. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**

Giải Cứu Đứa Con Của Long Vương

Ngày xưa, có một vị bác sĩ già tên Tôn. Ông rất hiền lành, và nhất là có lòng thương yêu loài vật.

Vào một ngày mùa thu đẹp trời, trong khi ông đang đi dạo chơi ngoài làng, thỉnh thoảng ông gặp hai đứa trẻ nhỏ bắt một con rắn. Chúng đùa giỡn với nó và con rắn quá mệt dữ gần như sắp chết. Ông Tôn không muốn nhìn thấy con rắn chết, cho nên đã móc túi lấy tiền ra mua con rắn nơi mấy đứa nhỏ. Rồi ông mang con rắn ra gần bờ ao và thả cho nó bò đi.

Vài ngày sau, khi ông đang ngồi đọc sách nghiên cứu. Ông thiu thiu ngủ thì mơ thấy một người mặc áo màu xanh lục bước vào nhà và bảo bác sĩ Tôn đi theo ông ta. Người lạ mặt dắt ông Tôn đến một lâu đài tráng lệ. Và ông không biết rõ nơi đó là ở đâu.

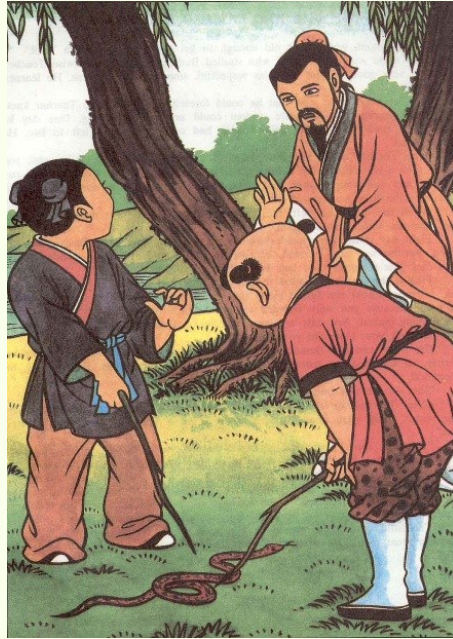
Khi bác sĩ Tôn và người hướng dẫn ông bước vào cái phòng lớn, một nhân vật quan trọng tiếp đón ông Tôn và nói: "Đứa con của tôi đi ra ngoài chơi, nếu ngài không cứu giúp nó, thưa bác sĩ, tôi sợ rằng con tôi đã không bảo toàn được mạng sống."

Rồi ông ta bảo những người giúp việc dọn tiệc đãi ông khách quý. Dùng tiệc xong, người cha lấy tặng đồ nữ trang và châu báu cho ông Tôn, nhưng bác sĩ đã không nhận vật gì hết. Người cha năn nỉ, và ông Tôn biết mình hiện giờ đang ở đâu, cho nên cuối cùng ông nói: "Tôi được biết tại Cung Điện Thủy Tinh của Long Vương này, ngài cất giữ nhiều vị thuốc thần diệu có thể chữa lành các thứ bệnh nhẹ và nặng mà người đời mắc phải. Nếu ngài có lòng tốt trao truyền cho tôi một vài toa thuốc đặc biệt của ngài để tôi cứu chữa cho các bệnh nhân khổ đau thì đó sẽ là hành động phước đức vô cùng."

Người cha hóa hiện thành vị Long Vương, lấy ngay mấy tấm thẻ bằng ngọc có ghi khắc 36 toa thuốc và trao cho ông Tôn.

Sau khi nhận các toa thuốc quý, bác sĩ Tôn trở lại công việc nghiên cứu. Ông giật mình thức dậy và nhận biết rằng mọi việc xảy ra vừa qua chỉ là một giấc chiêm bao.

Nhưng điều ý nghĩa nhất là từ đó về sau, khi bác sĩ Tôn khám bất cứ bệnh nhân nào, dù bệnh của họ có nặng đến đâu, họ vẫn được tức khắc chữa lành. Nhờ vậy mà bác sĩ Tôn đã cứu chữa được nhiều, rất nhiều bệnh nhân đau khổ.



Saving The Dragon King's Son

Once there was an old doctor named Sun. He was very kind, especially to animals.

While he was taking a stroll outside the village one fine autumn day, he happened to see two kids who had captured a snake. They were playing with it, and the snake was so exhausted that it was almost dead. The old man couldn't bear to see even a snake die, so he got some money out of his pocket and bought the snake from them. Then he took it to the edge of the pond and let it go.

A few days later, he was sitting in his study. He dozed off. Before long, he saw a man dressed in green come in and ask Sun to go with him. Sun went, and the man took him to a very awesome palace.

Sun didn't have any idea where he was.

When Dr. Sun and his guide came into the main hall, a very important looking man came out and addressed Sun, saying, "My son was out playing. If you hadn't saved him, sir, I am afraid that my son wouldn't have gotten away with his life."

Then he had the servants serve a feast for their honored guest. After the feast, the father presented jewels and treasures to Sun, but the doctor didn't want any. The father insisted, so finally Sun said, "I have heard that in the Crystal Palace of the Dragon," for by now he had figured out where he was, "there are many extraordinary medicines which can cure all ailments and diseases which people contract. If you would be so kind as to transmit a few of your special prescriptions so that I might save suffering people, that would be an act of great merit."

The Dragon King, as the father turned out to be, immediately got out jade tablets inscribed with 36 prescriptions. He gave these to old Sun.

After he received the prescriptions, Dr. Sun returned to his study. He woke with a start. He realized it had just been a dream.

But the funny thing is that from then on, whenever he treated a patient, no matter how serious the patient's illness was, the patient was cured immediately. In this way, Sun saved many, many suffering people.

DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: **Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

5 BUDDHIST STORIES CHUYỆN PHẬT GIÁO

The Fishmonger's MAKING GOOD FRIENDS

The Buddha and Ananda were begging in a city. They passed a fishmonger's. The Buddha said, "Ananda, touch the rope where the fish are hanging and smell your fingers."

Ananda did this and said, "It smells awful!"

The Buddha said, "This is the same with making friends, if you mix with bad people, you will become bad. This is like the smell from the rope in the fishmonger's."

Next, they passed a spice shop. The Buddha said, "Ananda, touch the spice wrapper and then smell your fingers." Ananda did this and said, "My fingers smell very nice."

The Buddha said, "This is the same with making friends. If you mix with good people, you will be a good person. This is like the nice smell you got from the spice wrappers."

If you mix with good and honest people, you will be a good person. If you mix with lazy and bad people, you will be a bad person.

Cửa hàng bán cá KẾT BẠN TỐT

Đức Phật và Ananda đang đi khắp thực trong một thành phố. Họ đi ngang một cửa hàng bán cá. Đức Phật nói, "Ananda, con hãy sờ vào cái dây đang treo cá rồi ngửi những ngón tay con."

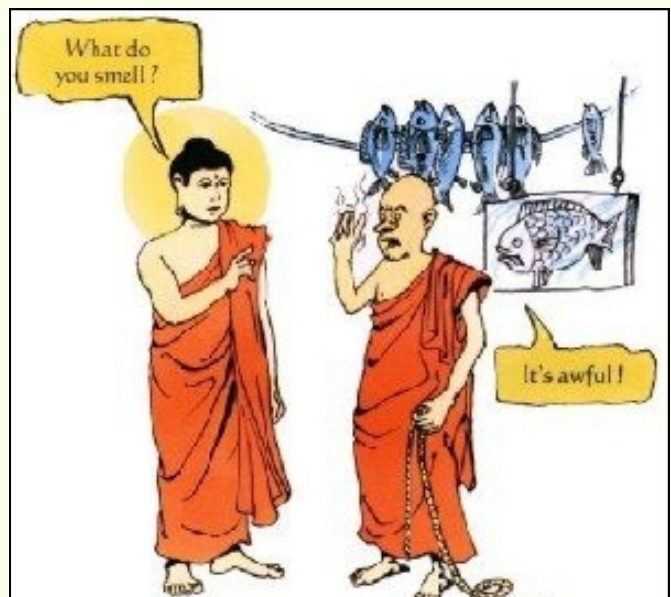
Ananda làm theo như vậy và thưa, "Mùi này ngửi ghê sợ quá!"

Đức Phật nói, "Việc này cũng giống như việc kết bạn, nếu con kết hợp với người xấu, con sẽ trở nên xấu xa. Tương tự như cái mùi của sợi dây trong cửa hàng bán cá."

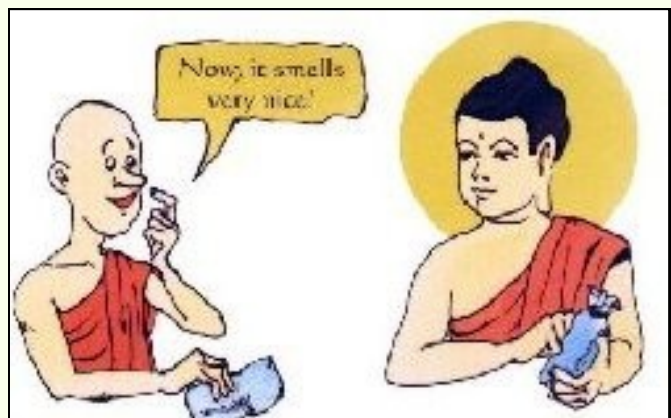
Kế đó, hai người đi qua một tiệm bán hương liệu. Đức Phật nói, "Ananda, hãy sờ vào những giấy gói hương liệu và rồi ngửi những ngón tay con." Ananda làm theo như vậy và thưa, "Những ngón tay của con ngửi rất thơm tho."

Đức Phật nói, "Việc này cũng giống như việc kết bạn. Nếu con kết thân với người tốt, con sẽ trở thành một người tốt lành. Nó giống như cái mùi thơm tho dính ra con từ những giấy gói hương liệu vậy."

Nếu em kết bạn với những người tốt lành và thật thà, em sẽ trở nên một người tốt. Nếu em kết bạn với những người lười biếng và xấu xa, em sẽ trở thành một người xấu.



(What do you smell? It's awful!
Con ngửi thấy thế nào? Thưa mùi đó kinh khiếp quá!)



(Now it smells very nice!
Thưa bây giờ mùi này ngửi thơm tho quá chừng!)

The Fox and the Otters
DO NOT BE SELFISH

A fox's wife wanted to eat some fresh fish. The fox tried to find some for her near the river. He saw two otters at the river dragging along a big fish. Both wanted the best parts of the fish.

The fox watched them for a short time. Then he went up to ask if he could divide the fish for them. The otters were delighted.

The fox divided the fish into three pieces. He gave the head to one otter and the tail to the other. While the otters were thinking how the fox would divide the best part of the fish, the fox ran away with it. The otters had only themselves to blame for being so selfish.

Do not be selfish, share with others.



Đêm Ở Núi

*Đêm ở núi tâm hồn thành hiền triết
Quên nhỏ nhen để thấy ánh trăng sao
Gió đại ngàn ngấm vào từng suy tưởng
Hương lan rừng xoa dịu những thương đau*

*Đêm ở núi chột đáy lòng an định
Tiếng chuông khuya ngân từ cõi vô tâm
Và lời kinh đến từ miền vĩnh tịch
Trái tim đập từng khoảnh khắc nghìn năm...*

*Về phố chợ mang theo đêm ở núi
Giữa bon chen, cười nói bỗng nhân từ
Đã cung thỉnh Vô Cùng vào hữu hạn
Thì sá gì những được mất hơn thua.*

TUỆ THIÊN - LÊ BÁ BÔN

Con cáo và các con rái cá
KHÔNG NÊN ÍCH KỶ

Vợ của một con cáo muốn ăn một ít cá tươi. Con cáo cố kiếm tìm một ít cá cho vợ ở gần dòng sông. Cáo nhìn thấy hai con rái cá ở bên sông đang kéo lê theo một con cá to. Cả hai đều muốn đòi những phần cá tốt nhất.

Cáo rồi nhìn hai con rái cá một lúc. Rồi cáo đi tới và hỏi xem cáo có thể phân chia cá giúp cho chúng không. Hai con rái cá đều ưng ý cả.

Cáo phân chia con cá ra làm ba phần. Cáo đưa phần đầu cho một con rái cá này và phần đuôi cho con rái cá kia. Trong khi hai con rái cá đang suy nghĩ xem cáo sẽ chia phần cá ngon nhất như thế nào, thời cáo đã chạy đi với cái phần đó. Cả hai con rái cá chỉ còn cùng nhau tự trách cứ mình vì đã ích kỷ như vậy.

Không được ích kỷ, nên chia sẻ với những người khác.

TRÍ TUỆ: SINH MỆNH CỦA ĐẠO PHẬT

Đào văn Bình

Nhân đọc bài viết về tiểu sử và sự nghiệp hoằng pháp của Tôn Giả Ca Chiên Diên (Maha Katyayana) một trong mười đại đệ tử của Đức Phật nổi tiếng là **"biện luận đệ nhất"** đăng trên trang mạng Hoằng Pháp Hà Nội tôi không nén được xúc động và không thể không bày tỏ lòng tôn kính tốt độ đối với một vị bồ tát, một đạo sư thật vĩ đại đã đi đúng mạch sống của Phật Giáo, đi đúng giáo lý của Đức Phật và xứng đáng đại diện Phật nói trước đại chúng trong một số pháp hội. Bằng lý luận đanh thép, bằng chứng nghiệm bản thân, Tôn Giả Ca Chiên Diên đã dùng ánh sáng trí tuệ chiếu rọi vào tận cùng của sự vật, những khúc mắc của chuyện đời, cội nguồn khổ đau của nhân thế, đâu là thánh thiện, đâu là bợn nhơ, đâu là đạo giải thoát rốt ráo và đâu là con đường phải theo. Và những điều đó đã thuyết phục và chuyển hóa lòng người.

Trước đây qua giáo lý của Đức Phật chúng ta hiểu rằng Đạo Phật là đạo xây dựng trên nền tảng trí tuệ, tức dùng sự giác ngộ, hiểu biết và sức mạnh của lý trí để giải quyết vấn đề tâm linh của con người cùng những vấn nạn của xã hội mà không dựa vào Thần Linh. Đây là sự kiện lạ lùng và chấn động vì khi đó Bà La Môn Giáo đang thời cực thịnh mà Brahma (Thượng Đế) là điểm tựa duy nhất để giải quyết mọi vấn đề. Trong quá trình tu chứng 49 ngày cuối cùng, Đức Phật không dựa vào thần quyền, không cầu nguyện van vái. Mà Ngài đã trải qua những chặng đường chuyển hóa nội tâm "chứng được quả Túc Mệnh Thông tức thấy rõ tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới. Đến nửa đêm Ngài chứng được quả Thiên Nhãn Minh, thấy được bản thể của vũ trụ và nguyên nhân cấu tạo của nó. Đến

canh tư Ngài chứng được quả Lưu Tận Minh, rõ biết nguồn gốc của khổ đau và phương pháp diệt trừ đau khổ để giải thoát khỏi sinh tử, luân hồi." (1) Và cuối cùng Ngài vẫn còn phải chiến đấu với những níu kéo ghê gớm của Ái - Dục vốn gắn chặt với kiếp người, biểu hiện qua cuộc chiến đấu với Ma Vương.

Trong suốt 45 năm hành đạo, thu nhận, dạy dỗ đệ tử, Đức Phật chỉ nói về những gì Ngài trải qua và chứng đắc, không thêm, không bớt và không giữ lại cho mình bất cứ điều gì. Giáo pháp của Ngài là một kho tàng tư tưởng nhân bản, lý luận phong phú, dùng ẩn dụ, dùng toán học, khúc triết, có dẫn chứng, có so sánh để khai mở trí tuệ. Ngoài danh hiệu "Đấng Từ Phụ", Đức Phật còn là một triết gia, một nhà giáo dục, một tâm lý gia vĩ đại mổ xé những khúc mắc tâm lý của con người.

Từ những điểm thù thắng và hi hữu nói trên, qua cuộc đời bằng xương bằng thịt của Đức Phật, qua công hạnh và việc hoằng pháp của các đệ tử của Ngài, chúng ta có thể rút ra những đặc điểm của Phật Giáo như sau:

a) Đạo Phật không dựa vào Thần Linh, phép màu nhiệm để xây dựng nền tảng giáo lý của mình. Đạo Phật trực chỉ nhân tâm, lấy con người làm gốc, lấy sức mạnh của con người - tức bộ óc - tức trí tuệ của con người - để giải quyết những vấn đề của con người. Hạnh phúc do con người kiến tạo. Khổ đau do con người tự gây ra cho nhau và cho chính mình. Khi dùng trí tuệ làm nền tảng thì ai cũng như ai, mọi người đều bình đẳng vì ai cũng đều có trí tuệ, ai cũng có Phật tánh. Khi dùng Thần Linh làm nền tảng thì con người trở thành

tôi tớ cho Thần Linh. Tầng lớp trung gian với Thần Linh sẽ trở thành Thánh và có quyền sinh sát, có quyền quyết định vận mệnh của con người bởi vì chỉ có tầng lớp trung gian này mới có khả năng tiếp cận hoặc là đại diện chân chính của Thần Linh mà thôi.

Trước khi gặp Phật, nhờ sự thông thái đặc biệt mà Tôn Giả Ca Chiên Diên đã có thể đọc được tấm bia đá viết bằng cổ ngữ do vua của Thành Ba La Nại đào được mà người đời cho rằng đó là văn tự của Đấng Phạm Thiên (Thượng Đế). Dù đọc được nhưng Tôn Giả không sao tìm ra lời giải đáp. Tấm bia viết như sau:

Vua của các vị vua là ai?

Thánh của các bậc thánh là ai?

Thế nào là người ngu?

Thế nào là người trí?

Làm sao xa lìa được dơ bẩn?

Làm sao chúng đạt được niết bàn?

Ai chìm đắm trong biển sinh tử?

Ai tiêu dao tự tại trong cõi giải thoát?

Dù đã đi vấn hỏi Nhóm Lục Sư là những nhà thông thái nhất lúc bấy giờ, họ cũng không tìm ra lời giải đáp. Cuối cùng, nhờ lời dẫn của người cậu là Đạo Sĩ A Tư Đà (Asita) trước khi qua đời, Tôn Giả đã phải tới thỉnh hỏi Đấng Đại Giác và sau đây là giải đáp của Đức Phật:

Vua của các vua là vị thiên vương cung trời thứ sáu.

Thánh của các bậc thánh là đức đại giác Phật Đà.

Để cho họ minh làm ô nhiễm là người ngu.

Có khả năng tiêu diệt mọi phiền não là người trí.

Dứt bỏ được tham sân si thì lìa được dơ bẩn.

Hoàn thành được giới định tuệ thì chúng niết bàn.

Còn vướng mắc vào ngã và pháp là còn chìm đắm trong biển sinh tử.

Thấy rõ được pháp tánh duyên khởi thì tiêu dao tự tại trong cõi giải thoát. (2)

Lời giải đáp không hề dựa vào bóng dáng của thần quyền, không huyền hoặc, hoàn toàn thuần lý, rõ ràng và bày tỏ sự chứng đắc rốt ráo của đấng Đại Giác, khiến cho "những bóng mờ vẫn ẩn núp

trong tâm trí ông từ bấy lâu nay đều bị ánh sáng trí tuệ quét sạch.” (3) Và đây là nguyên do khiến Tôn Giả tới dành lễ qui y và trở thành đệ tử của Đức Phật, từ bỏ danh vọng, quyền thế cao tột của dòng dõi Bà La Môn.

b) Đạo Phật không dựa vào những thiên tai dịch họa như núi lửa, động đất, sóng thần, hạn hán, lụt lội, bệnh tật hoặc những tai họa do chính con người gây ra như chiến tranh v.v... để minh chứng cho sự hiện hữu của Thần Linh để rồi từ đó hù dọa, khuyến dụ con người tôn thờ Thần Linh và đi theo đạo tôn thờ Thần Linh. Đạo Phật đi lên từ những khổ đau của con người trong đó thiên tai, dịch họa chỉ là một trong những khổ đau của con người. Chính bản thân Đức Phật khi còn là thái tử đã phải đối đầu với những khổ đau như Sinh, Lão, Bệnh, Tử mà giáo lý của thần giáo đương thời, thậm chí thân phụ ngài, dù là một quốc vương cũng không sao giải quyết được. Ngài từ bỏ cung vàng điện ngọc ra đi không phải đi tìm thiên đàng, không phải để tu luyện phép mầu mà chỉ để giải quyết những khổ đau của chính mình và của nhân thế. Do đó Đạo Phật là đạo diệt khổ. Khổ Đế là khởi nguyên của Đạo Phật. Cứu cánh của Phật Giáo là giải thoát khỏi khổ đau, giải thoát khỏi sự thống ngự của thần quyền, giải thoát khỏi Tham-Sân-Si là nguyên do của bao thảm họa xảy ra trên cõi đời này. Dĩ nhiên khi đã diệt hết khổ thì chúng ta hạnh phúc. Niết Bàn chỉ là trạng thái mà con người đã xa lìa tất cả các phiền não chứ không phải là cuộc sống ở một cung trời nào đó. Do đó, trong Đạo Phật, bất cứ ai tự xưng mình là thánh thần mà còn nhăn nhó, khổ đau, van nài, kêu cứu... thì đó là chỉ là phàm phu chứ không phải thánh thần. Vì không tôn thờ Thần Linh, không tôn thờ Tự Ngã cho nên cứu cánh của Phật Giáo không phải là sự thờ phượng. Nếu chúng ta có thờ Phật cũng chỉ để tôn thờ một bậc thầy vĩ đại để từ đó đi theo giáo lý của Phật, để được hạnh phúc như chính Phật. Truyện về quảng đời hoằng pháp của Ngài Ca Chiên Diên kể rằng: (4)

“Một lần nọ, khi Đức Phật trở về quê hương Ca Tỳ La Vệ để giáo hóa. Trong số tăng chúng đi theo có Tôn Giả Ca Chiên Diên. Phật và đại chúng tạm trú tại thôn Hạ Ly. Trong thời gian lưu trú tại đây, một hôm, trong thôn có một vị trưởng giả lâm trọng bệnh. Ca Chiên Diên muốn đích thân đến dùng Phật pháp để tiêu trừ bệnh khổ cho ông ta.

Tôn Giả đến trong lúc vị trưởng giả đang nằm trên giường bệnh. Tôn Giả hỏi thăm:

- Thưa trưởng giả! Đức Thế Tôn nghe nói trưởng giả không được khỏe nên sai tôi đến thăm. Chẳng hay trưởng giả đã cho mời thầy thuốc đến chữa trị chưa?

Vị trưởng rất cảm động trả lời:

- Con xin cảm ơn Đức Thế Tôn và đại đức. Bệnh của con đã đến lúc quá nặng rồi, không còn hi vọng gì chữa được. Rất nhiều thầy thuốc đều đã bảo như vậy.

- Vậy xin trưởng giả hãy chuyên tâm quán niệm Tam Bảo, mong nhờ uy đức lớn lao của Tam Bảo mà tâm ý của trưởng giả được thanh tịnh, rồi bệnh sẽ thuyên giảm.

- Thưa đại đức! Con qui y Tam Bảo với hi vọng được hộ trì Tam Bảo để đảm lại lợi lạc cho nhân gian. Con nên hiến cúng cho Tam Bảo những gì mình có chứ đâu dám yêu cầu nọ nự Tam Bảo!

- Trưởng giả nói rất đúng! Cõi thế gian là vô thường, chúng ta không thể nào yêu cầu Tam Bảo làm cho ta được thường trú mãi mãi. Thân thể phải bị bệnh tật, chúng ta không thể nào yêu cầu Tam Bảo làm cho ta khỏe mạnh suốt đời. Người có đức tin vào Tam Bảo lúc nào cũng hi sinh cá nhân để xây dựng cuộc sống chung. Bệnh hoạn, đau khổ của cá nhân, chúng ta hãy biết tự lo lấy chứ đâu có dám làm phiền đến Phật Pháp Tăng, nhưng thưa trưởng giả, sức người thì có giới hạn mà ánh từ quang của Tam Bảo thì trải khắp mọi nơi, nếu chúng ta thành tâm cần cầu thì ánh từ quang ấy sẽ rọi chiếu đến.

Nghe lời khuyên của Ca Chiên Diên, vị trưởng giả hàng ngày chuyên niệm Tam Bảo. Ông cảm thấy thân tâm dần dần trở nên an

lạc và bệnh tình cũng ngày càng thuyên giảm.”

Lời khuyên của Tôn Giả thật nhân bản, hợp tình, hợp lý. Dĩ nhiên Tam Bảo không thể chữa lành bệnh cho ai.

Ai nói rằng Phật Pháp Tăng có thể chữa lành bệnh cho tất cả mọi người thì đó là sự lừa mị. Thế nhưng nếu chúng ta chú tâm nhiếp niệm Tam Bảo thì thân tâm chúng ta thanh tịnh, nghị lực tăng trưởng. Có thể vì thế mà chúng ta lướt qua được bệnh tật. Đó cũng là phương pháp tâm lý trị liệu của thời đại ngày hôm nay.

c) Đạo Phật không dùng tình cảm để thuyết phục ai. Vì Đạo Phật nhằm khai mở trí tuệ cho con người cho nên Đạo Phật không lợi dụng tình cảm yếu đuối, không lợi dụng những hoàn cảnh khổn khó của người để truyền đạo. Đạo Phật luôn luôn đến với con người khi con người sáng suốt nhất. Đạo Phật là sự bừng nở hoa tâm, giã từ sự ích kỷ, giã từ gian tham, giã từ tật đố, giã từ bóng tối, giã từ kiêu mạn, giã từ cái hữu hạn để tìm về nơi vô hạn. Do đó có thể nói **“Nếu bạn mở cánh cửa Trí Tuệ ra, bạn sẽ thấy Đạo Phật. Nếu bạn khép cánh cửa Trí Tuệ lại, bạn sẽ không thấy Đạo Phật.”** Đạo Phật không dùng ơn nghĩa để truyền đạo. Trong khi người ta đói khát mình cho người ta một bát cơm đó là cử chỉ đẹp, nhưng lợi dụng bát cơm đó để dụ người ta vào đạo là một hành vi cưỡng ép và ngay trong cử chỉ “cho” đó đã ngầm chứa một âm mưu, một thủ đoạn bất chính. Đạo Phật là đạo **“phá tà hiển chính”**. Chúng ta có thể cam đoan rằng không một tu sĩ Phật Giáo nào có can đảm làm thế. Nếu họ làm thế thì họ là tín đồ của “Ma Giáo” chứ không phải Phật Giáo và họ nên cởi áo của Như Lai để đi theo một tôn giáo khác. Chúng ta hãy xem Tôn Giả



Ca Chiên Diên hóa độ một người đàn bà nô lệ bất hạnh:

"Một hôm, sau khi hành hóa ở A Bàn Đề, Ca Chiên Diên lên đường trở về Tịnh xá Kỳ Viên ở Thành Xá Vệ. Giữa đường, tôn giả trông thấy một thiếu phụ ôm một vỏ nước, ngồi khóc lóc thảm thiết bên bờ sông, tình cảnh có vẻ rất thương tâm. Sợ người thiếu phụ vì quá thất ý mà có thể nhảy xuống sông tự tử, tôn giả vội vàng đến hỏi thăm:

- Thưa bà! Có chuyện gì làm bà đau khổ đến nỗi khóc lóc thảm thương vậy?

Nghe có người hỏi, thiếu phụ càng khóc to thêm:

- Thôi ông hỏi han làm gì, dù có nói cũng vô ích thôi!

- Thưa bà! Xin bà cứ nói! Tôi là đệ tử của đức Phật. Tôi có thể giúp bà giải quyết được bất cứ vấn đề khó khăn nào.

- Ông không có cách nào giúp tôi đâu! Ông thấy không? Trên thế gian đây đầy những hoàn cảnh không bình đẳng, người giàu kẻ nghèo cách biệt một trời một vực! Tôi là một kẻ nghèo mạt rệp, suốt đời chịu khổ, và cũng vì cái nghèo đã đem đến cho tôi quá nhiều đau khổ nên hiện giờ tôi không còn muốn sống làm gì trên cõi đời này nữa!

Nói xong mấy lời ấy thì thiếu phụ vật vã lẫn lộn như có ý muốn liều mình. Tôn giả hoảng hốt, vội nhanh chân đứng chặn trước mặt thiếu phụ, rồi thương xót an ủi:

- Thưa bà! Xin bà đừng quá thất vọng như vậy! Bà hãy bình tâm nhìn lại thử xem, trên đời này người nghèo nhiều lắm chứ đâu phải chỉ có một mình bà! Lại nữa, người nghèo không hẳn là bất hạnh, mà người giàu cũng không hẳn là có hạnh phúc. Bà thấy không! Có những người giàu có, nhà cao cửa rộng, ruộng đất tênh thang, kẻ ăn người ở đầy nhà, nhưng họ hàng ngày cứ bị các tính xấu như tham lam, sân hận, ganh ghét giay vỏ, đó mới là đau khổ, đó mới là bất hạnh. Cho nên làm người, chỉ cần có được cuộc sống bình an là tốt nhất, còn cái nghèo đâu đáng để cho ta đau buồn!

- Bởi vì ông là một vị sa môn nên cứ đứng vững với sự thế, chứ

kẻ tục như tôi thì đâu được như vậy. Ông biết không? Tôi nguyên là kẻ nô lệ của một nhà đại phú hào ở vùng này. Quanh năm suốt tháng tôi chỉ biết làm nô dịch cho người, không có một chút thì giờ rảnh rỗi nào, thế mà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại còn bị người chủ tham tàn bạo ác, hờ một chút là mắng chửi đánh đập, khiến cho bọn tôi tớ chúng tôi, muốn sống cũng không được mà muốn chết cũng không xong! Tôi nghĩ, sở dĩ tôi bị hành hạ như vậy là chỉ vì cái nghèo mà ra, sao ông lại bảo cái nghèo không đáng để làm cho người ta đau khổ?

- Thôi thì cứ cho là bà có lý, nhưng dù sao thì tôi cũng khuyên bà đừng đau buồn nữa. Tôi sẽ chỉ cho bà cách thức chẳng những thoát được cái nghèo mà còn phát tài nữa.

Nghe vậy, thiếu phụ lật đật lau nước mắt, hỏi dồn:

- Cách gì, thưa đại đức?

- Giản dị lắm! Bà đã bị cái nghèo làm cho đau khổ, sao bà không đem cái nghèo ấy bán cho người khác đi?

- Đại đức nói đùa sao chứ! Cái nghèo mà bán được thì hóa ra trên đời này chẳng còn ai nghèo cả? Và lại, có ai mà lại chịu mua cái nghèo!

- Tôi chịu mua, bà hãy bán cho tôi đi!

- Cái nghèo lại có thể bán được, và cũng có người như đại đức chịu mua, nhưng rất tiếc là tôi không biết bán nghèo bằng cách nào!

- Bằng cách bố thí, thưa bà! Bà nên biết rằng, sự giàu nghèo của mọi người đều có nguyên nhân. Sở dĩ người ta nghèo là vì kiếp trước người ta tham lam keo kiệt, không biết bố thí và tu phước. Sở dĩ người ta giàu có là vì kiếp trước người ta biết bố thí và tu phước. Cho nên, bố thí và tu phước là cách tốt nhất để bán nghèo mua giàu.

Nghe mấy lời khai thị của tôn giả, thiếu phụ bỗng cảm thấy như tâm trí mình vừa được khai sáng, dù vậy, bà vẫn còn có điều thắc mắc:

- Thưa đại đức! Bây giờ thì con thấy tâm trí con đã được

sáng tỏ. Con hiểu được lời dạy của đại đức rồi, nhưng con vốn dĩ rất nghèo, không có bất cứ vật gì gọi là của riêng; ngay cả cái vỏ nước này cũng là của người chủ tham lam độc ác ấy, con đâu biết lấy gì để cúng dường cho đại đức!

Ca Chiên Diên đưa cái bình bát của mình ra trước mặt thiếu phụ:

- Không nhất thiết phải có tiền bạc hay của cải mới bố thí được. **Mỗi khi thấy người khác khổ thì mình khởi niệm hoan hỷ, đó cũng là bố thí rồi.** Hiện giờ bà có thể trút nước trong cái vỏ bà đang có sang bình bát này cho tôi. Thế tức là bà bố thí cho tôi đó!

Tới đây thì thiếu phụ hoàn toàn tỉnh ngộ. Từ đó bà nguyện luôn y theo lời dạy của tôn giả mà thực hành, và không còn thấy bị đau khổ vì cảnh nghèo nữa." (5)

Thưa quý vị, làm sao một vị sa môn đi chân đất, ôm bình bát khất thực, dù trí tuệ siêu việt như thế nào đi nữa, lại có thể chuyển hóa một cấu trúc xã hội bất công chẳng chặt từ trên xuống dưới trùm phủ cả ngàn năm rồi? Và người đàn bà bất hạnh này chỉ là nạn nhân của cấu trúc xã hội bất công đó. Nhưng chẳng lẽ thấy chết, thấy người ta khổ mà không cứu? Nhưng cứu làm sao đây? Do sự linh hoạt và minh mẫn khác thường, Tôn Giả đã nảy ra ý nghĩ "mua nghèo" tức rước lấy cái nghèo cho người đàn bà bất hạnh. Có thể đề nghị này đã làm cho người đàn bà phì cười. Nhưng cũng nhờ cái **tức cười** đó mà tâm trí bà bừng sáng, như nở tâm hoa và một thứ ánh sáng chiếu rọi vào đầu óc và chuyển hóa tâm thức. Bà không còn cảm thấy nghèo hèn và khổ đau nữa: Một chuyển hóa tâm thức trong hòa bình, không làm khổ mình và khổ người, không cần sự trợ lực hay quyền phép của thần linh.

d) Đạo Phật không dùng quyền lợi vật chất trước mắt, cũng như ảo tưởng về một cuộc sống bất tử để





TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

dụ dỗ con người. Những người đi theo Phật đều vứt bỏ quyền lợi, danh vọng tốt đỉnh của thế gian như bao bậc vua chúa,

đại thần, tì phú, những nhà tiên tri, các vị Bà-la-môn tầm tiếng thời Đức Phật còn tại thế. Theo Phật hay theo Đạo Phật không phải để được thăng quan tiến chức, đặc quyền đặc lợi kinh tế, ăn trên ngồi trước, hoặc là cái mốc che, cái vỏ đạo đức để vênh vang trong xã hội. Đạo Phật lại càng không phải là cái "mode" hay phong trào để theo. Mode hay phong trào giống như kiểu cạo đầu tóc, quần áo, vẽ môi vẽ mắt ồn ào đó rồi quảng bỏ đó. Theo Phật hay theo Đạo Phật là mong muốn trở thành Toàn Chân, Toàn Thiện, Toàn Mỹ, bơi lội trong biển Trí Tuệ, tắm mát trong suối Từ Bi và rong chơi trong vườn Giải Thoát, là người nhưng biết thương người và bình đẳng với muôn loài. Đạo Phật là như thế đó.

e) Đạo Phật không dựa vào lời sấm truyền, huyền thoại, lời tiên tri để xây dựng giáo lý của mình. Trong suốt cuộc đời hành đạo, Đức Phật không hề để lại một lời tiên tri, phỏng đoán nào về vận mệnh của con người và trái đất... mà Đức Phật chỉ nói về nhân duyên và pháp vô thường của vạn hữu, thể hiện qua bốn giai đoạn Thành, Trụ, Hoại, Diệt mà ai cũng có thể chứng ngộ và thấy được qua bao ngàn năm. Tương lai của trái đất tốt xấu thế nào xin để cho các khoa học gia, các nhà bác học cho ý kiến. Mới đây Stephen Hawking - lý thuyết gia lừng danh về vật lý của Anh đã tuyên bố trong cuốn sách mới của ông là Thượng Đế không sáng tạo ra vũ trụ mà "Sự Nổ Lớn" (Big Bang) là hậu quả tất yếu của định luật vật lý. Nếu năm xưa Đức Phật nói rằng vũ trụ này do Thượng Đế (Brahma) tạo lập, ngày nay chắc hẳn giáo lý của Đức Phật bị suy giảm nghiêm trọng.

g) Đạo Phật không dùng bạo lực, giết hại, kỳ thị để ép buộc con người đi theo. Khi tôn thờ Thần

Linh thì có yêu ghét, cao thấp, sang hèn, đúng sai, phần nộ, trừng phạt...do đó có đe dọa, ra oai, trả thù, đàn áp, giết hại. Khi dùng trí tuệ chiếu vào thì vạn pháp "bất bần bất phú, bất cao bất đê, bất phàm bất thánh, bất ái bất ố, bất tịnh bất cấu, bất tăng bất giảm..." khiến Trí Tuệ lắng yên và Tâm Đại Bi hiển lộ. Chúng ta hãy đọc một giai thoại hoằng pháp của Tôn Giả Ca Chiên Diên:

"Một lần nọ, khi đức Phật ngự tại Tịnh Xá Kỳ Viên (Jetavana), Ca Chiên Diên đã một mình vượt rừng rậm đi về hướng Tây, đến du hóa ở Vương Quốc Ma Du La. Khi đến nơi, trước hết tôn giả tìm hiểu dân tình và học hỏi phong tục, tập quán cùng cách thức sinh hoạt của dân địa phương. Sau đó tôn giả mới tìm vào kinh thành để yết kiến quốc vương. Trông thấy tôn giả, quốc vương hỏi:

- Đại đức! Trẫm nghe nói đại đức vốn thuộc dòng giống Bà La Môn cao quý, nhưng lại đi qui y làm đồ đệ của Sa Môn Cồ Đàm vốn thuộc dòng giống Sát Đế Lợi; như vậy chẳng hóa ra là đại đức đã tự hạ thấp mình quá sao?

- Thưa đại vương! Làm đệ tử Phật, chẳng những tôi không cảm thấy tự hạ thấp mình, trái lại đó là điều vinh quang cùng tột của đời tôi.

- Lại lòng thật! Bỏ đi cái chủng tộc thanh tịnh sinh ra từ miệng Phạm Thiên của mình để làm đệ tử của ông Phật dòng Sát Đế Lợi thì có ai mà hiểu nổi!

Dù vị quốc vương tỏ rõ thái độ kính rere như vậy, nhưng tôn giả không lấy thế làm khó chịu, vẫn ôn hòa đáp lại:

- Thưa đại vương! Trước đây, khi còn là một đạo sĩ Bà La Môn, tôi cũng đã từng có cái nhìn giống hệt như đại vương vậy, nhưng từ khi nghe được những lời chỉ dạy của Đức Phật, tôi mới biết là mình đã có những nhận thức đầy sai lầm. Xã hội phân ra có bốn giai cấp khác nhau chẳng qua là vì có các chứng nghiệp khác nhau, đại khái như tôn giáo, chính trị, thương nghiệp, công nông v.v.... Đó chỉ là vấn đề phân công làm việc, tự chúng

không có cao thấp, sang hèn. Nếu y cứ vào đó để lập thành các giai cấp cao thấp, phân chia chủng tộc sang hèn thì hoàn toàn là những lợi dụng vô lý và phi pháp. Bất cứ ở giới nào cũng có người tốt kẻ xấu. Ngày nay, ngay trong dòng Bà La Môn cũng đầy đầy những phần tử làm nhiều việc xấu xa như tà dâm, giết người, và hầu hết đều là những người bảo thủ, tà kiến. Vậy có thể bảo đó là những người tôn quý bậc nhất hay sao. Bởi thế, sự tôn quý hay thấp hèn của con người không phải do chủng tộc hay giai cấp cao thấp sinh ra. Bất luận là ở chủng tộc nào, hễ ai biết làm việc tốt, có công phu tu học, có giác ngộ và chứng quả thì đều là người trong sạch, cao thượng, đáng tôn quý.

Quốc vương nghe xong mấy lời này thì bừng tỉnh ngộ, tự nói với mình: "Đúng rồi, ta thật quá sai lầm! Bao nhiêu nhà tù trong nước từ trước đến giờ chỉ dành để giam cầm hạng Thủ Đà La, còn hạng Bà La Môn phạm tội thì không hề hấn gì cả. Thật chẳng lấy làm lạ, tiếng oán than đầy đầy trong dân chúng!"

Lòng hối cải đã lộ rõ trên nét mặt quốc vương. Thấy thế, tôn giả thuyết phục thêm:

- Thưa đại vương! Vì vậy mà đại vương nên tin phụng và thực hành chánh pháp. Phật là bậc đại giác ngộ, là bậc chí tôn trong đời. Chúng ta qui y làm đệ tử của Người để tìm thấy con đường tự do giải thoát. Đó là hạnh phúc và vinh quang tột của đời chúng ta." (6)

Sáng suốt và linh hoạt thay lời giải đáp của Tôn Giả Ca Chiên Diên. Chính sự phân tích có tính khách quan và hợp lý đó đã đem lại công lý, bình đẳng cho Vương Quốc Ma Du La và xác định rõ một khuôn thước thẩm định giá trị của con người qua phẩm hạnh đạo đức, qua những gì tốt lành cống hiến cho đời...vẫn còn xác quyết cho tới ngày hôm nay.

h) Theo Đạo Phật, tôn giáo là nhằm giải thoát tâm linh cho con người, san bằng bất công xã hội, giải trừ giai cấp. Tôn giáo không phải là một nghề nghiệp sinh sống, không phải là một chức vụ để trả lương, không phải là một vị

thơ

NGUYỄN THỊ MINH THUY

Giao mùa

trên xa lộ, thoáng bàng hoàng
khởi xe như loãng giữa làn thu phong
hoa lau nở, trắng một vùng
phát phơ gió sớm mịt mùng heo may
nắng/mưa dột nổi tình dài
một mùa thu vẫn còn hoài dấu xưa

ơn ai, trời biếc, mây đưa
ơn ai, hơi giá cho vừa nhớ nhau
nhớ ai, sáng biển dạt dào
chiều xiên nắng núi, đêm sao lưng đeo
một mùa yêu đã cho nhau
nụ cười chia, sót khổ đau cũng nhiều

nợ tình mỏng, mà nặng đeo
mỗi thu như mỗi ngày theo tuổi đời
hơi may gọn, nhắc bồi hồi
một bờ mây, đã, cuối trời quan san.

Sớm thu

buổi sáng mùa thu bắt ngỡ về phố
chở buồn ren rén quá giang
chở kỷ ức xa
chở mát mát chìm
chở nổi dầy vò mù mờ không tên
chở những ước mơ chưa từng rõ nét
trên cỗ xe heo hút
cuối con đường vô phương quay ngược

tan rồi những ngày nắng
tàn rồi mùa hè hôm qua
mùa xuân lùi thật xa
không còn mùa đông
cũng không cả những mùa thu cũ

con đường thời gian, cho dẫu
chợt mang mang sắc màu quá khứ
nhưng hồi ời
vĩnh viễn
là cuộc hành hương cô đơn thiên lý một chiều!



thể để hưởng thụ. Tu sĩ phải là biểu tượng sống động của giáo lý cao thượng. Tu sĩ không phải là một đẳng cấp siêu vượt trong xã hội. Tu sĩ phạm giới ngoại trừ sự trừng phạt của giáo đoàn (nay là giáo hội), nếu phạm tội, phải chịu sự chi phối của luật pháp không một miễn trừ nào. Nếu người đời xâm phạm tiết hạnh, hãm hiếp phụ nữ trẻ em, bị trừng phạt như thế nào thì tu sĩ cũng bị trừng phạt như thế. Sở dĩ tu sĩ được cúng dường và kính trọng là vì phẩm hạnh chứ không phải vì địa vị, phẩm trật trong giáo hội. Tu sĩ chân chính không thể cười nói nhõn nhõ, ăn mặc diêm dúa, nháy múa, hớn hở bên rượu thịt...bởi vì những cái đó thuộc về thế tục, không phải thánh đạo để mọi người sùng bái, quý lạy, dựng tháp miếu để kính ngưỡng. Chúng ta hãy nghe một đoạn đối đáp của Tôn Giả Ca Chiên Diên với người

bạn Lỗ Ê Giá – một trưởng giả của dòng Bà La Môn:

“Này người bạn hiền, xin hãy nghe lời tôi nói! Tín ngưỡng và sự tu hành của chúng ta là nhằm mục đích giải thoát khỏi vòng sinh tử, để cho cuộc sống đạt được an lạc, tự tại. Chúng ta đừng xem đó là một thứ nghề nghiệp để sinh sống. Hiện nay, những tu sĩ Bà La Môn lại bỏ gia đình để sống theo nếp sống phạm hạnh của người tu hành chân chính phỏng có là bao! Mà phần đông họ đều chỉ có cái hình tướng trá ngụy ở bề ngoài, cúng lễ tế tự cho người giống như việc kinh doanh để sinh nhai, lấy tôn giáo làm cái chiêu bài để tranh dành đoạt lợi, cốt thỏa mãn cái tư dục của mình; thật là đáng buồn! Tu sĩ Bà La Môn ngày nay đều lo tìm những thứ gì ở ngoài Tâm, cũng chẳng phải mong cầu phước báo ở cõi Trời hay cõi

Người, mà chỉ toàn nói hươu nói vượn về những hiện tượng này nọ của vũ trụ, nào có mấy người biết chính mình là ai!” (7)

i) Sau hết, Đạo Phật là đạo duy nhất hoan nghênh mọi sự cất vãn, tranh luận mà không sợ bị sa hỏa ngục hay can tội “phạm thánh”. Phạm trù của lý trí là phạm trù cần tranh luận, bàn cãi cho ra lẽ. Nếu vấn đề đã thuộc về lý trí thì con người có thể hội, có thể hiểu và lý giải được. Phạm trù của lý trí không có ngăn mé, không cấm kỵ, không biên giới, không phân biệt tuổi tác, vị thế, màu da, chủng tộc. Chính vì tôn trọng trí tuệ cho nên một trong ba lời nguyện mà chư tăng/ni và Phật tử đọc tụng hằng ngày có câu:

Tự quy y Pháp
Xin nguyện chúng sinh
Thấu rõ kinh tạng
Trí tuệ như biển
Như vậy theo tinh thần của

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Phật Giáo, đọc tụng, nghiên cứu kinh điển là để mở mang trí tuệ rộng lớn như biển cả, chứ kinh điển Phật Giáo không phải là một thứ bùa mê làm lu mờ trí tuệ, lú lẫn con người.

Còn phạm trù thần linh thì không có tranh luận, lý giải mà chỉ là sự tuân phục và tin theo - dù rất phi lý và phi trí tuệ. Hễ không tin thì phải sa hỏa ngục. Trong Đạo Phật, không hề có lời hăm dọa nào buộc tín đồ phải tuân theo lời Phật dạy. Lời Phật dạy giống như một viên thuốc trị bệnh, không uống thì không hết bệnh, chỉ có thế. Đức Phật luôn luôn nhắc nhở hàng đệ tử cùng ngoại đạo đến vấn hỏi là phải suy nghĩ cho thật kỹ những gì Phật nói. Nếu những điều đó tốt lành cho mình, cho người thì mới tuân theo chứ đừng vội tin một cách mù quáng. Trong những giờ phút cuối cùng trước khi Đức Thế Tôn nhập diệt tại rừng Sa La Song Thọ, dù sức khỏe của Ngài rất suy yếu nhưng Ngài vẫn dành những giây phút cuối để cho các hàng đệ tử thừa thĩnh nhiều vấn đề chưa hiểu rõ hoặc còn hồ nghi. Thậm chí có rất nhiều vị bồ tát đã vận hỏi, cất vấn, đặt ngược vấn đề với Phật mà Phật vẫn vui vẻ

giải đáp thỏa đáng. Hãy cứ xem Kinh Đại Bát Niết Bàn thì rõ.

Từ những nhận định trên chúng ta có thể kết luận rằng Đạo Phật được xây dựng trên nền tảng Trí Tuệ và Phật Giáo là đạo của Trí Tuệ. Cũng giống như Mặt Trời chính là ánh sáng. Nền tảng Trí Tuệ chính là sinh mệnh của Phật Giáo. Khi Mặt Trời tắt thì ánh sáng không còn. Xa lìa trí tuệ, bám víu vào hiện tượng trăng sao, mưa gió của trời đất, khấn nguyện phép màu, van vái Thần Linh, mê hoặc bởi những lời sấm truyền vu vơ...hướng ngoại mà không hướng nội... là giết chết Phật Giáo trên tự thân của nó. Thế nhưng nói Trí Tuệ thì phải hiểu đó là Trí Tuệ Rốt Ráo, Trí Tuệ Bát Nhã, Trí Vô Sai Biệt hay Đại Viên Cảnh Trí. Khi đạt tới loại Trí Tuệ này rồi thì Tâm Đại Bi hiển lộ. Trong Đạo Phật, Trí Tuệ và Từ Bi như hình với bóng. Bi là Trí mà Trí cũng là Bi. **Mất Trí Tuệ thì mất Đại Bi. Mất Đại Bi thì cũng mất Trí Tuệ.**

Vậy thì bạn ơi,
Hãy tôn thờ trí tuệ của con người
Nó như ngọn đuốc soi đường
Nó như bình minh trong đêm tối
Nó là nền hòa bình trong tương lai của nhân loại

Nó là nơi mà chúng ta có thể kết tình huynh đệ

Vậy hãy tin nơi sáng suốt của chính mình

Sự sáng suốt do nhận thức những gì chung quanh ta

Do cuộc sống này nảy sinh

Do kinh nghiệm học hỏi từ quá khứ

Từ những bậc thầy giác ngộ (8)

Đừng tin những gì ở thần quyền

Qua sự diễn dịch của tầng lớp trung gian

Đừng tin những gì nơi thần linh, ma quỷ

Đừng vội tin những gì người ta nói

Đừng vội tin những lời truyền tụng vu vơ.

Đào Văn Bình

(1) Phật Học Phổ Thông

(2), (3), (4), (5), (6) & (7) Bài

"Mười Vị Đệ Tử Lớn Của Phật"

đăng trên mạng lưới Hoàng Pháp

Hà Nội

(8) Đức Phật là một vị đã giác ngộ và sau này tất cả những ai liễu ngộ được chân lý của Đức Phật và tin theo cũng đều là các bậc giác ngộ

thơ

Tâm bình

Tiếng tiêu réo rắt du dương

Tâm bình nên chẳng vấn vương sự đời!

Cành Ngô chim Phượng

Cây ngô đồng đứng đợi

Phượng vẫn mãi phiêu bồng?

Ai cũng có Phật tánh

Nhưng chỉ biết ngóng trông

Không tham thiền tu niệm

Bờ giác cách muôn trùng!

Bùn và Sen

Nơi bùn... sen vẫn nở

Chẳng chê quý hay hèn

Giữa bùn... hương vẫn ngát

Lấy tinh thức mà xem

Cuộc đời phàm lẫn thánh

Thánh-phàm cũng tại ta

Ngày đêm hành Chánh Pháp

Bước theo đường Thích Ca!

LAM NGUYỄN



**PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG DO TỔNG VỤ CƯ SĨ GHPGVNTNHK VÀ TỔNG HỘI CƯ SĨ
TỔ CHỨC TẠI NGHĨA TRANG PEEK FAMILY NGÀY 15 & 16.9.2012**



**PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG DO TỔNG VỤ CƯ SĨ GHPGVNTNHK VÀ TỔNG HỘI CƯ SĨ
TỔ CHỨC TẠI NGHĨA TRANG PEEK FAMILY NGÀY 15 & 16.9.2012**



PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG

Thích nữ Giới Định

Trong khoảng không gian vô tận, thời gian đến rồi đi qua nhanh, một ngày thật có nhiều ý nghĩa, nếu mình biết sống đúng trọn vẹn một ngày thì thật là hạnh phúc. Cám ơn đất trời một buổi sáng thức dậy có thêm một ngày để yêu thương, để trân trọng tình cha nghĩa mẹ, tình anh chị em bằng hữu, để thương yêu vạn loại chúng sanh. Một ngậm nước ta đang uống cũng mang ơn mạch nguồn suối sâu từ lòng đất mang đến, hít một hơi trong lành cảm niệm bầu trời trong xanh, thầm cảm ơn một làn gió mát xua đi những nóng bức trưa hè, cơn mưa đầu hạ cho cây cỏ thêm sức sống. Nhất cử nhất động đều thọ ân dù là trực tiếp hay gián tiếp, là đồng loại hay vạn loại sinh linh, luôn mang tâm niệm thọ ân để sống sao cho vừa đủ một con người.

Với tâm từ bi cứu khổ của Ngài Đại Nguyên Địa tạng Vương bồ Tát trong chốn u minh, phát đại nguyện **"Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sanh độ tận phương chứng bồ đề"** nghĩa là, địa ngục trống không thì Ngài mới thành Phật, độ tận hết thảy chúng sanh Ngài mới chứng thành đạo quả. Cũng vì hạnh nguyện đó mà đến nay ngài vẫn còn là vị bồ tát hành đạo trong khổ cảnh, vì ác nghiệp của chúng sanh bao giờ mới cùng tận đây!

Trong mùa nắng hạ, vào những ngày giữa tháng 9, con đường dẫn vào Peek Family Funeral Home nhộn nhịp lạ thường. Chuyện gì đang diễn ra ở đây, các bạn biết không? Pháp Hội Địa Tạng Đại Lễ Trai Đàn Giải Oan Bạt Độ và Chấn Tế Cô Hồn tổ chức ngày thứ Bảy 15-9 đến Chủ nhật ngày 16-9-2012 do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Tổng Hội Cư Sĩ kết hợp với nhà quản Peek Family Funeral Home tổ chức đàn tràng siêu độ

lần đầu tiên. Đàn tràng thi thiết nhằm cứu độ chư hương linh, cầu nguyện tất cả nhờ Pháp Phật nhiệm mầu, sự gia trì chư Đại Tăng, lòng hộ niệm của những người thân, bằng hữu mà chư vị hương linh anh linh, chiến sĩ trận vong, anh hùng liệt nữ, đồng bào tử nạn, thập nhị loại hà sa cô hồn, hữu danh vô vị, hữu vị vô danh, sứt sảo tảo thương sa lặc bất tường mộ phần thất tích, đẳng chúng, được thấm nhuần mưa pháp, mà vãng sanh miền tịnh cảnh.

Buổi chiều ngồi lắng đọng tâm tư, tâm hồn thanh tịnh gởi lòng mình vào cõi vô hình, chung quanh những ngôi mộ thật bình an bên cạnh những xáo động của một thành phố ồn náo nhất của Cali. Chỉ cách một bức thành mà bên trong này thật an lành, êm đềm hình như những náo nhiệt của bên ngoài không còn ảnh hưởng gì đến các vị nằm ở đây, bình thản, an nhiên, tự tại... Xa rồi những trần trở tính toán của một kiếp người, xa rồi những đau khổ của tật bệnh, của tranh giành hơn thua, bình an thật bình an. Ở quê nhà mỗi lần đi thăm mộ thân nhân nhìn những ngôi mộ thật sợ, có mộ thì nguy nga như một lâu đài biểu trưng sự giàu có, có những ngôi mộ nép bên vệ đường, tấm bia nghiêng ngã không thân nhân chăm sóc; có những ngôi mộ mưa gió xối mòn, không người vun đắp có thể nhìn thấy quan tài ở bên dưới; có những ngôi mộ người ta đi dẫm đạp trên đó lâu ngày như một con đường mòn, không còn nhìn ra được ngôi mộ, thê lương, điêu tàn, thương

tâm. Một nhà thơ đã xúc cảm *"Tìm đâu cho thấy cổ nhân,
Lấy câu vận mệnh xoay vần nhớ thương"*

Những ngôi mộ ở đây người ta thiết kế cho mình cái nhìn thoải mái, đi trong nghĩa trang như đang đi trong công viên mát mẻ không làm cho người khác có tâm niệm sợ ma, mặc dù ít người thấy ma nhưng ai cũng sợ ma. Những người thân thương đang sống cạnh mình chỉ mới tắt hơi đã gọi là ma rồi, thật đáng buồn thay! Những ngôi mộ ở đây gần giống nhau có khác chẳng là tùy mỗi gia đình trồng thêm cây cảnh hoặc trang trí lồng đèn, đồ chơi, nhất là ở khu vực của các thiếu nhi nhìn thật vui mắt, như một thế giới tuổi thơ đang hiện hữu.

Ở nghĩa trang không phân biệt lớn nhỏ, giàu nghèo, học thức hay ít học, tùy theo nghiệp cảm mà thọ mạng có ngắn dài khác nhau. Sám nguyện thiển gia Việt Nam có câu *"Chớ để tuổi già rồi học đạo, mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh."* Có những ngôi mộ hăng mấy mươi năm, có những ngôi chưa đầy một tháng, có người hưởng thọ gần thể kỷ, có người mới sinh ra một ngày. Không ai biết được ngày mai mình sẽ như thế nào, nhưng lại có người căn tánh khó gieo trồng chủng tử Pháp Pháp, khuyên nên tu tập thì họ cho rằng còn nhỏ mặc dù đã hơn nửa đời người, tóc đã chấm muối tiêu, lưng cũng hơi còng, mắt không còn thấy rõ... Nhưng nghiệp lực chúng sinh biết nói gì đây?



Tưởng chừng trong ngọn gió chiều thì thầm, các oan hồn uống tử phảng phất trên cành cây ngọn cỏ, trên những cây cổ thụ, bên ghềnh đá rong rêu; những hương linh vô danh, nép bên vệ đường khi chưa có được một danh xưng, đang vui mừng gọi nhau, rủ nhau cùng đến Pháp Hội mở rộng tâm thức, giải tỏa nghiệp chướng, hướng về Tam bảo cầu sám hối...

Thứ Bảy chính thức khai mạc lễ lúc 2: 30 chiều. Trưởng ban tổ chức Thượng tọa Thích Thánh Minh, sám chủ lễ thượng phan Hoà thượng Thích Từ Diệu, chư thượng tọa, đại đức trong ban kinh sư, quang cảnh trang nghiêm, cảm động, ẩm cúng, rất đông chư tôn Hoà thượng, thượng tọa, đại đức tăng ni, quý đồng hương Phật tử, thân bằng quyến thuộc tham dự. Giờ hành lễ bắt đầu, mỗi người một tâm hướng về người quá cố, góp một lời cầu nguyện, phụng thỉnh chư hương linh anh linh nương theo pháp lực đồng đến được pháp hội thọ hưởng cam lồ pháp vị. Khung cảnh trai đàn bạt độ thanh tịnh trang nghiêm từ chư Tôn Hoà thượng trưởng lão chứng minh, sám chủ; chư thượng tọa đại đức trong ban kinh sư, ban công văn, ban nhạc lễ; ban tổ chức có nhiều vị tăng ni, thân hào nhân sĩ của Phật Giáo, các vị mạnh thường quân cùng chung một lòng chung lo Phật sự quan trọng này. Đây là một nghĩa cử vô cùng cao quý của người đang sống hướng về người quá cố, nhất cử nhất động, chư tăng ni Phật tử cùng phụng tụng trọn bộ kinh Địa Tạng, do Hoà thượng chùa Phật Tổ làm sám chủ. Tiếng niệm Phật vang vọng hoà vào không gian tịch mịch, khiến người nghe ấm cả cõi lòng, cảm nhận được ân từ của pháp vị, người sống còn thể chắc cõi âm cũng đồng một cảm nhận như vậy để có nhân duyên tốt xả bỏ nghiệp thức luân hồi quay về chánh đạo.

Hoà thượng sám chủ đàn bạt độ viện chủ chùa Bát Nhã đã khai thị hướng dẫn thần thức chư hương linh cung đối Phật tiền lãnh thọ tam quy y, tất cả thân bằng quyến thuộc thay chư hương linh sám hối nghiệp chướng tiền khiên. Mỗi lời, mỗi lời của Hoà thượng tha thiết mong chư hương linh quyết tâm



phát nguyện dứt bỏ tất cả mọi quyến luyến nơi người thân, nơi ngôi mộ mình an nghỉ mà hướng về cảnh giới Đức Phật A Di Đà, một lòng cầu vãng sanh tịnh độ. Hòa hợp với năng lực tâm chú nguyện của chư tôn trưởng lão Hoà thượng chư thượng tọa đại đức tăng ni của thân bằng quyến thuộc, đồng loại tha nhân mà chư hương linh đồng đến được cảnh giới an lành.

Chiều chủ nhật lúc 2:00 giờ lễ Đại Trai Đàn Bạt Độ Chấn Tế Chư Cô Hồn, đây là buổi lễ rất quan trọng trong Phật giáo. Chư Tổ vì lòng thương xót chư âm linh cô hồn nên thiết lập khoa nghi chấn tế nhờ oai lực của Pháp Phật, sự gia trì của chư tăng mà chư hương linh sớm thoát chốn u đồ lầm than. Trên chư Đại Tăng trang nghiêm thanh tịnh giới, khai phá địa ngục cứu chúng hàm linh, xuống đến các tầng lòng cùng tha thiết sắm sanh lễ vật, hoa quả đủ màu vọng hướng muôn phương. Thiết nghĩ trong giờ phút này chư hương linh đã nghe rõ lời khai thị của sám chủ mạnh dạn dứt bỏ nghiệp thức trong chốn vô minh, không còn luyến tiếc nhè nhàng ra đi, vào một thế giới mà chính lúc này chư vị đang hướng đến, chắc chắn sẽ là một cảnh giới nhiều hạnh phúc hơn trong kiếp đã qua.

Pháp Hội Địa Tạng Đại Trai Đàn Giải Oan Bạt Độ và Chấn Tế

Cô Hồn đã thành tựu viên mãn, pháp sự châu viên, trên gương mặt mọi người đều nở nụ cười hoan hỷ. Sau buổi lễ tất cả chư tôn đức tăng ni trở về Tổng Hội Cư Sĩ dự lễ cúng dường trai tăng, chư Phật tử đồng tham dự cơm chay thân mật. Mọi Phật sự sẽ thành tựu viên mãn nếu tất cả đồng một lòng chung lo, hy vọng sang năm ban tổ chức sẽ thực hiện lần thứ hai pháp hội Đại Trai Đàn Chấn Tế cầu quốc thái dân an, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, mưa thuận gió hòa, âm siêu dương thái, pháp giới chúng sanh hữu tình vô tình đồng thành Phật đạo.

Con đường vào Peek Family Funeral Home lại êm đềm, thăm lặng. Nơi an nghỉ nghìn thu của đồng loại, nhưng nơi đây đã đánh dấu một việc làm thật trọng đại của Phật giáo Việt Nam ở Nam California nói riêng và tình nhân loại nói chung. Tình người luôn hiện hữu, luôn trang trải để xây dựng một tịnh độ an lạc tại nhân gian này, không những đối xử tốt với người bằng xương bằng thịt, mà cả những vị khuất mặt cũng rất cần sự quan tâm của chúng ta. Cầu nguyện tất cả người hiện tiền luôn an lành, người đã quá vãng tây phương hóa sanh liên đài tịnh cảnh.

Thích nữ Giới Định



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Cuộc đời của mẹ tôi tuy không sóng gió truân chuyên lắm như các dì của tôi nhưng bà góa chồng sớm, lúc mới ba mươi hai tuổi. Sáu anh em chúng tôi một lòng tôn trọng thương yêu mẹ không phải vì bà đã ở vậy nuôi con, thủ tiết thờ chồng. Chúng tôi quý phục lắm đức tính nhơn từ và sự nhẫn nhục của mẹ. Có lẽ nhờ vào đó mà bà đã có thể một mình một thân nuôi nấng gầy dựng cho chúng tôi nên người.

Hơn ai hết, tôi tin rằng anh em chúng tôi đã nhờ vào phước đức của người nên mới có thể xuống tàu vượt biển giữa mùa mưa bão mà vẫn đến nơi được.

Chúng tôi định cư ở Mỹ được sáu năm thì lo làm thủ tục bảo lãnh mẹ sang. Hai năm sau, anh em chúng tôi sung sướng đón mẹ đến từ phi trường San Francisco lúc bà đã sáu mươi lăm tuổi. Từ đó, chúng tôi thay phiên nhau nuôi dưỡng mẹ. Mùa lạnh thì bà ở miền Nam, mùa Thu ở Cali, mùa hè bay tận Washington. Nhưng phải ngồi máy bay mãi cũng ngán, bà đòi định cư mỗi chỗ vài năm. Mẹ hiện ở với tôi, con gái út của bà, lúc bà sắp sửa bước vào tuổi thượng thọ.

Thôi chợt nhớ là mình đã làm thinh hơi lâu; sợ mẹ buồn tôi đề nghị:

- Má cứ tới gặp cho biết. Lần đầu tiên bác sĩ chỉ khám thôi, nếu mình cảm thấy không tin tưởng thì không cần phải tiếp tục.

- Ờ... nhưng mà làm như vậy tội nghiệp người ta!

Tôi không thể nín cười:

- Má à! Má lo đủ thứ chuyện, bởi vậy ốm nhom. Ở xứ này bác sĩ hái ra bạc, họ không ế đâu, đừng lo giùm họ!

Thuyết phục mãi bà mới chịu đi đến phòng mạch bác sĩ. Nữ bác sĩ Cúc Lan chinh phục được bà già ngay sau lần khám mắt đầu tiên nhờ sự niềm nở, dịu dàng và chứng chạc. Tôi cũng mừng vì mẹ tôi chịu hẹn mỗi một tháng sau đó.

Nhưng có lúc bà chịu ăn, có lúc không. Mỗi khi chúng tôi mời dọn món ngon vật lạ, bà ngồi thẩn thờ, dăm chiêu. Sau nhiều lần khéo léo gạn hỏi, mẹ tôi nhỏ lệ nói: "Thấy đồ ăn ngon, nghĩ

thương mấy cậu mấy dì, các cháu ở Việt Nam. Họ bệnh hoạn còn không có thuốc men, nói gì được ăn uống phủ phê như bên này."

Thế là, ngoài việc lo tắm bổ hình vóc cho mẹ, anh em chúng tôi còn lo gửi tiền bạc, quà cáp về cho những người thân mà mẹ tôi đang bận tâm vì họ, để bà được an tâm.

Những giấy biên nhận từ Việt Nam gửi qua làm bà vui được mấy hôm nhưng sau đó, còn độ mười ngày đến hẹn thì tôi thấy mẹ tôi yếu hẳn đi, mặt mày xanh xao hốc hác, chân đi không muốn vững. Báo tin cho bác sĩ Cúc Lan hay, bà yêu cầu đưa mẹ tôi đi bác sĩ gia đình. Bác sĩ gia đình sau khi khám tổng quát, tỏ vẻ lo ngại, yêu cầu mẹ tôi phải gặp bác sĩ chuyên về tim. Thế là ngày mỗ mắt phải hoãn lại để lo trị bệnh tim mạch cho mẹ tôi.

Chao ôi, họ bắt mẹ tôi phải mang "tâm động đồ" luôn suốt bên mình để đo tim mạch một cách cụ thể và chính xác. Mẹ tôi vốn "yếu bóng vía" lại giàu tưởng tượng nên khi phải mang máy móc kè kè trong người thì bà có cảm tưởng sắp "qui tiên" tới nơi rồi. Bà xiu xuống từ từ như cái bong bóng bị xì hơi. Ăn không vô, ngủ không được, mẹ nói xa gần như trời trăn: "Tao già rồi, tới số thì chết, không sợ gì, nhưng thương những người còn kẹt bên Việt Nam..."

Nếu tình trạng này kéo dài chắc chắn là không ổn rồi. Tôi suy nghĩ dữ lắm để tìm một giải pháp. Tôi hiểu tâm trạng của mẹ tôi hiện nay: sự sợ hãi và tưởng tượng vu vơ làm cơ tim của bà làm việc không đều. Phải làm sao đánh tan kẻ thù vô hình đó thì mọi sự mới trở nên bình thường. Người già nhiều khi tánh tình trở lại giống như trẻ con. Tôi chọn phương pháp vừa khích lệ vừa khơi lòng tự ái của bà, hi vọng có thể giải quyết vấn đề. Mô Phật, nếu tôi không khéo, làm mẹ giận chắc phải đọa địa ngục.

Một hôm, lựa lúc bà ngồi xem video Thúy Nga, chăm chú theo dõi một cảnh rút trong chuyện Kiều, tôi cầm tay mẹ trìu mến:

- Mỗ mắt xong, má sẽ thấy tài tử Ái Vân thủ vai Thúy Kiều

Bác sĩ giải phẫu mắt ở thành phố Houston này không phải ít nhưng thật khó tìm một vị nào vừa ý mẹ tôi. Bà chọn bác sĩ còn kỹ hơn chọn dâu nữa kìa. Dĩ nhiên phải là y sĩ người Việt, lại cần vui tính, dễ thương, có kinh nghiệm, tay nghề giỏi v.v... Nếu được một nữ bác sĩ lại càng tốt hơn vì mẹ tôi nói người nữ khéo tay lại chịu khó...

Tôi tìm đồ mắt cũng không được một người đúng tiêu chuẩn của mẹ tôi. Nhưng cũng may, chị bạn cùng sở cho biết ở khu Sugarland có một nữ bác sĩ nhãn khoa mới mở phòng mạch. Đó là một bác sĩ nổi tiếng ở Cali, vì lấy chồng mới dọn về đây. Nhờ bác sĩ Cúc Lan mới mở phòng mạch lại, chưa có thân chủ nhiều nên tôi xin được cái hẹn cho mẹ tôi vào tuần sau, không phải chờ đợi lâu.

Báo tin cho mẹ tôi hay, bà hỏi ngay:

- Cổ bao nhiêu tuổi, con biết không?

- Con chưa gặp mặt làm sao biết được? Bộ má muốn coi tuổi có hợp không à?

Bà im lặng có vẻ buồn. Biết mình lỡ lời, tôi choàng vai mẹ cười giả lả:

- Con nói chơi mà! Bà này giỏi lắm, bạn con biết tiếng từ bên Cali. Tại mới lập gia đình, bà theo chồng về đây đó.

- Mới lấy chồng chắc chưa đứng tuổi đâu.

Tôi hiểu tính mẹ. Bà khó khăn này nọ chỉ vì bà nhất tâm: sợ bị mỗ! Tánh bà vốn sợ máu me, từ nhỏ tới lớn chưa hề lật đầu một con tép sống nói chi là làm cá hay cắt cổ gà. Thời kỳ làm dâu ở vườn, mẹ tôi cũng xấu mình vì bà con láng giềng cứ xa gần bóng gió chỉ vì mẹ tôi không dám đụng đến tôm cá sống. Nhưng nhờ ông nội tôi là người thờ Phật, biết tu hành; ông che chở biện hộ cho nên từ từ cũng yên chuyện.

hay và đẹp tuyệt!

Bà làm thính. Tôi hôn bàn tay mẹ, bàn tay này đã ẵm bồng nâng niu tôi từ nhỏ. Tôi không thấy mặt cha từ lúc sinh ra nên đối với tôi, mẹ là báu vật duy nhất trong cuộc đời.

- Mổ không đau đớn gì hết đâu, mà đừng sợ!

- Tao đâu sợ đau! Chỉ sợ họ lỡ tay làm mình mù luôn rồi nằm đó bảo hại con cháu.

- Bác sĩ nói trường hợp của má dễ lắm, chỉ lột mây ra thôi, không có cườm, thành ra kết quả bảo đảm như ý.

Bà thở dài:

- Lời Phật thiệt không sai!

Làm người khổ đủ thứ!

Tôi bạo gan nói luôn:

- Nhưng mà tùy mỗi người mà cái khổ có thể tăng hay giảm. Tưởng tượng chuyện chưa xảy ra chỉ tự mình làm khổ mình thêm thôi.

Tưởng mẹ giận, không dè bà thú thật:

- Ô, tao cũng biết vậy mà sao không dứt bỏ ý nghĩ ấy được.

Tôi vuốt mấy sợi tóc bạc lưa thưa trên trán mẹ. Bây giờ tôi chợt hiểu rằng không phải ai cũng làm chủ được ý nghĩ của mình. Tôi cũng đã từng sống trong sự khổ sở ray rứt một cách vô lý. Đó là thời gian tôi bị té gãy chân phải nằm nhà mấy tháng liền. Cách đây sáu năm về trước. Mặc dầu các con tôi vẫn ngoan ngoãn, chồng tôi vẫn đi làm giờ giấc đều đặn nhưng lòng tôi cứ nghi ngại bằng quơ. Tôi sinh ra ghen bóng ghen gió, rình ngó từng cử chỉ, suy luận từng lời nói của chồng tôi...

Biết đó là những ý nghĩ vô lý, sẵn bậy, tôi không dám thổ lộ cùng ai nhưng không dứt ra khỏi đầu tôi được. Tôi đau khổ âm thầm, phờ phạc, sút cân... làm cả nhà phải bận tâm thương về mình. Chị tôi từ tiểu bang khác lấy mấy ngày phép lái xe qua thăm.

Với chị, tôi có thể thổ lộ tâm tình một cách thành thật. Chị không cười tôi lại tỏ vẻ thông cảm. Chị chờ tôi đi chùa, khuyên tôi đọc sách và niệm Phật, tức là đừng để đầu óc rành rang quá, nó sẽ đi hoang đường và đẩy lên những ý nghĩ sẵn bậy. Chị nói:

"Thầy dạy rằng hễ cột tâm lại một chỗ thì được bằng an."

Thuở ấy tôi chưa kết duyên với Phật pháp một cách sâu đậm nhưng tôi nghe lời khuyên, cố gắng niệm Phật thường xuyên thì quả nhiên những vọng tưởng điên rồ ấy không còn quấy rầy tôi nữa.

Nhớ lại kinh nghiệm bản thân, tôi muốn giúp mẹ tôi thoát ra khỏi những sợ hãi vu vơ của bà. Tôi hỏi mẹ:

- Xâu chuỗi bồ đề của má đâu?

- Ở dưới gối.

- Mỗi ngày má lần mấy chuỗi?

- Mười, lần nhiều đau tay. Già cả, gân cốt bây giờ như khô cứng rồi.

- Ngoài việc lần chuỗi, con quên nhắc má niệm thêm danh hiệu đức Quán Thế Âm, niệm thầm cũng được. Niệm Quán Thế Âm tâm mình được vô úy, nghĩa là không sợ hãi, do đó lòng an ổn. Khi tâm má an ổn thì con chắc chắn rằng tim mạch của má sẽ trở lại bình thường, khỏi cần mang máy đo tim, khỏi cần uống thuốc.

Thấy mẹ có vẻ đồng ý, tôi nói thêm:

- Rồi thì mở mắt, dễ dàng lắm mà à. Chứng được sáng mắt má sẽ thấy trẻ lại, sẽ thấy yêu đời hơn.

Mẹ bật cười thành tiếng. Có lẽ vì bà thấy tôi dễ dàng bà như con nít.

Thấy mẹ vui, tôi nâng cả hai bàn tay gãy guộc xương xấu của mẹ lên mà hôn một cách triu mến. Mẹ xúc động. Tay bà run nhẹ trong tay tôi.

Tôi nói qua làn nước mắt:

- Má khỏe, má vui, con cũng thấy khỏe thấy vui. Má yếu xìu như vậy hoài làm con lo lắm...

Sau buổi nói chuyện ấy, mẹ có vẻ tỉnh minh hơn, dần dần sức khoẻ được phục hồi và hai tuần sau, bà đi mở mắt.

Thời kỳ "tiền giải phẫu" khó khăn như thế tưởng cũng đã xong, nào ngờ giai đoạn "hậu giải phẫu" lại có lắm chuyện cười ra nước mắt.

Ngày đầu tiên mới mổ về, mẹ nằm im ỉm, không nhúc



nhích, chẳng nói năng làm tôi lo ngại. Tuy biết rằng sau khi mổ, toàn thân đều ê ẩm và có thể bị nhức đầu nhưng thấy mẹ nằm thiu thiu như vậy, tôi e tình trạng có thể bất thường hoặc bị biến chứng. Tôi lấy phép nghỉ để tự tay săn sóc mẹ. Tôi chườm đá cho mẹ mỗi mười phút rồi đổ dành bà uống thuốc. Bác sĩ dặn thuốc phải uống khi bụng no và mấy ngày đầu cần uống thật nhiều nước. Thế nhưng bà chịu uống thuốc mà chẳng chịu ăn, ép làm chỉ uống chút sữa hay nước táo.

Tôi phải vừa giải thích, vừa "hăm dọa":

- Bác sĩ nói vết mổ sớm lành hay không là do mình ăn uống, bồi dưỡng. Mẹ không ăn, tới chừng mở băng thấy chưa lành, bác sĩ sẽ băng trở lại đó!

Nấu cho má chút cháo ăn với nước tương được rồi.

- Để con hầm xương gà lấy nước, nấu cháo thịt nạc băm cho má ăn nghe!

Mẹ nói như thều thào:

- Đừng làm gì hết, má muốn ăn chay.

- Má muốn ăn chay, con không dám cản nhưng chờ sau khi mở băng đã. Sức khỏe yếu như vậy mà ăn chay làm sao sớm lành bệnh?

- Má cứ dầu mỡ.

Niệm Nam Mô

*Niềm vui tan nỗi buồn
Có không tìm không có
Đi qua miền đất khó
Nhọc nhằn gót chân thơ*

*Chấp không ràng buộc có
Thật thà hóa ngây ngô
Ngày đông im bóng nắng
Đêm lạnh ủ tàn tro*

*Ta ra đi từ đó
Lạc lối giữa rừng khô
Ôm cây ngồi chờ thơ
Đợi đêm tàn hư vô*

thơ
KHA NGUYỆT



*Năm tháng mãi lần mò
Ngược xuôi bao chuyến đò
Bờ xa tiếng chim hót
Giật mình niệm Nam Mô.*

Thôi, tôi hiểu rồi. Vì trong máu của mẹ tôi có lượng cholesterol khá cao nên bà ăn uống kiêng cử lắm. Ngoài sáu ngày chay ăn toàn rau cải luộc, những ngày còn lại, tự tay bà nấu ăn vì không tin tưởng ai hết. Bà ít dùng dầu mỡ, cứ trứng một cách tuyệt đối và mỗi khi hầm xương nấu phở hay cháo gà, cháo vịt, bà đứng canh chừng vớt hết nước béo, màng mỡ ở trên mặt cho đến lúc chỉ còn nước trong bà mới dám dùng.

- Vậy để con nấu súp chay nghe!

- Ờ cũng được.

- Nhưng nếu bữa nào không nhâm ngày chay thì con nướng thịt, bảo đảm không có chút mỡ. Mẹ làm thỉnh, chắc bà đồng ý. Tánh bà vốn kỹ lưỡng mọi chuyện, từ những việc nhỏ nhặt như quét nhà, rửa chén cũng đã cẩn thận rồi, nói chi đến chuyện kiêng cử theo lời bác sĩ. Bác sĩ Cúc Lan dặn sau khi mổ nên cử động nhẹ nhàng và tránh cúi đầu xuống thấp vì sợ áp suất dồn vào vết mổ vốn rất nhỏ nhiệm, mong manh. Thế là mẹ tôi lúc nằm ngồi đi đứng đều giữ cổ thẳng bằng như bó bột, không dám xây qua xây lại, nói gì là cúi xuống. Sau mấy hôm như vậy, cổ

mẹ bị cứng đờ; tôi khuyên bà nên cử động bình thường, bà không nghe, tôi phải điện thoại vô phòng mạch bác sĩ hỏi lại cho rõ ràng, bác sĩ Cúc Lan cười ngất và chính bác sĩ phải nói chuyện, giải thích rõ ràng với mẹ, bà mới chịu tin.

Khi mới tháo băng, bác sĩ dặn phải đeo kính râm để tránh ánh sáng mặt trời, thế là dù ở trong nhà, hể có chút nắng rọi vào hay có mở đèn là bà đeo kính vô liễn, mà như vậy cũng chưa chắc ăn, bà còn trùm thêm cái khăn lông lên đầu nữa, cả nhà rán nín cười.

Mẹ tôi con cháu đông, tính lại hiền hậu nên ai cũng mến, vì vậy mỗi lần đau ốm, nhiều người tới lui thăm hỏi. Có người để nói chuyện, mẹ vui lắm và ai khuyên gì mẹ cũng nghe (trừ tôi ra!). Người thì nói: "dì phải cử cam, ăn cam mắt đỡ ghen!" Thế là từ lúc ấy về sau, bà chẳng đụng đến trái cam. Người khác bảo: "phải cử uống sữa tươi!" Vậy là thực đơn của bà phải gạt bỏ bớt một thứ nữa. Tôi tưởng tượng nếu bà con cô bác, nói chung là mấy "thầy lang vườn" mà vui miệng khuyên bà tuyệt thực chắc bà cũng nghe theo! Tôi ước gì có người khuyên

bà "đừng nghe lời ai hết, ngoài bác sĩ!" nhưng hai tuần trôi qua rồi mà không ai nói như vậy, kể cũng lạ.

Thông thường, hể tháo băng xong thì một tuần sau đó, mắt có thể mở bình thường, chỉ còn sưng chút đỉnh, nhưng mẹ tôi "nhát" lắm, bà không dám mở lớn, chỉ dám mở hi hí thôi cho nên trông bà tội lắm.

Nhìn dáng dấp nhỏ nhoi, ốm yếu của mẹ se sẽ di động trong nhà với đôi mắt còn sưng đỏ, lòng tôi thương cảm vô cùng. Tôi nghĩ đến số phận chung của con người: ai cũng phải trải qua những biến thiên dâu bể, chịu đựng biết bao nỗi khổ về thân cũng như về tâm để rồi đi đến cái hẹn sau cùng với thần chết. Không ai có thể thoát ra khỏi lịch trình đặng cay ấy.

Mẹ tôi đang ngồi chải tóc. Mái tóc thưa, mỏng và trắng như mây. Chẳng biết lúc nào làn mây mỏng ấy sẽ tan trong gió? Sự hiện hữu của mẹ mong manh quá! Dù tôi tin tưởng rằng người hiền đức tu hành như mẹ tôi sẽ được về Cực Lạc sống trong cảnh giới toàn vui không khổ nhưng tôi sẽ bị mất đi cái kho tàng chứa đầy thương yêu và kỷ niệm nếu mai kia mẹ không còn ở trên đời. Mẹ già quý như nắng ấm giữa mùa Đông.

Tôi lại nghĩ ngợi vẩn vơ rồi. Mẹ đang ngồi đây, gần tôi trong gang tấc, sao tôi không tận hưởng từng phút giây quý báu của hiện tại? Muốn phá tan sự im lặng đã chìm tôi trong những ý tưởng mông lung, tôi lên tiếng:

- Má à!

- Ờ gì đó con?

Tiếng nói thân quen của mẹ làm ấm cả lòng tôi. Tôi nũng nịu như thuở nào còn bé:

- Con thèm ăn hủ tiếu Mỹ Tho của má nấu!

Mẹ cười vui, giọng cười dòn dã, chứa chan hạnh phúc:

- Tưởng gì, để chừng má khỏe, má nấu cho ăn!

Vậy đó, hạnh phúc của mẹ tôi là được phục vụ con cháu và nghĩ đến người chung quanh hơn bản thân mình.

Diệu Nga

thơ

Thu về Vu Lan đến

Lá vàng rơi mùa Vu Lan đến
Con về chùa thắp nén hương lòng
Kính lạy Phật ước mong con nguyện
Áo con luôn cài đóa hoa hồng

Hạnh phúc thay sắc hồng tươi đẹp
Hoa trắng buồn thương bạn lẻ loi
Nó nhớ cha đang ngồi thút thít
Khóc mắt mẹ tủi phận mồ côi

Hoa màu vàng kính người thanh tịnh
Dứt lụy trần ra khỏi vô minh
Niềm pháp lạc lời kinh tiếng kệ
Là phép màu thoát vòng tử sinh

Hạnh nguyện lớn xuất gia học đạo
Bảo ân cha nghĩa mẹ sanh thành
Người quyết chí tu hành tinh tấn
Mau đến bờ giác ngộ độ sanh.

TRÍ BẢO - NGUYỄN TONY THUẬN

Vu Lan Báo Hiếu 2012

Gặp bạn trong mơ (*)

Đã mấy kiếp trôi trong bể khổ?
Hỏi bao năm tắm gội trần ai?
Hãy lại đây cùng nhau niệm Phật
Lai sanh mình về cõi Liên đài.

NGUYỄN THẦN

(*) Gặp cố Mục sư Nguyễn đình Dân.



Mất Anh

Nghe Anh đã qua đời
Không một lời giã biệt
Lòng em đau như thắt
Anh đã đi thật rồi

Về lại căn nhà cũ
Anh nằm yên không nói
Xung quanh có mọi người
Em vẫn thấy đơn côi

Bóng dáng người Anh yêu
Hôm nay không còn nữa
Em lặng yên không nói
Nước mắt âm thầm rơi

Nhìn thấy Mẹ đau khổ
Bên quan tài của Anh
Ôm ấp Anh lần cuối
Mẹ đã khóc thật nhiều

Còn đàn em lạc lõng
Mỗi người ở một nơi
Mai sau này đoàn tụ
Bóng anh đã đi rồi

Đà-lạt thành phố buồn
Anh ra đi lặng lẽ
Để lại đàn em thơ
Vợ con và các cháu...

QUẢNG NGUYỄN